GEORGE CHARLES SELDEN

"Cuốn sách kinh điển và bất tử với thời gian" - **Amazon.com**

TÂM LÝ
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Thảm họa đầu cơ và sự cuồng loạn của đám đông





PSYCHOLOGY OF THE STOCK MARKET

NXB THỜI ĐẠI
alphabooks®
knowledge is power

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho bản tiếng Việt)

"Làm thế nào để kiểm soát được cảm giác sợ hãi cùng tâm lý hoài nghi và dự đoán được xu thế tăng giảm của thị trường?" là câu hỏi khiến không ít các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán phải đau đầu tìm lời giải đáp.

Xác định chính xác mức độ và dũng cảm đối mặt với các cảm xúc đó, đồng thời luôn giữ cho mình một cái "đầu lạnh" để có thể đưa ra được những đánh giá khách quan là điều không phải nhà đầu tư nào cũng làm được. Phần đông những người tham gia thị trường chứng khoán đều tìm cách tránh né những rủi ro và nỗi bất an bằng cách làm theo những gì người khác đang làm, với tâm lý là số đông luôn đúng. Điều này chính là nguyên nhân gây ra sự cuồng loạn của đám đông, khi rủi ro xảy ra sẽ kéo theo hàng loạt các tổn thất và biến thành thảm họa.

Nhà đầu tư vĩ đại thế kỷ XX, Ben Graham từng nhận xét rằng: "Đầu cơ cổ phiếu chủ yếu là câu chuyện xoay quanh việc anh A cố gắng nghĩ xem anh B, C và D đang nghĩ gì – trong khi B, C và D cũng cố làm y như thế. "

Liệu có cách nào giúp các nhà đầu tư, đặc biệt là những người mới chập chững đặt chân vào thị trường chứng khoán tránh được những cạm bẫy của việc đầu tư theo số đông và đưa ra được những quyết định sáng suốt bất chấp sự cuồng loạn của đám đông quanh mình hay không?

Để tìm kiếm lời giải cho những câu hỏi trên, các chuyên gia chứng khoán đã không ngừng đưa ra những lý thuyết và các phương pháp luận tân tiến để áp dụng vào thị trường chứng khoán. Các trào lưu đầu tư liên tục quay vòng, song các nhà đầu tư vẫn không tránh khỏi vòng xoáy nghiệt ngã của nạn đầu cơ cùng các thảm họa tài chính khác.

Bằng những kiến thức chuyên sâu về thị trường chứng khoán cùng khả năng phân tích tâm lý tài chính tài tình, Geogre Charles Selden đã mô tả những bí mật ẩn giấu đằng sau các nguyên lý hoạt động của thị trường chứng khoán, cung cấp những bài học quý báu giúp các nhà đầu tư có cái nhìn xuyên suốt và khách quan trong việc đưa ra những quyết định mang tính sống còn.

Được xuất bản năm 1912, đã trải qua hơn 100 năm nhưng *Psychology of Stock Market* với phiên bản tiếng Việt mang tên **Tâm lý thị trường chứng khoán** vẫn giữ nguyên được giá trị của nó cho đến hôm nay.

Với lối diễn đạt đơn giản nhưng logic, ngắn gọn nhưng sâu sắc, tác phẩm của G.C. Selden xứng đáng được tôn vinh là "cuốn sách bất tử với thời gian", và trở thành "kinh thánh" cho các nhà đầu tư chứng khoán, đặc biệt là về tâm lý thị trường.

Bên cạnh những lời khuyên bổ ích cùng những kiến thức vô giá về kinh doanh chứng

khoán, **Tâm lý thị trường chứng khoán** cũng giúp người đọc thay đổi một số cách nhìn truyền thống về tâm lý đám đông trên thị trường. Như chính G.C. Selden đã nói, khi bạn nhận thức được về tâm lý đám đông theo cách này, cũng là lúc bạn có thể bước vào thị trường chứng khoán và khám phá những điều thú vị cùng những bí mật ẩn giấu phía sau trò chơi kinh doanh vĩ đại nhất mọi thời đại.

Chúc các bạn thành công.

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2011

CÔNG TY SÁCH ALPHA

G.C.SELDEN

TÂM LÝ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Phương Lan *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Cuốn sách này được viết dựa trên quan điểm cho rằng sự biến động của giá cả trên các thị trường chứng khoán phụ thuộc rất nhiều vào tâm lý của đám đông các nhà đầu tư và kinh doanh ở đó. Đây là kết quả của nhiều năm nghiên cứu cũng như tích lũy kinh nghiệm của tác giả với tư cách là nghiên cứu sinh tại trường đại học Columbia, phóng viên tin tức, chuyên gia thống kê và thành viên ban biên tập của tạp chí *Wall Street Journal*.

Tác giả mong muốn cuốn sách sẽ trở thành công cụ hữu ích phục vụ những người đang quan tâm trực tiếp hay gián tiếp tới thị trường; và cũng hy vọng rằng, về mặt học thuật, nó sẽ là những lý luận cơ bản ban đầu trong một lĩnh vực mới mẻ, nơi cơ hội cho những nghiên cứu sâu sắc hơn vẫn còn đang rộng mở.

G. C. SELDEN

New York, 28 tháng Năm, 1912

I - VÒNG QUAY ĐẦU CƠ

Hầu hết những người kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường sẽ đều phải thừa nhận rằng những biến động giá cả không đáng kể – dao động trong khoảng từ năm đến mười đô-la – xảy ra ở những cổ phiếu có tính đầu cơ cao – phần lớn đều là do vấn đề tâm lý. Chúng là kết quả của rất nhiều cách phản ứng khác nhau của đám đông, hay nói chính xác hơn là thái độ của những người đang tham gia thị trường tại thời điểm đó.

Những biến động giá cả như vậy thường bắt nguồn từ những "yếu tố kinh tế cơ bản" – nghĩa là những thay đổi thật sự trong chính sách trả cổ tức hay sự biến động trong khả năng sinh lời của một công ty niêm yết nào đó. Tuy nhiên, nó cũng có thể hoàn toàn không phải vậy. Thông thường, những biến động lớn trên thị trường trong vòng một vài tháng hay thậm chí là một vài năm là kết quả của những thay đổi trong khía cạnh tài chính; nhưng những biến động nhỏ và ngắn hạn hơn thường là kết quả của những thay đổi trong suy nghĩ của đám đông các nhà đầu tư và kinh doanh, thứ có thể có hoặc không trùng khớp với những thay đổi trong các yếu tố cơ bản của nền kinh tế.

Để bạn đọc thấy rõ hơn yếu tố tâm lý đang từng ngày từng giờ ảnh hưởng tới thị trường chứng khoán như thế nào, ta sẽ cùng nghe lại một mẩu đối thoại giữa những người kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp, và đây hoàn toàn là những điều có thể được nghe thấy hàng ngày trên Phố New hay tại các quán cà phê quanh đó.

"Thế nào, anh biết được gì rồi?" Một người hỏi bạn anh ta.

Câu trả lời là: "Có vẻ như thiên hạ đều đã bán khống và giờ đang nợ cổ phiếu . Vậy nên tôi vừa mới mua lại số cổ phiếu Steel của mình rồi ".

"Những người tôi gặp đều nghĩ hệt như anh. Ai cũng ra sức mua lại vì nghĩ những người khác đã bán khống – trong khi thị trường thì vẫn chưa có dấu hiệu đi lên rõ rệt. Tôi cho là lúc này không mấy người cần mua lại cổ phiếu nữa đâu, và nếu đúng là như thế thì thị trường sẽ còn giảm nữa."

"Đúng thế, chỉ có điều bây giờ ai cũng nói như anh cả – tất cả họ đã bán vì nghĩ những người khác đã mua rồi. Tôi nghĩ bán khống lúc này vẫn có lợi như trước đây thôi."

Rõ ràng là chuỗi tư duy đó có thể sẽ tiếp diễn không bao giờ ngừng. Những thay đổi nhanh chóng trong đánh giá về thị trường của mọi người khiến ta liên tưởng tới trò chơi bập bênh, trong đó mỗi bên lần lượt giành phần thắng cho mình trong chuỗi tư duy liên tục và cuối cùng chẳng có ai đi tới cái đích cụ thể nào cả.

Suy luận của hai nhân vật này dựa vào một điểm mấu chốt, họ cho rằng suy nghĩ của một người đang đầu tư (hay đầu cơ) theo giá lên sẽ hoàn toàn khác so với suy nghĩ của một người đang đầu cơ theo giá xuống . Và do đó, trong những cuộc hội thoại như thế này, điều mà họ đang nói tới chính là thái độ của đám đông những người đang tham gia vào thị trường lúc bấy giờ ra sao. Nếu phần đông các nhà đầu tư lướt sóng , vốn rất dễ lung lay, lạc quan cho rằng thị trường sẽ đi lên thì bất cứ dấu hiệu nào của điều ngược lại cũng sẽ khiến họ nhanh chóng bán ra, kết quả là thị trường sẽ đi xuống. Trong khi đó, nếu phần đông những người này cho rằng thị trường đang đi xuống thì một dấu hiệu đi lên sẽ lại khiến họ lập tức mua vào

và cùng với nó thị trường sẽ đi lên.

Vấn đề tâm lý trong đầu cơ có thể được xem xét từ hai khía cạnh với tầm quan trọng tương đương. Một là, tâm lý của công chúng sẽ có tác động như thế nào tới thị trường? Và một thị trường bị ảnh hưởng bởi tâm lý như vậy sẽ diễn biến ra sao? Hai là, tâm lý của cá nhân một nhà đầu tư hay kinh doanh sẽ ảnh hưởng thế nào tới khả năng có được lợi nhuận của chính anh ta? Liệu anh ta có vượt qua được trở ngại do chính những kỳ vọng, nỗi sợ hãi, sự dè dặt cũng như ngoan cố của bản thân gây ra hay không? Và nếu có thì anh ta sẽ làm được tới đâu?

Hai khía cạnh này trong thực tế liên quan tới nhau chặt chẽ đến mức khả năng xem xét chúng một cách riêng rẽ là hầu như không có. Đầu tiên chúng ta cần nghiên cứu vấn đề tâm lý đầu cơ một cách tổng thể, rồi sau đó mới có thể thử đưa ra các kết luận về cả những tác động của nó lên thị trường cũng như ảnh hưởng của nó tới khả năng thành bại của cá nhân các nhà đầu tư.

Để cho thuận lợi có lẽ chúng ta nên bắt đầu bằng cách tìm lại nguồn gốc sâu xa của một chu kỳ đầu cơ điển hình, một kịch bản lâu nay vẫn lặp đi lặp lại, hết lần này đến lần khác, hết năm này sang năm khác ở các thị trường chứng khoán và đầu cơ trên toàn thế giới – và có lẽ sẽ còn tiếp diễn chừng nào giá cả vẫn được định đoạt thông qua quá trình tranh giành lợi ích giữa người bán và người mua còn con người thì vẫn mải miết chạy đua tìm kiếm lợi nhuận và tránh xa khỏi thua lỗ.

Ban đầu, giao dịch không hề sôi động, giá cả biến động rất ít còn công chúng thì hầu như chẳng để tâm chút nào tới thị trường. Sau đó giá cả có dấu hiệu nhích lên đôi chút, nhưng mơ hồ đến nỗi khó mà cảm nhận được. Không có lý do hợp lý nào giải thích cho điều này và mọi người đều cho rằng nó chỉ là hiện tượng nhất thời gây ra bởi một vài giao dịch của các nhà kinh doanh chuyên nghiệp. Tất nhiên, trên thị trường lúc này, cũng như mọi thời điểm khác, luôn có một lượng cổ phiếu nào đó đã được bán khống, đang "ngủ yên" chờ đợi thời cơ được mua để trả lại. Bởi một cổ phiếu có tính đầu cơ cao hiếm khi có thể thoát khỏi vòng xoáy của hoạt động đầu cơ kiểu này.

Tuy nhiên, vào giai đoạn đầu của chu kỳ, hoạt động đầu cơ trong công chúng vẫn còn khá hiếm hoi, chỉ có một số ít người sẵn sàng bán cổ phiếu mình đang sở hữu để hưởng phần chênh lệch khi giá tăng, do đó giá cả đã không hề bị ảnh hưởng bởi hoạt động chốt lời trên quy mô lớn. Tuy nhiên, số ít những nhà kinh doanh chuyên nghiệp thì lại nhìn nhận theo một hướng khác. Cho rằng một sự nhúc nhích nhỏ là điểm sáng duy nhất có thể hy vọng vào thời điểm này và cơ hội dù nhỏ vẫn cần được tận dụng nếu muốn kiếm chút lợi nhuận, họ nhanh chóng đi vay cổ phiếu và bán ra thị trường. Làn sóng đó khiến cho giá cả gần như quay trở về mức nguội lạnh ban đầu.

Ít lâu sau, một đợt tăng điểm khác lại diễn ra, lần này mạnh mẽ hơn lần đầu đôi chút. Một số nhà kinh doanh nhạy bén ngay lập tức nắm bắt xu hướng và bắt đầu mua vào. Nhưng công chúng thì vẫn thờ ơ còn lượng cổ phiếu đang chờ được mua lại vẫn tiếp tục "ngủ yên" bởi phần lớn trong số chúng đã được vay để bán ra với giá cao hơn giá hiện tại rất nhiều.

Dần dần, giá cả tăng mạnh hơn và bắt đầu ở vào mức cao. Một số người đang nợ cổ phiếu tỏ ra e ngại, họ tiến hành mua vào, hoặc là để bảo toàn một phần lợi nhuận, hoặc là để tránh không thua lỗ. Xu hướng tăng trở nên rõ rệt và một làn sóng mạnh mẽ những người kinh doanh bắt đầu nhận ra điều đó, họ nhào theo con sóng và tích cực mua vào. Công chúng cũng nhận thấy sự tăng giá và một mặt bắt đầu nghĩ rằng thị trường có thể sẽ còn tiến xa hơn

nữa; thế nhưng mặt khác vẫn cho rằng cơ hội để mua vào vẫn còn đang ở phía trước khi thị trường có phản ứng điều chỉnh.

Chẳng lấy gì làm lạ khi kịch bản ấy không hề diễn ra. Những người chần chừ đã không có được cơ hội để mua vào nữa. Giá cả càng lúc càng vọt lên nhanh hơn. Đương nhiên cũng có những khoảng thời gian nó có vẻ chững lại nhưng cứ mỗi lần như thế thị trường lại có vẻ "quá mong manh để có thể mạo hiểm." Và đến khi tăng trở lại, giá cả thường diễn biến rất nhanh với mức tăng nhảy vọt khiến cho những-nhà-đầu-tư-hay-do-dự này bị tụt lại phía sau ngày càng xa hơn.

Dần dần, ngay cả những tay bán khống lì lợm nhất cũng phải lo lắng trước khoản nợ đang tăng lên từng ngày từng giờ và bắt đầu mua vào với số lượng lớn. Với họ, những kẻ luôn theo dõi sát sao thị trường thì có vẻ như nó đang "sôi lên sùng sục" và có thể lập đỉnh mới vào bất cứ thời điểm nào. Dù niềm tin của họ vào xu hướng giá giảm có chắc chắn đến đâu thì rốt cuộc, họ cũng phải đầu hàng sau khi chứng kiến hết đợt tăng điểm này đến đợt tăng điểm khác. Họ buộc phải mua lại tất cả những gì có thể rồi tự an ủi rằng mình sẽ không phải gánh thêm khoản thua lỗ nào nữa.

Lúc này, đám đông công chúng bắt đầu kết luận rằng thị trường hiện nay "quá vững chắc để có thể đảo chiều" và điều duy nhất nên làm là "mua vào bằng bất cứ giá nào". Suy nghĩ này lại làm xuất hiện một làn sóng mua vào mạnh mẽ hơn nữa và điều này – đến lượt nó – lại đẩy giá cả lên những mặt bằng mới, cao hơn. Để rồi những kẻ nhanh tay mua vào lại có cơ hội hỉ hả với nhau về những món lời kiếm được một cách dễ dàng và nhanh chóng của mình.

Có người mua ắt có kẻ bán – hay, nói cho chính xác hơn, có bao nhiêu cổ phiếu được mua vào thì cũng sẽ có bấy nhiêu cổ phiếu được bán ra, bởi ở giai đoạn này, trên thực tế, số lượng người mua lớn hơn rất nhiều so với số lượng người bán. Vào thời gian đầu của đợt tăng giá, nguồn cung cổ phiếu thường nhỏ giọt và thưa thớt; nhưng khi giá cả tăng cao hơn, ngày càng có nhiều người nắm giữ cổ phiếu thỏa mãn với mức lợi nhuận của mình và sẵn sàng bán ra. Những kẻ vẫn gan lì tin vào xu hướng giảm cũng bắt đầu tìm cách hãm bớt đà tăng điểm bằng việc bán khống mỗi khi giá cả vọt lên với hy vọng đó sẽ là đỉnh cao nhất và sau khi đã đạt đỉnh, giá nhất định phải đi xuống. Nhưng những mức đỉnh mới cứ tiếp tục được lập ra và họ tiếp tục chịu sức ép phải mua lại với giá cao hơn hết lần này đến lần khác, mỗi lần chịu thêm một chút lỗ cho đến khi cái đỉnh thực sự được xác lập.

Việc bán ra trong giai đoạn này, theo quy luật, không xuất phát từ những người đang nắm giữ nhiều cổ phiếu nhất. Những người này thường có khả năng phán đoán đủ chính xác hoặc có những mối quan hệ đủ sâu rộng để đảm bảo rằng họ luôn có lợi nhuận; và cả hai điều này đã ngăn cản họ bán ra trong giai đoạn đầu của đợt tăng điểm, khi việc tiếp tục nắm giữ cổ phiếu đang hứa hẹn sẽ còn mang lại những khoản lợi nhuận lớn hơn rất nhiều.

Việc giá cả bị đẩy lên cao tới mức nào sẽ tùy thuộc vào tình trạng của nền kinh tế. Nếu tín dụng được thả lỏng và các ngành kinh doanh nói chung đang trong giai đoạn phát đạt thì có thể hy vọng vào một đợt tăng điểm kéo dài; còn nếu các ngân hàng siết chặt cho vay trong khi sản xuất kinh doanh chẳng lấy gì làm sôi động thì sức tăng chắc chắn sẽ chỉ ở một mức giới hạn nào đó. Nếu môi trường kinh tế vĩ mô không thuận lợi thì những đợt bán ra ồ ạt từ những tay bán khống – trên thực tế – sẽ chấm dứt đà tăng của thị trường; nhưng nếu thị trường được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định thì đà tăng sẽ được duy trì cho đến khi xuất hiện lực bán ra từ những người mua cổ phiếu để đầu tư thực sự, và những người này sẽ chỉ bán ra khi cho rằng giá cả đã đạt đỉnh.

Ở một khía cạnh nào đó, thị trường luôn là sàn đấu giữa những người đầu tư và đầu cơ. Mối quan tâm chủ yếu của các nhà đầu tư thực sự là tỷ lệ lãi suất , nhưng họ cũng không ngần ngại kiếm lời bằng cách mua thấp bán cao. Những người này sẵn sàng đầu tư vào một cổ phiếu mà họ cho là có tiềm năng ở mức giá có thể đem lại tỷ lệ lãi suất 6% một năm; song họ cũng có thể bán chúng ra ngay lập tức để đổi lấy mức lời chỉ 4%. Trong khi đó, một tay đầu cơ chẳng bao giờ thèm quan tâm tới tỷ lệ lãi suất. Anh ta muốn mua vào trước khi giá tăng và bán khống trước khi giá giảm. Anh ta cũng có thể mua ngay cả khi giá đang ở đỉnh của một đợt tăng điểm mạnh, miễn là anh ta biết sẽ còn những đợt tăng tiếp theo.

Bởi vậy, khi thị trường đi lên, các nhà đầu tư lần lượt cảm thấy thỏa mãn với tỷ lệ lãi suất đạt được và quyết định bán cổ phiếu của mình đi. Do đó, lượng cổ phiếu được quay vòng bởi các nhà đầu cơ sẽ liên tục tăng lên tựa như một quả cầu tuyết càng lăn lại càng phình to ra. Thông thường, trong một đợt biến động giá ở mức trung bình, với mức tăng từ 5 đến 20 đô-la một cổ phiếu, giao dịch của các nhà đầu tư là ít hơn nhiều so với các nhà đầu cơ. Cứ mỗi một trăm cổ phiếu bán ra ở mức giá 150, nhà đầu tư thu được 15.000 đô-la; nhưng cũng với số tiền trên, nhà đầu cơ có thể dễ dàng quay vòng lượng cổ phiếu lớn hơn đến mười lần.

Lý do khiến lượng cổ phiếu được các nhà đầu tư bán ra thị trường tạo được ảnh hưởng lớn đến như vậy không nằm ở số lượng cổ phiếu được bán ra thị trường vào thời điểm đó, mà bởi vì chúng có lượng cung cố định và không bao giờ bị thiếu cho đến khi giá cả bị xuống thấp một cách đáng kể. Ngược lại, những người đầu cơ có thể sẽ mua lại những gì chính anh ta hay những nhà đầu cơ khác đã bán đi ngày hôm trước.

Đến một lúc nào đó, dường như tất cả đều đang mua vào. Giá cả trở nên rối loạn. Một cổ phiếu có thể tăng vọt và khiến những tay bán khống kiên cường nhất cũng phải hốt hoảng. Một cổ phiếu khác cũng tăng mạnh tương tự, nhưng rồi sau đó lại lặng lẽ hạ nhiệt ngay lập tức trong khi còn chưa có ai kịp để mắt tới nó, giống như một chú ếch con bất ngờ nhảy ra khỏi giếng rồi lặn mất tăm. Một vài cổ phiếu khác cũng dao động mạnh không kém, tuy chỉ là quanh một mức nhất định, giống như chiếc tàu khổng lồ chạy bằng guồng nước đang cố thoát khỏi chỗ cạn trên bãi cát ở cửa sông.

Nhưng rồi cuối cùng, thị trường cũng phải đi xuống chút ít, nếu không nói là điều chỉnh mạnh, nó tròng trành như thể chiếc thuyền đang bị cơn bão lớn đe dọa nuốt trôi tất cả hàng hoá trên boong. Đây lại được xem như một “sự điều chỉnh tích cực”, mặc dù nó chẳng có lợi cho ai ngoài những nhà đầu cơ theo giá giảm. Nhưng sau chút sóng gió, giá cả lại trở lại mức cao như cũ và mọi người đều hài lòng, ngoại trừ một vài kẻ bảo thủ nhất vẫn còn ảo tưởng về xu hướng đi xuống vững chắc của thị trường. Họ sẽ lập tức bị coi như những kẻ tầm thường chỉ đáng làm chủ đề cho những câu chuyện phiếm.

Kỳ lạ thay, dù giá cả đang ở mức cao và mọi người đều đang mua vào nhưng dường như vẫn luôn có đủ cổ phiếu chào bán cho những người mới muốn tham gia vào thị trường. Và một vài tư duy đủ kỳ quặc để dành thời gian làm bận đầu mình với những điều như thế còn nhận ra rằng giá cổ phiếu nói chung giờ đây không còn tăng mạnh như trước nữa, nếu không muốn nói là đang dậm chân tại chỗ. Những tay đầu cơ nắm giữ nhiều cổ phiếu nhất nhận thấy thị trường giờ đã đủ lớn để hấp thụ lượng cổ phiếu khổng lồ của họ nên đang bán ra dần dần. Và như vậy là vẫn luôn có đủ cổ phiếu quay vòng trên thị trường. Những nhà đại tư bản của chúng ta hiếm khi nào lại ở trong tình trạng “hết hàng”. Họ chỉ đơn giản là có nhiều cổ phiếu hơn khi giá thấp và ít cổ phiếu hơn khi giá lên cao mà thôi. Hơn nữa, rất lâu trước khi nguồn cung cổ phiếu có nguy cơ cạn kiệt, rất nhiều cổ phiếu mới đã ra đời.

Khi thị trường đang sôi động với lượng người tham gia đông đảo, một lượng bán chốt lời có thể được hấp thụ trong vòng ba, bốn ngày hay một tuần, sau đó giá cả mới giảm xuống. Nhưng nếu lượng đầu cơ không nhiều, thị trường sẽ có thể trụ vững ở mức đỉnh trong vài tuần, thậm chí là vài tháng. Những người nắm nhiều cổ phiếu sẽ có cơ hội kiếm được những món lợi nhuận lớn nhờ bán dần nhiều đợt với số lượng nhỏ ra thị trường trước khi giá cả chìm sâu. Những tay bán khống quy mô lớn hóa ra lại không phải là những người hùng không thể bị đánh bại. Họ thường bán ra quá sớm và sau đó ngậm ngùi chứng kiến thị trường liên tiếp lập những kỷ lục mới, hoặc là nắm giữ quá lâu và phải chịu thua lỗ nặng trước khi thoát khỏi thị trường.

Trong những đợt bán chốt lời như thế này, các nhà đầu tư giá lên sẽ vô tình nhận được rất nhiều sự giúp đỡ không chủ ý từ phía các nhà đầu tư giá xuống. Tuy nhiên, dù những kẻ chịu ơn này có cẩn trọng che giấu động thái bán ra của mình đến đâu chăng nữa thì họ cũng vẫn sẽ bị các chuyên gia phân tích và những người thường xuyên theo dõi biểu đồ diễn biến của thị trường phát hiện. Và một lượng đáng kể các giao dịch bán khống nhỏ lẻ sẽ diễn ra trong khi thị trường dao động trong khoảng một vài điểm quanh mức đỉnh của nó. Đây là một trong những lý do giải thích tại sao ở những cổ phiếu có tính đầu cơ cao thường có sự biến động giá cả ngắn và ít hơn so với những cổ phiếu khác – và điều này ngược lại với những gì mọi người vẫn lầm tưởng. Hình thức bán khống rất khó tồn tại trong thị trường hạn hẹp .

Một khi khoảng trùng trình ở đỉnh thị trường bị phá vỡ, đà sụt giảm sẽ có tốc độ nhanh hơn nhiều so với tốc độ tăng giá trước đó, nguồn cung nhanh chóng tăng lên và cổ phiếu được chuyển qua chuyển lại hết nhà đầu cơ này đến nhà đầu cơ khác với mức giá ngày một thấp hơn. Đôi khi chúng được giữ lại khá lâu bởi bàn tay của những kẻ ngoan cố nhất định chờ giá lên rồi mới bán ra, khiến một bộ phận những người đang nợ cổ phiếu phát hoảng và phải mua ngay lại. Thị trường nhờ vậy mà có được một đợt hồi phục đáng kể. Song nhìn chung, chừng nào lượng cổ phiếu đó vẫn còn trôi nổi trên thị trường thì xu hướng chung của giá cả vẫn sẽ là tiếp tục đi xuống.

Trước khi các nhà đầu tư và tư bản đầu cơ tầm cỡ quay trở lại thị trường, lượng cổ phiếu được nắm giữ bởi đám đông các nhà đầu cơ giá lên vẫn tiếp tục tăng lên khá đều đặn. Trong khi đó, nguồn cung trôi nổi các cổ phiếu trên Phố Wall vẫn không hề giảm sút và các giao dịch bán khống cũng ngày càng gia tăng. Dĩ nhiên, các nhà đầu cơ theo giá lên sẽ phải gánh cả lượng cổ phiếu bán khống cũng như lượng cổ phiếu trôi nổi đó, bởi lẽ có kẻ bán ắt phải có người mua, cho dù đó là cổ phiếu đầu cơ theo giá lên hay giá xuống. Trên thực tế, các cổ phiếu đã được bán khống cũng liên tục được mua trả lại mỗi khi thị trường giảm sâu, nhưng trong hầu hết trường hợp các nhà đầu cơ đều trở lại vòng quay và bán khống lần nữa, ở mức giá cao hơn hoặc thấp hơn tùy vào cơ hội mà họ nắm bắt được. Tính trung bình, lượng cổ phiếu được bán khống sẽ lớn nhất khi giá cả ở những mức thấp, mặc dù tại một vài thời điểm trong suốt quá trình đi xuống của thị trường, lượng bán khống sẽ nhiều hơn tại thời điểm thị trường chạm đáy, khi đó, chính lượng cổ phiếu được mua vào để trả nợ lại chính là cứu cánh cho những cơn hoảng loạn cực độ của đám đông.

Sự đi xuống của thị trường, cũng giống như lần đi lên trước đó, một lần nữa sẽ phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế cơ bản; bởi nếu nền kinh tế đang vận hành trơn tru thì các nhà đầu tư và tư bản đầu cơ sẽ trở lại thị trường sớm hơn so với khi dòng vốn đầu tư đang khan hiếm và viễn cảnh của các ngành sản xuất kinh doanh không có gì tươi sáng. Như một quy luật, lượng người mua vào sẽ không tăng mạnh cho đến ngày “đại hạ giá”, thời điểm một lượng rất lớn cổ phiếu được bán ra với giá thấp bằng hàng loạt các lệnh bán cắt lỗ. Các nhà kinh doanh trực tiếp trên sàn lập tức nắm lấy cơ hội này để dìm giá xuống và hậu quả là hàng

loạt cổ phiếu mất giá mạnh trên diện rộng.

Thị trường bỗng nhiên tràn ngập các cổ phiếu rẻ bất ngờ và những nhà đầu tư và đầu cơ khôn ngoan – cả lớn lẫn nhỏ nhưng phần nhiều là lớn hoặc sắp trở nên như vậy – liền mải mê thu nhặt chúng. Giới hạn giá của rất nhiều nhà đầu tư cũng bắt đầu bị phá vỡ do thị trường liên tục phá đáy và họ không thể tiếp tục mua vào nữa. Những người này sẽ không mua vào trở lại cho tới khi một chu kỳ tăng giá mới bắt đầu.

Rất nhiều cổ phiếu khống cũng được mua lại tại những thời điểm thị trường thủng đáy như thế này, nhưng không phải tất cả. Và cái kết của một ngày "đại hạ giá" chính là sự xuất hiện một lượng lớn cổ phiếu khống cần được mua lại. Giá cả nhờ thế mà hồi phục đôi chút nhưng khi lượng cầu tạm thời này qua đi, thị trường lại tiếp tục quay đầu đi xuống và rơi vào trạng thái ảm đạm kéo dài. Và đây cũng chính là tình trạng tại thời điểm bắt đầu của vòng quay đầu cơ mà chúng ta vừa phân tích.

Những diễn biến trong một chu kỳ của thị trường như trên thường rất giống nhau hết lần này đến lần khác, dù nó có thể kéo dài một tuần, một tháng hay là một vài năm. Một chu kỳ dài thường trải qua rất nhiều giai đoạn chuyển tiếp, những giai đoạn này đến lượt chúng lại bao gồm những vòng quay tương tự. Các nhà đầu tư thường sẽ không tham gia vào một chu kỳ nhỏ, nhưng những yếu tố liên quan tới một chu kỳ biến động giá trong khoảng ba điểm sẽ hầu như giống với những gì liên quan tới một đợt biến động trong khoảng 30 điểm, mặc dù sẽ rất khó để nhận ra chúng.

Đến đây chúng ta chợt nhận ra một sự thật hiển nhiên rằng những gì được mô tả ở trên thực chất là câu chuyện về những niềm hy vọng và nỗi sợ hãi của con người; về những diễn biến tâm lý xuất phát từ chính trạng thái của một nhà đầu tư hay đầu cơ trên thị trường chứ không phải từ những đánh giá khách quan về tình hình thực tế của họ; về sự phản chiếu không hề chắc chắn của một hiện tại chủ quan vào một tương lai bất định dù không phải là hoàn toàn không thể dự đoán trước, được thực hiện bởi trí tưởng tượng phong phú của đám đông công chúng.

Tạm thời gạt sang một bên ảnh hưởng của những yếu tố cơ bản của nền kinh tế, nhiệm vụ của chúng ta là tìm kiếm cả nguyên nhân lẫn ảnh hưởng của những yếu tố tâm lý này tới hoạt động đầu cơ.

Thật khó để một người bình thường làm ngược lại những quan niệm phổ biến. Trên thị trường chứng khoán điều này còn khó hơn, bởi rõ ràng là về lâu dài, giá cổ phiếu phải được xác định bởi quan điểm chung, phổ biến của số đông công chúng. Có điều là chúng ta đã quên mất rằng quan điểm của công chúng trong một thị trường đầu cơ được đo đạc bằng đồng đô-la, chứ không phải bằng quy mô của đám đông công chúng đó. Quan điểm của một người đang nắm giữ một triệu đô-la cổ phiếu sẽ có sức nặng gấp năm lần quan điểm của tổng số năm trăm người trong đó mỗi người chỉ sở hữu có một nghìn cổ phiếu. Tiền chính là sức mạnh của thị trường – số lượng người tham gia vào đó không có chút ý nghĩa nào.

Đó là lý do tại sao quan điểm phổ biến của đám đông lại là thị trường sẽ đi lên trong khi nó đang ở đỉnh và sẽ đi xuống nó đã chạm đáy. Và như vậy, các nhà kinh doanh nhỏ lại thường mua vào thời điểm giá đạt đỉnh và bán khống hoặc rời khỏi thị trường khi giá vừa chạm đáy. Trên thực tế, việc mua vào ở đỉnh thị trường của họ cho thấy một điều chắc chắn rằng phải có một nguồn cung cổ phiếu vẫn nằm đâu đó trên thị trường.

Trở lại với người đang nắm giữ một triệu đô-la cổ phiếu, hóa ra anh ta lại là kẻ câm lặng. Thời điểm anh ta cần nói ra ý kiến của mình đã qua – giờ đây tiền sẽ thay anh ta làm công việc đó. Còn hàng nghìn những kẻ đang chỉ có vẻn vẹn một nghìn đô-la cổ phiếu thì lại thường hay dông dài và tỏ ra mình rất có ảnh hưởng. Trong số đó có cả những tay chuyên viết lách – phóng viên tin tức hay những kẻ chuyên đi lượm lặt những chuyện ngồi lê đôi mách cho các công ty môi giới chứng khoán.

Suy luận trên sẽ dẫn chúng ta tới một kết luận rằng phần lớn những người nói và viết về thị trường thường sai lầm hơn là đúng đắn, ít nhất là khi họ đề cập đến những biến động mang tính đầu cơ. Độc giả của những tờ báo ăn theo thời cuộc chắc hẳn sẽ phải thừa nhận điều này mặc dù những tờ báo không phải là nguyên nhân khiến cho quan điểm của đám đông trở nên sai lầm. Nhìn chung, báo chí chỉ phản ánh suy nghĩ của đám đông; và trong thị trường chứng khoán, theo một cách rất lô-gic, báo chí sẽ thường có xu hướng cho rằng thị trường sẽ đi lên trong khi nó đã ngự trên đỉnh cao ngất ngưởng và cho rằng nó sẽ đi xuống trong khi đã thủng đáy quá sâu.

Chúng ta sẽ thấy rằng một người bình thường luôn có xu hướng lạc quan khi nhìn vào công việc kinh doanh của anh ta và bi quan khi nhìn vào công việc kinh doanh của những người khác. Và tất nhiên, quy luật này cũng hoàn toàn đúng với một người kinh doanh chuyên nghiệp trên thị trường chứng khoán. Theo như lô-gic trên, anh ta thường sẽ cho rằng những người khác đang phạm sai lầm và tin chắc rằng những phân tích của bản thân về thị trường là đúng đắn. Anh ta chỉ đánh giá cao ý kiến của một vài người mà anh ta cho là thành công một cách chung chung; ngoài những người này ra thì càng nghe nhiều những quan điểm cho rằng thị trường sẽ đi lên, anh ta lại càng nghi ngờ sự khôn ngoan của chính mình khi đồng tình với những quan điểm đó.

Sự trái ngược này của thị trường, dù rất dễ hiểu khi mổ xẻ nguyên nhân song lại làm nảy sinh một kiểu hoài nghi khá kỳ lạ trong giới các nhà kinh doanh chuyên nghiệp – bởi vậy mà họ thường không tin tưởng vào những điều hiển nhiên, rõ ràng và đi ngược lại những suy luận thông thường khi tiếp cận bất cứ vấn đề nào của thị trường. Trong suy nghĩ của những người này, những suy luận ngược thường mang hình thái kỳ cục và thất thường nhất, và chúng chính là nguyên nhân tạo ra những sự biến động vô lý của giá cả – điều thường được

quy kết là âm mưu nhằm thao túng thị trường.

Ví dụ, một tay buôn chứng khoán bắt đầu với giả thiết: Thị trường vừa có một đợt tăng điểm ấn tượng ; tất cả các nhà đầu tư nhỏ lẻ đều tin vào thị trường giá lên; chắc hẳn một vài người nào đó đã bán cho họ những cổ phiếu mà giờ họ đang cầm giữ; vậy thì rất có thể những nhà tư bản tầm cỡ đã bán khống hay chốt lời, giờ đây họ đang sẵn sàng cho hành động tiếp theo và đó rất có thể là sự chuẩn bị cho một thị trường đi xuống. Sau đó, nếu một tin tức tốt lành hậu thuẫn cho thị trường giá lên xuất hiện và, hãy giả dụ rằng nó gây ra một thay đổi quan trọng trên thị trường – anh ta sẽ lập tức kết luận: "À, vậy ra đây là cách họ kéo thị trường đi lên!" Hoặc: "Họ đang tung tin tốt để đẩy giá nhằm bán cổ phiếu ra đây mà." Và vậy là anh ta ra sức bán toàn bộ số cổ phiếu đầu cơ mà anh ta có hoặc có thể là đi vay cổ phiếu để bán khống.

Suy luận của anh ta có thể đúng mà cũng có thể không. Nhưng dù sao thì hành động bán ra của anh ta hay của bất kỳ ai khác có suy luận tương tự rõ ràng đã làm xuất hiện một xu hướng giảm điểm cho thị trường trong khi một tin tức tốt vừa được công bố. Sự giảm điểm này xem ra thật ngớ ngẩn trong mắt những người ngoài cuộc và họ buộc phải bám vào cái lý lẽ truyền thống đã cũ rích của mình: "Tất cả là một âm mưu thao túng thị trường."

Quy tắc ngược đời này thậm chí còn đi xa hơn nữa. Bạn sẽ thấy các nhà kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp lý luận rằng các chỉ số đẹp đẽ về ngành thép đã được dựng lên để cho những người đang cầm giữ cổ phiếu này có thể bán chúng đi với giá hời; hay là những bản báo cáo u ám được tung ra nhằm khuyến khích các nhà đầu tư tích trữ cổ phiếu đó. Do đó, họ có thể hành động ngược lại với những tin tức đó và kéo thị trường đi theo suy nghĩ của họ.

Một nhà đầu tư càng ít biết về thực trạng của nền tài chính bao nhiêu thì những suy luận của anh ta trong trường hợp như thế lại càng dễ sai lầm bấy nhiêu. Nếu anh ta hoàn toàn tự tin vào thực trạng của nền kinh tế, anh ta sẽ dễ dàng chấp nhận viễn cảnh mà một tin tức tốt lành có thể tạo ra. Nếu không, anh ta sẽ có thái độ nghi ngờ và thậm chí còn lấy đó làm cơ sở để bán khống. Ngược lại, nếu anh ta biết rằng nền kinh tế đang trong tình trạng không ổn định, anh ta sẽ không suy diễn một tin tức xấu là một âm mưu nhằm thúc đẩy sự tích trữ cổ phiếu.

Lối suy luận theo kiểu tương tự cũng được áp dụng trong những vụ mua vào với quy mô lớn thông qua các tay môi giới, những kẻ luôn mang tiếng xấu là cấu kết với giới tư bản cỡ bự. Trên thực tế, trong trường hợp này chúng ta sẽ thấy quá trình suy luận ngược thậm chí còn diễn ra tới hai lần. Việc mua vào như vậy sẽ gây ấn tượng cho những người quan sát theo ba cách:

1. Những người ngoài cuộc sẽ nhận định đó là "xu hướng đi lên của thị trường," đúng như những gì nó thể hiện bên ngoài.

2. Một nhà kinh doanh chuyên nghiệp hơn một chút có thể nhận định rằng: "Nếu họ thực sự muốn có được số cổ phiếu đó thì chắc chắn họ đã không giao dịch thông qua các tay môi giới mà sẽ cố gắng giấu giếm nó bằng cách đặt các lệnh mua rải rác ở nhiều công ty khác nhau."

3. Một chuyên gia khác có thể lại đảo ngược suy luận đó một lần nữa và cho rằng: "Họ đang mua vào thông qua các tay môi giới để đánh lừa chúng ta và làm cho chúng ta tin rằng

ai đó đang sử dụng những tay môi giới đó làm bình phong." Theo lối suy luận này thì anh ta sẽ đi tới kết luận giống như những "người ngoài cuộc" trong trường hợp thứ nhất

Suy luận của các nhà kinh doanh còn có thể trở nên phức tạp hơn nữa khi một lượng mua hay bán lớn được thực hiện công khai bởi một tay chuyên nghiệp có tầm cỡ trên thị trường, vốn nổi tiếng là kiếm được những khoản lợi nhuận khổng lồ thông qua hoạt động mua đi bán lại. Nếu anh ta mua vào 50.000 cổ phiếu, những người kinh doanh chứng khoán khác sẽ sẵn sàng bán cho anh ta trong khi nhận định của họ về thị trường không bị tác động nhiều, đơn giản vì họ biết rằng anh ta có thể sẽ bán chúng đi ngay ngày hôm sau hay thậm chí là chỉ vài giờ sau để kiếm lời. Chính vì lý do này mà đôi khi nhiều nhà tư bản lớn thực hiện giao dịch thông qua những tay kinh doanh sừng sỏ này nhằm thực hiện cho được mục đích của mình mà không hề gây nghi ngờ. Do đó, trò chơi trí tuệ tinh vi xung quanh những vụ mua bán lớn như thế thường trở nên vô cùng phức tạp.

Chúng ta sẽ thấy phương pháp suy luận ngược này đặc biệt có tác dụng tại thời điểm thị trường đang ở đỉnh hoặc chạm đáy, khi quá trình phân phối hay tích trữ đang diễn ra trên quy mô lớn. Một thị trường "thừa cổ phiếu" nhìn chung sẽ liên tục thờ ơ với những tin tức tốt lành dù nó vừa trải qua một đợt tăng điểm khá mạnh. Ngược lại, một thị trường không hề sụt giảm trước tin tức xấu chứng tỏ nó đang "khát cổ phiếu."

Ở khoảng giữa hai điểm cực đó, các nhà tư bản sẽ chẳng có lý do gì mà phải che giấu động thái của mình. Một khi đã tích lũy đủ ở mức giá thấp, họ sẽ không ngần ngại lộ mình là những người đi đầu tin tưởng vào xu hướng tăng giá của thị trường và có đầy đủ lý do để công khai thực hiện các lệnh mua. Và điều này sẽ còn tiếp diễn cho tới khi họ đã sẵn sàng bán ra. Tương tự, khi đã bán được lượng cổ phiếu lớn với giá hời, họ cũng không cần thiết phải che giấu hành động của mình nữa, mặc cho những lệnh bán công khai của họ giờ đây có thể khiến tình trạng thị trường xấu đi trong vài tháng hay thậm chí là cả năm.

Còn trong suốt hành trình đi lên của thị trường, một "con cừu non ngơ ngác" mới chính là kẻ kiếm ra tiền, bởi anh ta biết chấp nhận sự thực như những gì nó vốn có, trong khi đó, một tay kinh doanh chuyên nghiệp lại thường cố tình đi ngược lại xu thế và thua lỗ nặng bởi chính thói quen suy luận ngược với đầy hoài nghi và theo kiểu "cầm đèn chạy trước ô-tô" của chính mình.

Một nhà kinh doanh thành công cuối cùng sẽ học được cách nhận biết khi nào nên đi ngược lại những diễn biến tự nhiên trong suy luận của mình và khi nào nên giữ chúng nguyên như vậy. Dần dần anh ta sẽ tôi luyện nó thành bản năng. Tuy nhiên, với một tay lính mới trên thị trường chứng khoán thì kiểu suy luận ngược này lại rất nguy hiểm, bởi anh ta sẽ áp dụng nó trong bất kỳ trường hợp nào. Đối với anh ta, một tin tốt có thể là (1) biểu hiện của một xu thế đi lên mạnh mẽ của thị trường hoặc là (2) dấu hiệu cho thấy "ai đó" đang cố làm giá để dễ dàng bán ra. Tin xấu có thể đơn thuần chỉ ra rằng thị trường đang đi xuống hoặc có thể là một âm mưu nhằm tích lũy được lượng cổ phiếu lớn với giá thấp.

Một người buôn bán chứng khoán nghiệp dư do đó sẽ cảm thấy vô cùng bối rối. Anh ta như thể đang chơi đùa với những công cụ của các tay buôn chuyên nghiệp, vô cùng sắc bén nhưng cũng dễ gây thương tích nếu không biết cách sử dụng. Vậy phỏng có ích gì khi anh ta cứ cố công áp dụng suy luận của mình vào mọi diễn biến của thị trường trong khi mọi sự kiện xảy ra đều có thể suy diễn theo hai cách khác nhau?

Thực ra, cũng khó mà chắc chắn được liệu thói quen hoài nghi những điều hiển nhiên của một tay buôn chuyên nghiệp có mang lại cho anh ta nhiều lợi ích về lâu dài hay không. Có

lẽ ai trong chúng ta cũng từng chạm mặt với những người như vậy, đặc biệt là những kẻ "vô công rồi nghề" tại các văn phòng môi giới chứng khoán, những người luôn luôn hoang mang bởi chính suy nghĩ máy móc của mình – điều vốn là hậu quả của việc liên tục thay đổi quan điểm về thị trường. Họ luôn cố công tìm kiếm những lý do sâu xa của mọi thứ kể cả những điều đã trở nên rõ ràng nhất. Họ cho rằng – thậm chí quy kết – Morgan và Rockefeller là những kẻ chuyên dùng thủ đoạn nhỏ nhen, xấu xa nhất và gán cho họ những âm mưu xảo quyệt nhất đối với những sự việc mà hai nhà tài chính này thậm chí chẳng buồn mảy may để tâm tới. Bộ máy tư duy của họ có lẽ cũng bị trục trặc do phải đảo chiều quá nhiều lần.

Có lẽ không một quy tắc chung nào thích hợp hơn trong hoàn cảnh này bằng nguyên tắc ngắn gọn, cơ bản nhất: "Hãy tuân theo lẽ tự nhiên." Giữ cho đầu óc tỉnh táo và cởi mở, tránh suy diễn xa xôi. Tuy nhiên, còn có một vài gợi ý khác như sau:

Nếu đang tham gia thị trường, đừng cố bênh vực niềm tin sai lầm của bản thân bằng cách vận dụng lối suy luận lắt léo trước những sự thực hiển nhiên. Nếu bạn đang mua vào hoặc là bán khống, bạn sẽ có xu hướng đánh giá sự việc một cách chủ quan và sẽ cố xoay chuyển nó theo hướng giống với những định kiến bạn đã mang sẵn trong đầu. Có lẽ là không quá khi nói rằng đây chính là trở ngại lớn nhất trên con đường dẫn tới thành công. Điều tối thiểu nhất mà bạn có thể làm lúc này là hãy tránh suy luận ngược nhằm cố biện hộ cho trạng thái của chính mình.

Sau một đợt tăng điểm kéo dài, đừng cố dùng suy luận ngược để thuyết phục bản thân rằng giá sẽ còn lên cao nữa; tương tự, sau một đợt xuống giá mạnh, đừng để những suy diễn bi quan trở nên quá phức tạp. Hãy tỏ ra nghi ngờ tin tốt khi giá cả đã lên cao và tin xấu khi giá cả đã xuống thấp.

Hãy nhớ rằng một tin tức chỉ có thể gây ra "một" sự biến động trong giá cả. Nếu sự biến động đã xảy ra trước khi tin tức đó chính thức được công bố, do kết quả của những lời đồn hay kỳ vọng của đám đông, thì sẽ không lặp lại lần nữa sau khi lời công bố chính thức được đưa ra; nhưng nếu trước khi tin tức đó được chính thức công bố mà không có sự biến động nào về giá cả thì sau đó nó sẽ tác động tới tình hình hiện tại của thị trường và có thể gây ra sự biến động về giá cả.

III - “HỌ”

Nếu một người hoàn toàn xa lạ với thị trường chứng khoán phải dành ra vài ngày để nghe ngóng những cuộc nói chuyện, trao đổi của các nhà đầu tư và những người kinh doanh chứng khoán hòng thu thập thông tin về nguyên nhân của những biến động về giá cả thì có lẽ câu hỏi cấp bách nhất trong đầu họ sau khoảng thời gian ngắn ngủi khó khăn này sẽ là: “‘HỌ’ là ai?”

Đi đến đâu anh ta cũng nghe về “HỌ”. Tại phòng giao dịch của một công ty chứng khoán không tăm tiếng, anh ta bắt gặp một gã đàn ông trẻ tuổi, chỉ giao dịch vẻn vẹn mười cổ phiếu nhưng lại đang tranh luận một cách rất hiểu biết về những điều mà “HỌ” sẽ làm tiếp theo. Cả các chuyên gia lẫn những tay nghiệp dư sẽ cho anh ta biết rằng “HỌ” đang tích lũy cổ phiếu Steel hay đang phân phối cổ phiếu Reading. Những người kinh doanh trực tiếp trên sàn giao dịch cũng như thành viên của sở giao dịch sẽ thầm thì to nhỏ với nhau rằng “HỌ” đang đưa thị trường đi lên hay đi xuống, tùy vào tình hình. Cả những nhà đầu tư điềm tĩnh nhất cũng có thể cho anh ta biết rằng, mặc dù thị trường hiện tại đang rất ảm đạm, chắc chắn “HỌ” sẽ phải tạm thời kéo thị trường lên cao nhằm tống khứ lượng cổ phiếu khổng lồ mà “HỌ” đang nắm giữ đi.

Lý thuyết về “HỌ” xem ra rất phổ biến cả trong giới kinh doanh thành công cũng như những người mới vào nghề – nhóm này có vẻ đông đảo hơn nhiều. Người ta cũng có thể tranh cãi về lý do tại sao, nhưng bản thân điều đó là một sự thật hiển nhiên không thể chối cãi. Cho dù “HỌ” có là một truyền thuyết hay là một thực thể rõ ràng hiện hữu đi chăng nữa thì rất nhiều người cũng đang kiếm tiền nhờ nghiên cứu thị trường xét từ lăng kính này.

Nếu bạn thử dạo quanh Phố Wall và hỏi các nhà kinh doanh xem “HỌ” là ai, bạn sẽ nhận được vô số các câu trả lời khác nhau tương đương với số người được hỏi. Một người sẽ nói: “Tập đoàn Morgan”; người khác lại cho rằng: “Standard Oil và các thế lực có lợi ích liên quan” – câu trả lời này quả là rộng lớn; người khác: “Nhóm tư bản ngân hàng”; lại một người khác: “Các nhà kinh doanh chuyên nghiệp trên sàn”; người thứ năm: “Nhóm những người nắm giữ các cổ phiếu có giá trị trên thị trường ít nhiều có mối quan hệ làm ăn với nhau”; người thứ sáu có thể nói: “Những nhà đầu cơ khôn ngoan và thành công, dù họ là ai hay ở đâu”; trong khi đối với người thứ bảy: “HỌ” có thể là những nhà kinh doanh nhạy bén trên thị trường nói chung, người chủ động “làm giá” bằng cách mua vào hoặc bán ra trước những người khác.

Thực ra, một tác giả với khối kiến thức uyên bác về tình hình thị trường tin rằng toàn bộ diễn biến của thị trường chứng khoán New York đều nằm dưới sự kiểm soát của một cá nhân nào đó, theo cách này hay cách khác, là đại diện theo cách này hay cách khác của những liên minh lợi ích to lớn.

Tìm kiếm hay xác định nguồn gốc cũng như dấu vết của những thế lực nắm quyền kiểm soát như thế là điều không thể. Bởi các thị trường chứng khoán trên thế giới thường diễn biến tương tác với nhau thành những chu kỳ liên hoàn, nếu quả có một thế lực nào như thế thì hẳn nó phải là liên minh tài chính lớn có tầm cỡ toàn cầu, nắm quyền kiểm soát tất cả các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới. Một nhà quan sát bình thường có lẽ cũng sẽ thấy khó mà tiêu hóa được một giả thuyết như vậy.

Tôi tin rằng chính những cố gắng nhằm biến toàn bộ các kỹ năng đầu cơ và đầu tư

thành những điều rõ ràng đến không tưởng và đơn giản đến lý tưởng là nguyên nhân của rất nhiều thất bại. A.S. Hardy, một nhà ngoại giao, nguyên là giáo sư toán học với nhiều tác phẩm về phương pháp đại số biểu diễn phép quay (tổ hợp quaternion) và phép tính vi phân, đã từng nhận xét rằng toán học là một môn khoa học nghèo nàn, bởi nó không kích thích tư duy phê phán của con người. Với những định đề cố định và chắc chắn, một nhà toán học sẽ đưa ra một kết luận chính xác; tuy nhiên, trong những vấn đề thực tế, cái khó lại nằm ở việc bạn phải chọn định đề nào.

Vậy là, những nhà nghiên cứu thị trường theo trường phái toán học sẽ luôn tìm kiếm một quy luật hay một chuỗi các quy luật – một "điều chắc chắn" như các nhà kinh doanh vẫn nói. Anh ta hẳn sẽ không tìm kiếm những quy luật như thế nhằm tìm kiếm thành công trong việc kinh doanh hoa quả hay buôn đồ cũ; ngược lại, anh ta sẽ phân tích từng tình huống cụ thể nảy sinh và hành động cho phù hợp với hoàn cảnh ấy.

Đối với tôi, thị trường chứng khoán hoàn toàn là một vấn đề của thực tế. Các phương pháp khoa học có thể được áp dụng cho bất cứ ngành kinh doanh nào, từ chứng khoán cho đến chăn nuôi gia cầm, nhưng nó hoàn toàn khác với việc cố gắng đơn giản hóa những biến động trên thị trường thành những định đề chắc chắn đúng của toán học.

Bởi vậy, khi thảo luận về danh tính của "HỌ", chúng ta buộc phải chấp nhận những sự thật hiển nhiên như nó vốn có mà không cố nhào nặn ra những lý thuyết tốt đẹp và chuẩn mực theo ý mình.

Khái niệm "HỌ" có chút cơ sở thực tế nếu được hiểu theo ba nghĩa. Thứ nhất, "HỌ" có thể và thường được hiểu là những nhà kinh doanh trên sàn tại Sở giao dịch chứng khoán. Họ chính là những người có mối liên hệ trực tiếp với các lệnh chào bán và mua, lập nhóm nhằm kiểm soát một cổ phiếu nào đó hay những cá nhân đang thao túng thị trường.

Các nhà kinh doanh trên sàn có ảnh hưởng quan trọng tới những biến động tức thời của giá cả trên thị trường. Giả sử, họ quan sát thấy có rất ít các lệnh chào mua cổ phiếu Reading. Dù giá có giảm nhưng thanh khoản vẫn không được cải thiện và chỉ có một số rất ít lệnh mua và bán được khớp ở mức giá cao. Họ bắt đầu cảm thấy rằng nếu không có biến động lớn nào xảy ra thì Reading sẽ không giảm giá mạnh. Một điều tự nhiên mà họ có thể làm đó là mua vào mỗi khi giá xuống thấp. Vậy là ngay khi cổ phiếu được chào bán với giá hời, họ sẽ ngay lập tức chộp lấy.

Kết quả của sự "vơ vét" này là cổ phiếu Reading bắt đầu trở nên khan hiếm và các nhà kinh doanh trên thị trường bắt đầu tin rằng giá sẽ tăng lên. Họ bắt đầu "làm giá". Điều này hoàn toàn không khó bởi tất cả họ trong thời điểm này đều đang đồng tình ủng hộ một mặt bằng giá cao hơn. Giả sử thị trường đang khớp lệnh ở mức 161⅛, chào bán ở mức 161¼. Họ nhận thấy là chỉ có 100 cổ phiếu được chào mua ở mức ¼, và 200 cổ phiếu ở mức ⅜. Và họ không chắc có bao nhiêu cổ phiếu đang được chào mua ở mức giá ½, nhưng như vậy là đủ dữ liệu cho một phán đoán khôn ngoan. Một hay nhiều nhà kinh doanh sẽ mua vào khoảng 500 cổ phiếu, và buộc thị trường phải khớp giá ở mức ½. Các nhà kinh doanh khác tất nhiên sẽ không sẵn sàng chấp nhận mức chênh lệch còn quá ít ỏi này và sẽ chờ xem liệu có ai đó ngoài thị trường chú ý tới biến động nhỏ vừa diễn ra hay không, và nếu có thì anh ta sẽ đặt lệnh mua hay bán. Nếu có một vài lệnh mua, nó sẽ đẩy giá khớp lên đến ⅝ hoặc ¾. Còn nếu là lệnh bán thì có thể nói là họ đã thành công, họ sẽ mua những lệnh chào với giá thấp và lại lặp lại toàn bộ kịch bản vào ngày hôm sau, có khi là chỉ vài giờ sau. Cuối cùng, bằng cách nắm lấy mọi cơ hội thuận lợi có thể, họ đã đẩy giá cổ phiếu lên khoảng hai tới ba điểm mà không cần phải mua vào lượng cổ phiếu nhiều hơn những gì họ mong muốn.

Nếu một biến động như vậy lại được tiếp nối bởi một biến động khác, thị trường có thể dễ dàng tăng lên mười điểm mà không cần bất cứ một sự thay đổi thực sự nào trong triển vọng kinh doanh của Reading – mặc dù một thay đổi như vậy có thể chính là nguyên nhân khiến cổ phiếu Reading trở nên khan hiếm trước khi biến động về giá cả này diễn ra. Còn ngược lại, nếu một lượng cổ phiếu lớn bị bán tháo ngay khi giá tăng lên vài điểm thì những hậu quả khi bong bóng giá cả vỡ tung cũng hết sức nhẹ nhàng đối với các nhà kinh doanh trên sàn.

Việc một liên minh được hình thành để nắm quyền kiểm soát một cổ phiếu nào đó không diễn ra thường xuyên và phổ biến như người ta vẫn nghĩ. Có rất nhiều trở ngại cần phải vượt qua trước khi một liên minh như thế được hình thành, đoàn kết lại với nhau và cùng hành động một cách thành công. Cách đây không lâu, chúng ta đã có cơ hội chứng kiến trường hợp của Hocking Coal & Iron. Nhưng nếu một liên minh như thế thực sự đã tồn tại thì hoạt động của nó thường là sự áp dụng lặp lại trên quy mô lớn và trên cơ sở những thỏa thuận ràng buộc các phương pháp mà giới kinh doanh trên sàn đã thực hiện với quy mô nhỏ và trên cơ sở sự hợp tác tình nguyện, không ràng buộc, bắt nguồn từ những lợi ích chung mà tất cả cùng hướng đến. Còn trường hợp của cá nhân muốn thao túng thị trường thì đơn giản đó là một liên minh chỉ bao gồm một thành viên.

Thứ hai, nhiều người cho rằng “HỌ” là liên minh các nhà tư bản đầy quyền lực, những người có thể cùng lúc tiến hành những chiến dịch có quy mô lớn trên các thị trường chứng khoán chủ chốt trên toàn thế giới. Có thể nói rằng một liên minh bền vững và cố định như thế chắc chắn không tồn tại, mặc dù hoàn toàn không dễ dàng để chứng minh điều này. Tuy nhiên, khi một thế lực lớn nhưng đơn lẻ nào đó nắm quyền kiểm soát thị trường, những thế lực khác sẽ tạm thời chấp nhận khoanh tay đứng nhìn hoặc cùng tham gia nhưng với quy mô nhỏ hơn hoặc chờ đợi cơ hội thuận lợi để đón đầu xu hướng mới.

Đến đây chắc độc giả cũng có thể hình dung những cái tên như Standard Oil, Gates, Morgan và Harriman, trong quá khứ chắc chắn đã không chỉ một lần cùng nhau nắm quyền kiểm soát trong một chiến dịch quy mô. Hiện tại, những nhóm lợi ích lớn có thể chia làm ba nhánh: Morgan, Standard Oil và Kuhn-Loeb.

Một thỏa thuận rõ ràng giữa các nhóm lợi ích này chắc chắn là điều không thể, trừ khi chúng phục vụ cho những lợi ích cụ thể và tạm thời. Mà những mục đích như thế càng không có nhiều bởi các nhà tài phiệt vĩ đại này chẳng mấy tin tưởng lẫn nhau và bản thân mỗi liên minh lợi ích dạng này cũng chỉ là một sự ràng buộc không chắc chắn của rất nhiều thành phần đa dạng với một điểm chung duy nhất – quyền kiểm soát vốn. Một liên minh như thế không phải là một đội quân, kẻ phản bội không bao giờ bị đưa ra tòa án binh và bị xử bắn. Đó là một kiểu băng nhóm, và nó cần được dẫn dắt chứ không phải chỉ huy. Tất nhiên kẻ phản bội bị phát hiện cũng có thể bị xử tử, song chỉ về mặt tài chính, nhưng trong thị trường chứng khoán, kẻ phản bội không thể bị phát hiện. Trừ khi hoạt động của hắn ta quá công khai và diễn ra trên quy mô lớn, còn không hắn sẽ luôn ẩn mình khỏi sự chú ý của đồng minh.

Xét từ phương diện này thì “HỌ” có lẽ không thường xuyên hoạt động một cách có hiệu quả trên thị trường. Các chiến dịch lớn thường chỉ được tiến hành một cách an toàn ở những thời điểm mà tại đó viễn cảnh tương lai được đảm bảo chắc chắn ở một mức độ nhất định nào đó. Một khi tương lai còn bị bỏ ngỏ, khi hàng loạt các sự kiện hỗn độn vẫn thường xuyên xen vào đời sống chính trị và tài chính, thì các nhà tài phiệt sẽ vẫn vui vẻ thu hẹp hoạt động của mình ở phạm vi cá nhân, hoặc ít nhất là cũng trì hoãn không để một hoạt động trên quy mô lớn nào diễn ra cho đến khi mọi thứ trở nên rõ ràng hơn.

Thứ ba, "HỌ" có thể được hiểu một cách đơn giản là các nhà đầu cơ và đầu tư nói chung – một tập hợp hỗn tạp rất nhiều cá nhân thuộc nhiều thành phần khác nhau, rải rác khắp nơi trên toàn thế giới, trong đó mỗi người đều đóng góp một phần rất nhỏ bé của mình vào những cơn biến động giá cả trên thị trường chứng khoán. Xét theo quan điểm này thì ta có thể hoàn toàn chắc chắn về sự tồn tại của "HỌ" và "HỌ" ở đây cũng chính là vị quan tòa cuối cùng quyết định xem giá cả sẽ ở mức nào. Nói cách khác, đây chính là những khách hàng đích thực trên thị trường chứng khoán, những người mà tất cả chúng ta đang dự định, sớm hay muộn, trực tiếp hay gián tiếp, sẽ bán cổ phiếu cho họ.

Bạn có thể dẫn một chú ngựa đến bên dòng suối, nhưng không thể bắt nó uống nước. Bạn hay tôi hay bất cứ một nhà tài phiệt giàu có nào cũng có thể đưa ra một mức giá cho cổ phiếu của mình, nhưng không thể bắt "HỌ" phải mua chúng, trừ khi "HỌ" thực sự có nhu cầu và sức mua. Vậy thì trong mọi trường hợp, luôn có một khái niệm về "HỌ" giúp chúng ta có cơ sở để lý giải những gì đang diễn ra.

Trong trường hợp một chiến dịch lớn đang được tiến hành, lý thuyết giá trị của "HỌ" chắc chắn sẽ giúp ích rất nhiều trong quyết định tích lũy hay phân phối cổ phiếu. Trong thực tế, ở giai đoạn sau của một đợt tăng giá có chủ ý, những lập luận phổ biến mà ta thường được nghe sẽ tương tự như sau: "Phải, giá cả đang cao và khả năng sẽ diễn ra một đợt tăng giá lớn nữa là không sáng sủa lắm – nhưng cổ phiếu đang được nắm giữ bởi những tay có quyền lực và "HỌ" sẽ phải đưa giá lên cao hơn nữa để dễ bề bán ra." Tương tự, sau một đợt giảm điểm kéo dài, chúng ta thường nghe được thông tin rằng một vài người đang gặp rắc rối và "HỌ" sẽ còn phải hạ giá xuống nữa cho đến khi một đợt mua vào với số lượng lớn và ổn định diễn ra.

Tất cả những điều này thực chất chỉ là màn kịch dùng để che mắt những tay đầu cơ ngu xuẩn nhất. Mặc dù khi giá cả đã quá cao so với thực tế của nền kinh tế và không lý do gì hợp lý để biện minh cho việc nó sẽ còn tăng hơn nữa, một vài người vẫn cố tình mua vào bởi lý do "HỌ" cũng có thể sẽ làm như vậy. Hoặc nếu đám đông không thể mua thêm vào với số lượng lớn nữa thì những người này cũng không dám bán khống vì sợ hãi "HỌ" sẽ làm như vậy.

Một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp những tình trạng của thị trường – người kiếm tìm lợi ích cả ngắn hạn lẫn dài hạn – đều tỏ ra rất chắc chắn khi đưa ra quyết định chủ yếu dựa trên những điều anh ta nghĩ "HỌ" sẽ làm. Hình dung về "HỌ" trong tư tưởng của anh ta giống như những gì chúng ta đã nhắc đến trong giả thuyết thứ nhất – những nhà môi giới, các nhóm đầu cơ hay những kẻ muốn thao túng thị trường. Quả thực anh ta thu được rất nhiều từ điều này bởi lẽ nó làm anh ta tạm quên đi những tin tức nóng hổi hay những tin đồn đang lan tỏa xung quanh và ngăn không cho những quyết định của anh ta bị ảnh hưởng bởi tình trạng hiện tại của thị trường.

Khi thị trường rơi vào trạng thái đuối sức nhất, những tin tức xấu nhất liên tục xuất hiện, khi ai ai cũng đều cảm thấy rằng thị trường đang ở đáy của một đợt giảm giá mạnh, đó là lúc thích hợp để mua vào, điều mà kẻ khờ khạo nhất cũng hiểu. Nhưng nếu một người biết rằng khi những tin tức xấu vừa xuất hiện, một cơn lũ cổ phiếu đang tràn ra tứ phía nhưng chẳng có ai buồn đếm xỉa đến chúng thì anh ta cũng sẽ gần như không dám lao vào cơn lũ đó. Nhưng mặt khác, nếu anh ta cho rằng "HỌ" chỉ đang cố tình giáng cho thị trường một đòn thật mạnh hòng tạo cơ hội mua lại đám cổ phiếu mà "HỌ" đã bán khống với giá cao trước đó ít lâu, anh ta sẽ có đủ dũng khí để mua vào. Quan điểm đó có thể đúng mà cũng có thể sai, nhưng ít nhất anh ta cũng tránh được việc mua vào ở đỉnh và bán ra ở đáy và hơn nữa còn có đủ dũng khí để mua vào khi thị trường đang ở mức thấp và bán ra ở mức cao.

Nguyên nhân vì sao khái niệm về "HỌ" theo quan điểm của một người kinh doanh chứng khoán điển hình lại mơ hồ đến vậy là vì anh ta chỉ quan tâm đến việc "HỌ" hành động như thế nào trên thị trường. Còn việc "HỌ" là ai thì anh ta lại không tò mò cho lắm.

Tuy nhiên, phân tích một cách rõ ràng và chính xác tình hình luôn tốt hơn chỉ hiểu mơ hồ về nó, một nhà đầu tư sẽ làm tốt hơn rất nhiều nếu loại bỏ được ra khỏi suy nghĩ quan niệm về "HỌ". "HỌ" sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu không có một định nghĩa rõ ràng được nhắc tới ở phần trước. Và nếu cứ dùng từ đó thường xuyên trong tình trạng như vậy thì thật là một sự cẩu thả trong ngôn từ. "HỌ", theo nghĩa là các liên minh lợi ích ngân hàng lớn có thể sẽ trái ngược với "HỌ" theo nghĩa là những cá nhân đang thao túng thị trường; và những cá nhân đó cũng có thể lại mẫu thuẫn với "HỌ" theo nghĩa là những nhà kinh doanh trực tiếp trên sàn chứng khoán.

Thực tế, diễn biến thị trường không thể được phán đoán dựa trên những phát biểu thiếu cơ sở về việc "HỌ" sẽ hành động ra sao. Bạn không thể xác định được thái độ đối với thị trường của từng cá nhân đang tham gia vào đó, nhưng chắc chắn là bạn có thể xác định được nguồn gốc của các lệnh bán và mua sắp được đưa ra, những động cơ sẽ khuyến khích các nhà đầu tư và đầu cơ, và trạng thái của những cổ phiếu ngắn hạn cũng như dài hạn. Tóm lại, sau khi đã quan sát và nghiên cứu, bạn sẽ có được một định nghĩa rõ ràng về "HỌ" và chắc chắn sẽ có được điều đó nếu hành động dựa trên thực tế thị trường.

Có một thực tế là các nhà đầu tư và buôn bán chứng khoán nghiệp dư, và thậm chí phần lớn những người chuyên nghiệp đều đã và đang đầu cơ dựa vào những sự kiện ĐÃ xảy ra. Ví dụ, thu nhập của ngành đường sắt được công bố cho thấy có sự tăng trưởng ròng. Rất nhiều người sẽ ngay lập tức lập luận một cách non nớt rằng: "Lợi nhuận tăng có nghĩa là cổ tức cũng sẽ tăng. Giá cả sẽ lên. Tôi sẽ mua vào."

Nhưng thực tế hoàn toàn không phải như vậy. Lẽ ra phải nói rằng: "Giá cả đã tăng một khoảng tương đương với mức tăng trưởng lợi nhuận rồi, trừ khi có một yếu tố khác đã bù đắp sự tăng trưởng đó của giá cả. Vậy tiếp theo sẽ ra sao đây?"

Con người thường tin vào điều mà chúng ta cho là hiển nhiên rằng hiện tại sẽ luôn luôn tiếp diễn như nó vốn có. Cuộc sống của chúng ta dường như vẫn đang diễn ra dựa phần lớn vào giả định đó. Khi giá bột mì lên cao, người nông dân tăng sản lượng của họ vì cho rằng trồng lúa mì sẽ có lợi hơn, khi giá cả thấp họ lại giảm sản lượng đi. Tôi nhớ một lần nói chuyện với một người nông dân trồng khoai tây, ông ta nói đã kiếm được rất nhiều tiền bằng cách đơn giản là đi ngược lại lối suy nghĩ trên. Khi giá khoai tây thấp ông ta trồng rất nhiều; khi giá cao ông ta trồng rất ít vì cho rằng những người khác chắc chắn sẽ làm điều ngược lại.

Một con người bình thường không hay được Chúa trời ban phát cho – hay là bắt gánh lấy, tùy theo cách bạn nhìn nhận nó – một bộ não biết phân tích. Chúng ta đều nhìn cuộc đời qua một "lăng kính tối màu." Tư tưởng của chúng ta thường bị những màn sương mờ ảo bao quanh và suy luận của chúng ta thường chỉ mãi đi theo một lối mòn mà phải rất khó khăn, thậm chí là không thể nào, thoát ra nổi. Rất nhiều cảm xúc và hành động của chúng ta chỉ là những phản ứng tự nhiên không chủ đích đối với các tác nhân bên ngoài.

Một ví dụ minh họa đơn giản cho điều này là mối ác cảm mà chúng ta dành cho chiếc đồng hồ báo thức vẫn ngày ngày gọi chúng ta dậy vào buổi sáng. Chúng ta đã cẩn thận đặt giờ và để nó cạnh giường, và nó hữu ích tới mức nếu một ngày nào đó nó không hoạt động nữa, có lẽ chúng ta sẽ lâm vào những hoàn cảnh vô cùng khó xử. Ấy vậy mà tất cả những gì chiếc đồng hồ trung thành nhận được chỉ là sự ghét bỏ của chúng ta.

Mỗi khi một chuyến tàu điện bị hoãn lại, chín trong số mười người đang đứng đợi trên sân ga sẽ liên tục nghển cổ lên nhìn xem liệu nó sắp đến hay chưa, trong khi những hành khách đang ngồi trên chuyến tàu bị chậm đó, những người đang có nguy cơ rất cao là sẽ lỡ những cuộc hẹn quan trọng, thì tỏ ra vô cùng căng thẳng, cứ như thể làm như thế sẽ khiến đoàn tàu đi nhanh hơn. Qua đó chúng ta nhận ra một quy luật là thay vì phân tích và tính toán, dường như chúng ta đã lãng phí quá nhiều năng lượng, cả về thể chất lẫn tinh thần để suy nghĩ về việc đạt được điều gì đó.

Đối với những vấn đề phức tạp như giá cổ phiếu, sự mơ hồ của chúng ta tăng lên, tỷ lệ thuận với độ phức tạp của vấn đề cũng như sự thiếu hiểu biết mà chúng ta dành cho nó. Từ những gì đọc, quan sát và trao đổi được, chúng ta tự tiêm nhiễm vào đầu mình rất nhiều ý tưởng mà dựa vào đó chúng ta kết luận rằng thị trường đang đi lên hay đi xuống. Ngay cả cách diễn đạt "thị trường đang đi xuống" – chứ không phải là "thị trường sẽ sớm đi xuống" – cũng chỉ ra rằng chúng ta đang để hiện tại làm lu mờ tương lai bằng chính những phán xét

thiếu cơ sở của mình.

Bất cứ một tay buôn bán cổ phiếu thành thật nào cũng sẽ thừa nhận rằng giá cả sẽ ở mức cao nhất khi những tin tức tại thời điểm đó là những thông tin tốt nhất; vì thế bạn sẽ thấy anh ta mua cổ phiếu SAU khi những tin tức đó xuất hiện với hy vọng đón được xu hướng của thị trường.

Trong hầu hết những sự kiện sắp diễn ra, những dấu hiệu thường xuất hiện từ trước đó, và những nhà đầu cơ thông minh nên lấy chúng làm cơ sở cho hành động của mình. Sự biến động giá theo chiều hướng đón đầu một sự kiện như vậy thường được gọi là "sự dự báo" và quá trình này rất đáng để chúng ta xem xét một cách kỹ lưỡng.

Suy nghĩ đầu tiên đến với chúng ta có lẽ sẽ là có một vài sự kiện không thể dự báo trước được, thậm chí cả với những trí tuệ được cho là sáng suốt nhất cũng như các liên minh ngân hàng lớn mạnh nhất – điều mà từ góc độ thực tế chỉ là sự ảo tưởng. Trận động đất kinh hoàng diễn ra tại San Francisco là một ví dụ chuẩn mực về những sự kiện không thể dự báo trước được; nhưng cũng không nhất thiết phải là những thứ do "Chúa Trời" gây ra kiểu như vậy mới là không thể dự báo. Chắc chắn là những chủ ngân hàng hàng đầu nước Mỹ cũng mù mờ chẳng kém gì một khách hàng khiêm nhường nhất tại một văn phòng môi giới chứng khoán vô danh về chuyện một vị quan tòa tại Tòa án tối cao sẽ đưa ra lời phán xử cuối cùng ra sao.

Nếu tác động của một sự kiện nào đó không thể khiến người ta cảm nhận được nó trước khi nó xảy ra thì sau khi nó xảy ra chắc chắn người ta cũng phải cảm thấy nó. Trong khi thảo luận về sự dự báo, chúng ta phải luôn ghi nhớ điều này để không bị lạc quá xa khỏi chủ đề.

Mặt khác, một sự kiện đôi khi còn bị dự báo quá lên. Nếu cổ tức của một cổ phiếu nào đó sẽ tăng từ 4 lên 5%, những tay đầu cơ hăng hái nhất sẽ sẵn sàng tung tin đồn rằng tỷ lệ cổ tức mới sẽ có thể là 6 hay 7%, để đến khi tin tức chính thống đưa ra con số 5% thì đó sẽ được coi như một sự thất vọng và làm giá của cổ phiếu đó xuống thấp.

Nói chung, bất cứ sự kiện nào dưới sự kiểm soát của những nhà tư bản lớn, hay những yếu tố tài chính chịu sự chi phối của các liên minh ngân hàng đều có thể được dự báo trước. Và với một điều chắc chắn sẽ xảy ra, sẽ luôn luôn có những nguồn lực xuất hiện giúp người ta tận dụng được nó, cho dù nó chỉ là chắc chắn hoặc có thể dự báo trước đối với một số rất ít người.

Song mức độ biết trước về môi trường kinh doanh trong tương lai của những "người trong cuộc" lại thường bị thổi phồng quá mức. Do quá bị phụ thuộc vào các vụ mùa, thái độ của người dân cũng như chính sách của các nhà cầm quyền, đặc biệt là ở Mỹ, viễn cảnh về môi trường kinh doanh đã trở thành một vấn đề khá phức tạp. Không một thế lực nào có thể điều khiển được người dân Mỹ. Bởi vậy mà bất cứ một âm mưu nào như thế đều phải được thực hiện một cách rất khôn khéo và tinh vi.

Hơn nữa, ý kiến của công chúng đang ngày càng trở nên dễ bị lung lay hơn bởi sự phổ biến của thông tin và sự lớn mạnh nhanh chóng của bộ phận những người quan tâm tới thời cuộc. Thật dễ hiểu khi một nhà tài chính có kinh nghiệm cũng phải thốt lên rằng: "Giá mà tại thời điểm năm 1870 tôi có được nguồn vốn khổng lồ như bây giờ để đầu tư" hay "Giá mà ngày hôm nay cũng giống như năm 1870!"

Một kết luận chính xác nhất về thời điểm kết thúc sự tác động của một sự kiện nào đó có thể được rút ra từ việc phân tích kỹ lưỡng hoàn cảnh từ mọi góc độ. Câu hỏi lớn ở đây là, khi nào xu hướng bán hoặc mua trở nên phổ biến và rõ ràng nhất? Ví dụ như năm 1907, thời điểm an toàn và thuận lợi nhất để mua những cổ phiếu có tỷ lệ cổ tức cao nhất là vào ngày thứ Hai sau khi hàng loạt các nhà băng công bố tỷ lệ dự trữ của họ giảm mạnh. Thị trường mở cửa ở mức thấp hơn vài điểm do sức ép thanh khoản, nhưng sau cùng, những cổ phiếu chủ đạo vẫn giữ được giá. Có thể giải thích sự việc này một cách đơn giản là tình hình đã không còn có thể xấu hơn được nữa và tất cả các bên liên quan sẽ phải hợp sức để cùng nhau giải quyết nếu không muốn chứng kiến một sự đổ vỡ kinh hoàng.

Trong chiến dịch bầu cử tổng thống năm 1900 cũng vậy, giá cổ phiếu đã xuống mức thấp nhất khi Bryan được đề cử. Tất cả đều như đồng thanh thốt lên: “Ông ta không thể trúng cử được.” Chính vì vậy, việc ông ta được đề cử đã là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra và đó cũng chính là thời điểm của các tin tức thời sự bi quan nhất. Sau đó, sự thất bại của Bryan ngày càng trở nên rõ ràng và chắc chắn hơn, giá cổ phiếu vì vậy cũng phục hồi trở lại, phản ánh đúng tình hình kinh tế và tài chính lúc bấy giờ.

Tuy nhiên, đối với các nhà tư bản, việc dự báo trước các sự kiện có thể diễn ra không phải là khó khăn lớn nhất. Trở ngại lớn nhất chính là sự không chắc chắn trong chiều hướng tác động của các sự kiện ấy. Nó khiến những đầu óc minh mẫn nhất và những thông tin chính xác nhất cũng chỉ có thể giải quyết được những khả năng mang tính cân bằng, có phạm vi bó gọn trong một xu hướng nhất định.

Trong một số trường hợp, sự không chắc chắn này còn gây ra nhiều áp lực hơn cả những hậu quả tồi tệ nhất khi sự kiện đó thực sự diễn ra. Một ví dụ điển hình là quyết định của tòa án tối cao về một chính sách vốn vẫn không rõ ràng khiến cho rất nhiều doanh nghiệp lo lắng và thậm chí còn không dám tiến hành một dự án hay ký kết một hợp đồng quan trọng nào có liên quan. Đó là thời điểm công ty Northern Securities bị kiện vì độc quyền năm 1904. “Những công ty lớn” khó có thể tự đánh giá được liệu mình có đang “độc quyền” hay không. Chính sự không chắc chắn đó làm cho thị trường đi xuống. Chính vì vậy, một kết cục bất lợi là điều đã được nhiều người dự đoán trước, cho dù cuối cùng chưa chắc mọi chuyện đã tồi tệ đến vậy.

Tuy nhiên, điều đó lại không đúng với trường hợp vụ kiện của tập đoàn Standard Oil và American Tobacco vào năm 1911, bởi quyết định của tòa lúc đó chính là điềm báo về những rắc rối sẽ đến. Đầu tiên, nó được đón nhận bởi hàng loạt động thái tích cực trên thị trường do mọi mối nghi ngờ đã được phá bỏ. Nhưng một đợt đi xuống lại bắt đầu ngay sau đó và không hề được ngăn chặn cho đến khi chính phủ tuyên bố khởi kiện Tập đoàn thép The United States Steel Corporation. Đây được xem là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra, và theo sau đó là điều tốt đẹp hơn, thị trường tăng điểm trở lại.

Thường thì khi có một sự kiện không chắc chắn nào đó xảy ra, thị trường sẽ đóng vai trò là người đánh giá chính xác nhất các khả năng. Mỗi người tham gia vào đó đều có lý lẽ để hậu thuẫn cho quan điểm của mình, và anh ta sẽ biện minh cho nó một cách mạnh mẽ nếu cảm thấy tự tin và vừa phải nếu vẫn còn đôi chút nghi ngờ. Kết quả của những ý kiến trái chiều nhau có thể là một mức giá không biến động hay biến động trong một khoảng hẹp, hoặc là thay đổi theo cả hai chiều hướng, nhiều hay ít còn phụ thuộc vào tỷ lệ mạnh yếu giữa bên mua và bên bán.

Đương nhiên, chúng ta vẫn cần nhớ rằng tiền mới là thứ quyết định chứ không phải là số lượng người bán hay mua. Quan điểm mà một vài nhà tư bản tầm cỡ có được thông qua

các kênh thông tin đáng tin cậy về một sự kiện nào đó sắp diễn ra có thể là đối trọng đáng kể cho quan điểm trái ngược của hàng nghìn nhà đầu tư nhỏ lẻ. Trong thực tế, đó là điều rất thường thấy, như những gì đã được giải thích trong chương trước.

Thậm chí, hành động của cá nhân một nhà đầu tư cũng có ảnh hưởng đến giá cả theo chiều hướng mà anh ta tin tưởng. Khi tin rằng giá đang thấp trong khi mọi thứ đang cho thấy một xu hướng đi lên, anh ta sẽ tập trung nguồn lực để tích lũy càng nhiều cổ phiếu càng tốt. Sau khi giá đã tăng một mức nhất định, nếu nhận thấy một vài yếu tố có thể làm cho giá giảm, thì dù không thực sự tin vào điều đó cho lắm, anh ta vẫn cho rằng sẽ là khôn ngoan hơn nếu bán bớt những gì đã tích lũy được trước đó và thu lời một cách an toàn. Sau đó, nếu thấy giá đã "đủ cao", anh ta sẽ là một người bán hàng rất dễ tính; và nếu cảm thấy những bất trắc có thể xảy ra, anh ta sẽ "bán sạch sẽ" và thoải mái đón nhận bất cứ kết quả nào. Nhưng rồi nếu những gì anh ta cho là một sự đầu cơ thiếu an toàn lại vẫn cứ khiến cho giá tiếp tục đi lên, anh ta sẽ muốn bán khống một vài trăm cổ phiếu nào đó, như là một cách giải tỏa đống tiền vừa thu về cũng như cho chính đầu óc của anh ta.

Tuy nhiên, chính sự khác biệt trong quan điểm của các nhà đầu tư mới là thứ có ảnh hưởng lớn nhất khiến thị trường phản ứng lại với những thay đổi. Một sự kiện khiến một nhà đầu tư phải xả bớt số cổ phiếu anh ta đang cầm giữ đôi khi lại là một diễn biến vô hại, thậm chí là có lợi với một ai đó, khiến người này án binh bất động hay thậm chí là mua thêm vào. Bằng tập hợp muôn màu sắc của những ý kiến, tính cách, thông tin đối lập và đa dạng, giá cả được xác định, và đó mới chính là chỉ số thực của môi trường đầu tư.

Từ những phân tích trên, chúng ta cần thấy rằng không chỉ có các khả năng, mà thậm chí cả những khả năng xa xôi nhất về những điều sắp xảy ra cũng đều được phản ánh trên thị trường. Thật khó có một sự kiện nào với tầm quan trọng đủ để thu hút sự quan tâm chung của tất cả mọi người lại dẫn đến mâu thuẫn trong cách nhìn nhận về xu hướng tác động của nó lên thị trường. Và cũng sẽ chẳng có gì là lạ khi một câu hô hào xuất hiện trên mặt báo rằng: "những hành động cần thiết của toàn thể dân tộc chín mươi triệu người đã tạo ra và duy trì khối lượng giao dịch lớn" sẽ khiến một vài kẻ lạc quan mù quáng mua vào 100 cổ phiếu Union đồng thời khiến những kẻ bi quan tội lỗi coi đó là bằng chứng rõ ràng về sự thiếu vắng các tin tức tốt lành trên thị trường và sẵn sàng bán khống 100 cổ phiếu Union để thể hiện sự chắc chắn của mình về điều đó.

Chính những kẻ đầu cơ trên phạm vi quá rộng mới là thủ phạm gây ra phần lớn những biến động ngớ ngẩn nhất trên thị trường. Bởi việc khiến một tay đầu cơ dạng này mua vào khi số lượng cổ phiếu anh ta vay để bán khống đã "ngập tới tận cổ" là việc quá dễ dàng. Một tin tức bị coi là không có mấy ý nghĩa những lúc khác đối với anh ta sẽ có một tầm quan trọng đáng kể vào lúc đó. Nỗi sợ hãi của anh ta tăng theo cấp số mũ so với tốc độ tăng của khối lượng cổ phiếu mà anh ta cần mua lại. Tương tự, một tay đầu cơ đang ngập trong cổ phiếu có thể sẽ "ném cổ phiếu qua cửa sổ" khi nghe thấy một câu chuyện ngớ ngẩn về cuộc chiến tranh nào đó giữa Honduras và Roumania trong khi chẳng buồn để mắt xem vị trí địa lý của hai đất nước xa xôi đó là ở đâu trên bản đồ.

Những biến động do những sự ngu xuẩn như vậy gây ra thường tương đối nhỏ. Và nguyên nhân thường là nỗi sợ hãi bị phóng đại quá mức về những gì "người khác" có thể làm. Về mặt cá nhân, có lẽ anh ta sẽ không sợ hãi cuộc chiến giữa Honduras và Roumania; nhưng biết đâu những tay đầu cơ khác lại tìm cách lan truyền tin đồn đó hòng phá giá thị trường? Và bạn thì đang có quá nhiều cổ phiếu để có thể ngồi yên mà nhìn chuyện đó xảy ra. Hơn nữa, cho dù những người này không có ý định phá thị trường, thì biết đâu lại chẳng có một cơ số những kẻ khác cũng sẽ nghĩ giống bạn, cũng sợ một cuộc tấn công như vậy, cũng

sẽ cố bán ra càng nhiều cổ phiếu càng tốt và làm cho thị trường đi xuống thực sự?

Một nhà kinh doanh chuyện nghiệp, nếu suy nghĩ theo chiều hướng này thì trong ngắn hạn, hành động của anh ta sẽ không dựa trên thực tế thị trường mà dựa trên tin tưởng các sự kiện sẽ khiến những người khác hành động – hay chính xác hơn, là dựa trên những quan sát của anh ta về các sự kiện đang khiến người khác hành động, bởi lẽ bàn tay của anh ta luôn có xu hướng đặt sẵn lên nút nhấn đặt lệnh mua hay bán.

Tuy nhiên, các tay không chuyên sẽ không đời nào để đầu óc của mình đi lạc quá sâu vào ma trận bí ẩn về những gì người khác có thể sẽ làm. Tương tự như lý thuyết về "HỌ", đó là một nơi đầy nguy hiểm, nó khiến chúng ta đánh mất sự tỉnh táo để nhìn nhận những điều bình thường nhất; hơn nữa, những kẻ khác có thể sẽ không ngu ngốc như chúng ta nghĩ về họ. Thậm chí ngay cả khi thị trường có xu hướng gói gọn trong một khả năng, chúng ta lại có quá nhiều khả năng để có thể lựa chọn ra một khả năng có lợi nhất.

Xét về khía cạnh dự báo trước, cũng như trong phần lớn những sự kiện diễn ra trên thị trường, phương pháp đối phó tốt nhất chính là cố gắng tránh không đơn giản hóa những biến động về giá cả thành các quy luật, các chỉ số hay các trường hợp tương tự. Cần phải phân tích từng trường hợp cụ thể. Việc so sánh chúng với các sự kiện đã diễn ra trong lịch sử đều dẫn đến những sai lầm. Mỗi sự kiện xảy ra đều cần được xem xét từ dữ kiện thực tế của chính nó cũng như những đánh giá có được từ các sự kiện liên quan. Trong phần lớn các trường hợp, vấn đề nào cũng có thể được giải quyết, nhưng người nghiên cứu nó cần học cách nhìn vào tương lai và coi hiện tại chỉ như một sự chỉ dẫn cho tương lai đó. Giá cả sẽ biến động đến cực điểm khi tin tức mà mọi người đang chờ đợi trở nên rõ ràng nhất và được phát tán rộng rãi nhất. Và khi thời điểm đó đã qua, câu hỏi sẽ luôn là: "Tiếp theo sẽ thế nào đây?"

V -NHẦM LẪN GIỮA CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG

Chương trước, chúng ta đã đề cập tới khó khăn lớn nhất mà một nhà đầu tư gặp phải là làm sao giữ cho đầu óc tỉnh táo và khách quan khi anh ta thực sự tin vào xu hướng tăng hay giảm của thị trường. Nhưng vô tình anh ta lại cho phép quyết định của mình bị dao động bởi chính những kỳ vọng của bản thân.

Một nhà đầu cơ tầm cỡ tại Sàn giao dịch hàng hóa kỳ hạn Chicago (Chicago Board of Trade), sau một thời gian dài bi quan cho rằng thị trường bột mì chắc chắn sẽ đi xuống, trong một ngày tình cờ đã làm cho tất cả bạn bè của mình phải ngạc nhiên khi mua lại toàn bộ các hợp đồng đã bán khống trước đây, đồng thời mua thêm một lượng lớn các hợp đồng nữa để tích lũy. Ông ta còn lớn tiếng cho rằng thị trường giờ đã đến lúc đảo chiều đi lên. Trong hai ngày sau đó, ông ta tiếp tục duy trì trạng thái của mình, nhưng thị trường vẫn không nhúc nhích lên chút nào. Vậy là ông ta quay lại tin vào xu hướng đi xuống của thị trường một cách chắc chắn hơn nữa.

Xét ở một mức độ nào đó thì hành động của ông ta giống như một phép thử với thị trường, nhưng phần nhiều là phép thử cho bản thân – để xem liệu việc thay đổi chiến lược và hành động ngược với những gì mình đang theo đuổi có thể khiến ông ta tự thuyết phục chính mình thay đổi quan điểm bi quan hiện tại về thị trường hay không. Và khi không thay đổi được, ông ta lại càng thêm chắc chắn về quan điểm cũ và sẵn sàng hành động quyết liệt hơn nữa.

Thực ra đó cũng là điều dễ hiểu, bởi nếu cảm thấy thật khó khăn để giữ cho tư duy tỉnh táo và độc lập khi thực hiện các cam kết trên thị trường, thì cũng chẳng dễ dàng gì khi phải làm điều tương tự với những thứ liên quan trực tiếp tới lợi ích cá nhân. Giống như một quy luật, chúng ta có thể tìm ra muôn vàn lý do để làm những điều mình muốn và không làm những điều mình không muốn. Câu ngụy biện: “Dù thế nào điều đó cũng đúng” được hầu hết chúng ta thay đổi thành một câu dễ sử dụng hơn: “Bất cứ điều gì tôi muốn cũng đúng.” Lúc này hẳn trong đầu bạn đọc đã hiện ra tên của một nhân vật xuất chúng, người vẫn thường hành động theo phương châm này.

Nếu Smith và Jones có một thỏa thuận miệng với nhau mà sau cùng, thỏa thuận đó hóa ra lại có lợi cho Jones, Smith sẽ luôn luôn nhớ rằng đó chỉ là một thỏa thuận không chính thức và có thể bị xóa bỏ bất cứ lúc nào, trong khi Jones lại cho rằng đó rõ ràng là một bản hợp đồng hợp pháp, và hoàn toàn có thể ràng buộc các bên nếu như nó được viết ra. Talleyrand nói rằng ngôn ngữ có một mục đích đó là che giấu suy nghĩ thật của con người. Và dường như nhiều người cho rằng sự lô-gic được dùng để biện hộ cho những mong ước của chúng ta.

Chỉ có một số rất ít người có khả năng tự xem xét bản thân và họ có thể biết được khi nào những chiều hướng có lợi cho bản thân xuất hiện và khi nào nó biến mất. Số người cố gắng làm bằng được điều này lại càng ít hơn. Phần lớn chúng ta đều hướng cách nhìn nhận của mình theo những quyền lợi ích kỷ của bản thân. Đối với chúng ta, vấn đề không phải là liệu chúng ta đã nhận thức đúng vấn đề hay chưa mà là liệu chúng ta có thể “vượt qua nó” để bảo toàn niềm tin của mình hay không.

Nhưng khi chúng ta tiến hành hoạt động mua và bán, điều đó sẽ không được phép xảy ra. Thị trường rất nghiệt ngã. Nó sẽ không bao giờ bị sự ngụy biện của chúng ta làm lung lay. Nó sẽ phản ứng lại chính xác hành động của tất cả các lực lượng và cá nhân đang tham gia trong đó. Chúng ta không thể chỉ hành động vì lợi ích của riêng mình như ở những ngành kinh doanh khác – điều duy nhất chúng ta có thể làm đó là khiến những lợi ích của chúng ta phù hợp với tình hình mà thôi.

Để có được thành công vĩ đại nhất, một nhà kinh doanh cần phải hoàn toàn quên đi trạng thái của anh ta trên thị trường, quên đi cả lợi nhuận lẫn thua lỗ, sự chênh lệch giữa giá cả hiện tại và mức giá mà anh ta đã mua vào hay bán ra và phải gắn suy nghĩ của anh ta vào trạng thái của thị trường. Nếu thị trường đi xuống, anh ta cần bán ra, bất kể đang có lãi hay là thua lỗ, bất kể đã mua vào cả năm hay chỉ vừa mới hai phút trước.

Thông qua hội thoại, chúng ta sẽ thấy một nhà đầu tư bình thường xa rời thực tế trên như thế nào, nó cũng cho thấy rất nhiều lý thuyết về đầu cơ hoàn toàn không đáp ứng được khái niệm này.

Một tay môi giới đưa ra lời khuyên: “Anh đã có 5% lợi nhuận rồi, anh nên chốt lời đi thôi.” Điều đó có thể chấp nhận được trong trường hợp bạn không hề hiểu biết gì về thị trường; nhưng chỉ cần có một chút kiến thức thôi thì bạn cũng sẽ hiểu rằng thời điểm chốt lời là khi xu hướng tăng điểm đã đạt đến cực điểm, bất kể trạng thái của bạn có thế nào.

“Hãy cắt lỗ đi, hãy để lợi nhuận của anh tăng lên mà không cần phải bù đắp thua lỗ nữa”, đó là câu nói được xem như vô cùng khôn ngoan đối với một kẻ mới vào nghề. Nhưng vấn đề là ở chỗ khi nào thì nên cắt lỗ và nên để lợi nhuận tăng đến mức nào. Nói cách khác, *thị trường* sẽ làm gì? Nếu bạn có thể biết được điều này thì lỗ và lãi sẽ không còn là vấn đề nữa.

Một người nào đó thậm chí đã tính toán rất kỹ càng và tỏ ra rất hài lòng về kết luận mà mình đưa ra rằng 7% là lãi suất tối đa nên duy trì khi đầu cơ vào cổ phiếu Union Pacific còn thua lỗ thì chỉ nên được hạn chế ở 2 hay 1,5%. Không gì có thể ngu ngốc hơn những con số này. Ông ta đang cố ép thị trường phải phù hợp với việc mua bán của ông ta thay vì điều ngược lại, làm cho việc mua bán của ông ta phù hợp với thị trường.

Ở bất cứ một văn phòng môi giới chứng khoán nào, bạn cũng sẽ để ý thấy rằng phần lớn các câu chuyện đều xoay quanh lỗ và lãi của các nhà đầu tư. Brown đã lãi tới 10%, vậy mà sau đó lại để nó vuột mất. Anh bạn thông thái của anh ta nói: “Scott vĩ đại ơi! Anh còn muốn gì nữa nào? Anh còn chưa hài lòng với 10% lợi nhuận hay sao?” Cho dù hiếm khi ta nghe thấy, nhưng câu trả lời đáng lẽ phải là: “Tất nhiên là không, nếu tôi biết rằng thị trường sẽ còn lên cao hơn nữa.”

Một lần, một tay môi giới nói với một người: “Hãy để họ chốt lời với một khoản lợi nhuận nhỏ thôi. Nếu không họ sẽ giữ chúng mãi và sẽ phải chịu thua lỗ đấy. Họ chẳng bao giờ chịu hài lòng với lợi nhuận có được đâu.” Có thể đó sẽ là một chiến lược tốt nếu như cả người môi giới và khách hàng của anh ta đều không hề hiểu biết gì về thị trường; nhưng sẽ thật là vô nghĩa đối với một người muốn hướng tới tính hợp lý và khoa học, cho dù ở mức độ nhỏ nhất.

Sự thực là một nhà đầu tư càng để cho đầu óc anh ta tập trung vào trạng thái của mình trên thị trường bao nhiêu thì những suy luận của anh ta sẽ càng trở nên méo mó bấy nhiêu và

kết quả là anh ta sẽ không tiếp nhận những gì đi ngược lại với quan điểm đã định sẵn trong đầu anh ta.

Bạn phải thử thì mới biết được bản thân vô lý như thế nào khi đã quá tin tưởng vào một xu hướng nào đó của thị trường. Nhưng trong chứng khoán, kiên quyết có nghĩa là ngoan cố, và sự thực là một người với ý chí mạnh mẽ và tư duy lô-gic lại thường không có được thành công như những kẻ bị xem là nông cạn, dễ dao động và sẵn sàng nghiêng theo chiều gió như một chiếc phong vũ biểu đo thời tiết. Đó là vì trong trường hợp này, những người cương quyết đang tham gia vào một hoạt động kinh doanh trong đó anh ta không thể sử dụng được sức mạnh hay ý chí của bản thân để thực hiện – cái duy nhất anh ta có thể tận dụng chỉ đơn giản là khả năng quan sát thực tế và lý giải nó mà thôi. Thế nhưng, về lâu dài, người có chút đầu óc vẫn sẽ là người thành công hơn, bởi cuối cùng anh ta cũng sẽ học được cách thức tiếp cận những thực tế đó của thị trường với thái độ khách quan và tỉnh táo hơn.

Những người với đầu óc đơn giản hơn, sau khi đã đi theo một chiều hướng nào đó của thị trường, thường dễ dàng bị ảo vọng của bản thân làm cho lung lạc. Họ có thể mua vào do giá cả biến động đi lên. Nếu giá đã lên đến một mức nào đó, họ thấy thị trường "có vẻ mạnh" đi kèm với đó là một loạt các tin tức tốt xuất hiện và họ lại hy vọng có được lợi nhuận lớn hơn. Sau khi đã tăng năm điểm, họ lại hy vọng nó sẽ tăng thêm mười, và khi đạt đến mười họ lại muốn mười lăm, hai mươi điểm nữa.

Mặt khác, nếu giá cả đi xuống, họ quy kết rằng ai đó đã "thao túng thị trường" hay "phá giá để dễ bề tích lũy" và hy vọng thị trường sẽ phục hồi. Đối với họ, những tin tức xấu dường như là để đẩy cho thị trường xuống thấp hơn nữa. Nhưng đến khi sự giảm sút đó gây ra tổn thất nặng nề cho họ, họ bèn đi đến kết luận rằng: "Nếu 'HỌ' có thể đẩy giá xuống mức thấp đến như vậy thì liệu sự chống chọi yếu ớt của chúng ta sẽ có tác dụng gì?" Và thế là bằng một loạt lệnh bán khống, chính những người này lại đẩy giá xuống thấp đúng như chính họ dự báo.

Những nhà đầu tư như vậy, hầu hết đều mắc phải sai lầm do họ còn quá trẻ, hoặc do chưa có được sự nhạy bén trong kinh doanh, thậm chí là cả hai. Họ sẽ có cả quãng thời gian dài phía trước để học hỏi, và nếu kiên trì, chắc chắn họ sẽ thành công. Chỉ có điều, đa phần lại không đủ nhẫn nại để đạt được điều đó.

Phần đông những người thông minh hơn một chút, những người có thể được coi như những nhà đầu tư thực thụ, không để cho trạng thái của mình làm mờ mắt mà luôn để tâm xem xét tin tức và biến động của hoàn cảnh. Tuy nhiên, họ lại không nhìn nhận một cách đúng đắn yếu tố quan trọng nhất – mức độ tác động của những thay đổi lên giá cổ phiếu.

Họ mua cổ phiếu với kỳ vọng là tình hình sẽ tốt lên. Tình hình sau đó quả thực có biến chuyển và giá cả đã tăng. Chiều hướng ngược lại có xảy ra nhưng không có gì quá nghiêm trọng. Tin tức tốt vẫn tràn ngập thị trường. Trong hoàn cảnh đó, họ sẽ thấy chẳng có lý do gì để bán ra cả.

Nhưng có thể đã có một lý do vô cùng quan trọng để họ bán ra đó là giá cả đã tăng với mức vừa đủ tương ứng với sự tốt lên của tình hình – và họ sẽ nhận thấy và nắm lấy thực tế đó nếu đang ở trong vai trò của một người quan sát khách quan, không hề có lợi ích gì liên quan.

Một trong những lý do cơ bản giải thích tại sao các nhà đầu tư thuộc nhóm này lại cho

phép mình đánh giá sai lầm tác động của giá cả là một thị trường giá lên thường cao một cách vô lý trước khi đạt đỉnh. Trong những ví dụ trước, nhà đầu tư có thể đã bán ra ở mức mà anh ta cho là hợp lý, nhưng sau đó lại đứng nhìn thị trường tiếp tục đi lên và tiếc nuối rằng giá mà anh ta giữ lại thì giờ đây đã có được lợi nhuận gấp hai lần.

Trong những trường hợp như vậy, những kiến thức chuyên sâu về đầu cơ là rất cần thiết. Nếu nhà đầu tư không có được những hiểu biết này và cũng không thể xin được lời khuyên của ai thì anh ta sẽ buộc phải bằng lòng với mức lợi nhuận khiêm tốn có được và bỏ qua kỳ vọng sẽ nhận được phần lời tối đa. Nhưng với một kiến thức tương đối về thị trường, anh ta sẽ nắm bắt được đà tăng giá của cổ phiếu bất chấp trạng thái của mình và thường có được lợi nhuận cao hơn là khi chỉ đơn giản dựa vào những hiểu biết thông thường.

Sai lầm là khi anh ta, vốn không có chút hiểu biết nào, vẫn tự cho phép mình giữ cổ phiếu lại với hy vọng giá sẽ còn lên cao hơn trong khi thực tế là nó đã lên đến mức cao nhất có thể tương xứng với sự cải thiện tình hình lúc đó. Trong số một nghìn nhà đầu tư chắc chắn chưa có tới một người có thể có được kinh nghiệm dày dạn và sự chuyên nghiệp cao tới mức có thể hoàn toàn vượt qua được những ảnh hưởng do trạng thái của mình gây ra đối với suy luận của bản thân. Chúng thường xuất hiện một cách âm thầm và khó nắm bắt. Một trong những khó khăn cơ bản mà một chuyên gia phải vượt qua là làm sao ngăn trí tưởng tượng phong phú của bản thân khiến anh ta tìm thấy những gì mình đang tìm kiếm chỉ bởi vì anh ta đang tìm kiếm chúng.

Một ví dụ sẽ làm rõ điều này. Cứ cho là một chuyên gia rút ra từ kinh nghiệm của bản thân rằng sự xuất hiện của “những hố đen” trên thị trường là một biểu hiện cho thấy sự đuối sức của nó. “Những hố đen” ở đây có nghĩa là tình trạng trong đó thị trường, một cách đột ngột, không hấp thụ tiếp cổ phiếu nữa. Một vài trăm cổ phiếu có tính thanh khoản tương đối cao được chào bán. Xu hướng chung hiện tại của thị trường là đi lên, nhưng không có người mua nào xuất hiện cho đến khi giá của nó hạ xuống nửa điểm hay một điểm. Điều này, đối với một cổ phiếu có tính thanh khoản cao là không bình thường; và mặc dù giá của nó có thể hồi phục sau đó nhưng các chuyên gia thì sẽ không quên sự thất bại trong phút chốc đó của thị trường và sẽ không chấp nhận mua vào với mức giá cao như cũ nữa. Đối với anh ta đó là biểu hiện của một thị trường đã “hết lực mua”.

Giờ hãy giả sử một nhà đầu tư đã tính toán rằng giai đoạn tăng trưởng của thị trường sắp kết thúc và thực hiện bán khống theo đúng như dự báo của anh ta. Anh ta dự đoán rằng các nhà đầu tư khác giờ đã chất đầy cổ phiếu vào tài khoản của họ, chỉ có điều là không hoàn toàn chắc chắn về điều đó. Trong hoàn cảnh này, bất cứ sự xuống dốc rất nhỏ nào cũng có thể là “hố đen” đối với anh ta, cho dù trong những hoàn cảnh khác anh ta thậm chí sẽ không buồn để ý hay nghĩ ngợi gì về nó. Lúc này, anh ta đang kiếm tìm dấu hiệu cho thấy thị trường đã đuối sức và điều nguy hiểm là ở chỗ trí tưởng tượng sẽ cho anh ta thấy điều mình đang tìm kiếm cho dù nó có thực sự tồn tại hay là không!

Điều tương tự cũng xảy ra trong trường hợp ai đó muốn xác định xem thị trường đang ở giai đoạn tích lũy hay phân phối. Nếu bạn muốn một sự phân phối sau đợt tăng điểm mạnh, khả năng rất cao là bạn sẽ nhận thấy nó. Nếu bạn đã bán ra và muốn một phản ứng ngược lại của thị trường để có thể mua lại, bạn sẽ thấy rất nhiều dấu hiệu của sự phục hồi. Có một câu ngạn ngữ mà Phố Wall rất hay sử dụng đó là không có ai tin tưởng rằng thị trường sẽ đi xuống mạnh mẽ bằng anh chàng vừa bán hết cổ phiếu của mình và đang muốn mua lại.

Khi nghiên cứu những yếu tố “kỹ thuật” của thị trường như vậy, một tình huống có thể được hiểu theo hai chiều hướng khác nhau. Những dấu hiệu từ cả hai phía đều rất nhiều và

cân bằng nhau, một vài dấu hiệu thậm chí còn có thể được lý giải theo hai cách trái ngược; và một nhà đầu tư vào thời điểm đó còn chưa mấy quan tâm tới thị trường sẽ chọn cách mà anh ta cho là khôn ngoan hơn cả, đó là đứng ngoài cuộc cho đến khi nhận thấy những dấu hiệu rõ ràng hơn của xu hướng mà anh ta nghĩ là đang diễn ra.

Trong những hoàn cảnh không rõ ràng như thế, bạn sẽ nhận thấy một quy luật gần như bất biến rằng một nhà đầu tư đã tích cực mua vào ít lâu trước đó sẽ lý giải rằng đó là những yếu tố cho thấy thị trường đang đi lên, trong khi một người khác, đã và đang bán khống sẽ nhận thấy dấu hiệu cho dù là mờ nhạt về sự đi xuống của thị trường. Quả là kỳ lạ, nhưng hoàn toàn dễ lý giải.

Trong những tình huống như vậy, khi đánh giá của một cá nhân về thị trường đã bị quan điểm của anh ta tác động thì không có câu thần chú nào hiệu nghiệm hơn là "Đừng". Bởi lẽ, khi một nhà đầu tư đã nhận ra rằng anh ta không còn nhà quan sát khách quan nữa thì có nghĩa anh ta đã đạt được một bước tiến lớn. Nhận thức này sẽ giúp anh ta không mù quáng tin tưởng vào điều mà lúc đó anh ta tin là một sự suy luận hợp lý trong khi lại chỉ đơn giản là một sự thôi thúc quá mạnh mẽ của lòng tham.

Các nhà phân tích nhận thấy phần lớn đám đông công chúng thường tin rằng thị trường sẽ còn đi xuống khi nó đã ở đáy, và ngược lại, còn đi lên khi đã đạt đỉnh nên họ lại là những người chiến thắng và đánh bại các triệu phú trong chính trò chơi của mình bằng cách đơn giản là làm ngược lại những gì họ cho là đúng đắn – mua khi cảm thấy cần bán và bán khi cảm thấy cần mua. Tom Lawson – trong thời kỳ hoàng kim của mình – dường như từng có lần mơ tưởng rằng công chúng sẽ bán lại cho các nhà tư bản của tập đoàn Standard Oil những cổ phiếu đã mua từ họ và dồn tất cả vào một chỗ – chắc chắn Thomas, với sự nhân ái của mình, là người đầu tiên áp dụng phương pháp bán khống trên thị trường.

Nhưng công chúng giờ đây đã không còn ngây ngô và ương ngạnh như xưa nữa. Rất nhiều nhà đầu tư nhỏ mua vào và bán ra một cách thông minh và số lượng người xem việc tham gia thị trường chỉ như trò cá cược may rủi đã giảm đáng kể – chắc ai cũng hài lòng về điều đó, trừ các tay môi giới trước nay vẫn làm giàu nhờ sự ngây ngô của các vị khách hàng đáng kính của mình.

Tuy nhiên, có một điều sẽ vẫn luôn luôn đúng đó là thời điểm thị trường có vẻ sung sức nhất cũng là lúc nó gần đạt đỉnh nhất, và thời điểm khi giá dường như bắt đầu rơi tự do là lúc nó gần đáy nhất. Bởi vậy, phương pháp thực tế nhất một nhà đầu tư có thể dùng để áp dụng nguyên tắc này là sẵn sàng bán ra khi niềm tin về xu hướng đi lên của thị trường đã lan rộng khắp nơi, và mua vào khi công chúng đang ở trạng thái bi quan nhất. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng và nhà đầu tư nhất thiết phải ghi nhớ nếu muốn có được lợi nhuận từ những quan điểm của mình về thị trường, vì sẽ đến lúc lợi ích của anh ta trùng khớp với xu hướng giá cả của thị trường.

Tóm lại, một nhà kinh doanh hay đầu tư chứng khoán đã nghiên cứu về chứng khoán đủ lâu để đọc cuốn sách này, có khả năng sẽ không thể kiếm lợi nhuận bằng cách đi ngược lại chính suy nghĩ của mình, thậm chí nếu điều đó là có thể; nhưng anh ta có thể cố gắng để đưa ra những đánh giá khách quan, không định kiến và nghiên cứu tâm lý của đám đông, đặc biệt là khi nó được thể hiện qua sự biến động của giá cả.

Cả hai hiện tượng khủng hoảng và bùng nổ trên thị trường rõ ràng đều là những hiện tượng mang tính tâm lý. Điều đó không có nghĩa là những yếu tố cơ bản tại những thời điểm đó không đủ để khiến giá cả tăng hay giảm mạnh. Tuy nhiên, "khủng hoảng" tự bản thân nó cũng đã thể hiện một sự sụt giảm nghiêm trọng hơn những gì các yếu tố bên ngoài có thể gây ra, mà thường là bởi trạng thái quá khích của đám đông đi kèm với sự cạn kiệt của các dòng vốn; trong khi đó, từ "bùng nổ" được dùng để chỉ một sự tăng trưởng mang tính đầu cơ cao hơn mức cần thiết.

Có những điểm đặc biệt liên quan đến hai hiện tượng khủng hoảng và bùng nổ rất đáng được chúng ta xem xét một cách riêng biệt.

Chúng ta sẽ thực sự kinh ngạc khi biết nỗi sợ hãi một cuộc khủng hoảng có tác động lớn như thế nào tới tâm trí các nhà đầu tư. Ký ức về những sự kiện diễn ra trong năm 1907 chắc chắn đã giúp kiềm chế rất nhiều quy mô của các hoạt động đầu cơ trong khoảng thời gian từ đó cho tới nay (Tháng Tư năm 1912). Những cơn hoảng loạn với mức độ nghiêm trọng tương tự chỉ thực sự diễn ra một vài lần, và xác suất để nó diễn ra trong vòng một tháng thậm chí còn nhỏ hơn xác suất thua lỗ của các khoản đầu tư do các công ty nhận vốn bị phá sản. Thế nhưng, bóng ma của những trận cuồng phong đó vẫn thường hiện lên trong đầu của những kẻ non gan, thiếu kinh nghiệm bất cứ khi nào họ nghĩ đến chuyện mua vào.

Một nhà đầu tư có thể nói: "Phải, cổ phiếu Reading có vẻ đang rất vững chãi đấy, nhưng hãy xem nó được bán với giá bao nhiêu vào năm 1907 – chỉ có 70 đô-la thôi!"

Nhiều người thường cho rằng giá giảm trong một đợt khủng hoảng là do sự bộc phát bất ngờ của nỗi sợ hãi, thứ đến rất nhanh nhưng cũng qua đi chóng vánh. Nhưng không phải vậy. Theo một cách nào đó, nỗi sợ hãi bắt đầu khi giá đã lên gần tới đỉnh. Một vài nhà đầu tư thận trọng bắt đầu lo sợ rằng sự hưng phấn của thị trường đã qua và rằng một đợt sụt giảm nghiêm trọng sẽ đến liền ngay sau khi trào lưu đầu cơ giá lên đã đi quá đà. Họ bán ra dưới tác động của suy nghĩ này.

Trong khi thị trường đi xuống, xu hướng này có thể kéo dài đến vài năm, càng ngày càng có nhiều người cảm thấy môi trường tài chính và kinh doanh trở nên khó khăn và họ thanh lý dần cổ phiếu của mình. Sự thận trọng hay nỗi sợ hãi này có biến động, lúc trồi lên, lúc lại sụt xuống như những con sóng, nhưng lại lớn lên sau mỗi lần đã lùi xa bờ. Sự hoảng loạn không hề đến bất ngờ, nó là kết quả của một quá trình tích lũy lâu dài.

Đáy sâu thực sự của một đợt khủng hoảng thường là kết quả của sự cùng đường hơn là nỗi sợ hãi. Các nhà đầu tư cảm thấy sợ hãi vì cổ phiếu mình đang nắm giữ bị sụt giá sẽ từ bỏ chúng trước khi giá chạm đáy. Những mức giá thấp nhất thường được tạo ra bởi lệnh bán của các nhà đầu tư mà nguồn vốn của họ đúng trong thời điểm cấp bách như thế lại đang cạn kiệt. Phần lớn họ đều bị bất ngờ và vẫn có thể huy động được số tiền cần thiết để duy trì trạng thái của mình nếu có thêm chút thời gian; thế nhưng trên thị trường chứng khoán, "thời gian chính là điểm mấu chốt của mọi hợp đồng," và thật không may, luôn là thứ duy nhất họ thực sự không có.

Nguyên nhân chính khiến một nhà đầu tư phải gánh thua lỗ nghiêm trọng tại những

thời điểm đi xuống của thị trường chính là việc anh ta không giữ đủ tỷ lệ vốn có tính thanh khoản cao. Anh ta bị ràng buộc bởi quá nhiều thỏa thuận đến mức chẳng còn nhận ra điều gì. Anh ta có thể có rất nhiều tài sản, nhưng lại không có một xu tiền mặt. Tình trạng này, đến lượt nó, là hậu quả của lòng tham, sự vội vã, tham vọng và sự tin tưởng quá dễ dàng vào tương lai.

Trong các cuộc khủng hoảng, có một điều rất đáng chú ý đó là, một đợt giảm giá thường ập tới khi gần như tất cả mọi người đều nghĩ rằng giá đã xuống tới mức thấp nhất có thể, và do đó, giá cả tiếp tục tụt xuống mức còn thê thảm hơn thế. Kết quả là rất nhiều nhà đầu tư, những tưởng rằng mình đã "chạm đúng đáy", nhận ra rằng đó chỉ là cái đáy giả và một lần nữa đành đứng nhìn những gì mình vừa mua vào xuống giá thảm hại.

Bởi tất cả những gì chúng ta vừa nhắc đến ở trên mà đáy của những cơn khủng hoảng trên thị trường thường là kết quả của sự cùng đường, hơn là những suy nghĩ bi quan. Ví dụ, năm 1907, một người bình thường nhất cũng hiểu rằng cổ phiếu đang ở mức giá thấp hơn giá trị thực của nó – vấn đề là ở chỗ lúc đó, các nhà đầu tư không còn đủ tiền để mua vào nữa.

Mặt khác, sau một thời gian dài thị trường đi xuống, giá cả sẽ ở mức thấp, nhưng bản thân nó lại chưa phải là lý do đầy đủ khiến người ta mua vào. Vậy còn lý do nào khác chăng? Chìa khóa của câu hỏi này nằm ở "*sự tích lũy vốn có tính thanh khoản cao*", điều có thể dễ dàng nhận thấy bởi sự phục hồi nhanh chóng của số dư tiền gửi so với tổng nợ vay tại các ngân hàng ở New York (tất nhiên là trừ các quỹ đầu tư, nơi các khoản nợ vô cùng đa dạng và khó kiểm soát). Tuy nhiên, chủ đề này có lẽ sẽ đưa chúng ta xa rời chủ đề chính.

Chính bởi vì giai đoạn cuối của cuộc khủng hoảng đã diễn ra không phải do quan điểm hay sự sợ hãi của công chúng mà là bước đường cùng của các nhà đầu tư không còn tiền để bảo toàn trạng thái của mình, nên giai đoạn đầu của thời kỳ phục hồi sau đó cũng thường diễn ra mà không cần bất cứ một lý do cụ thể nào.

Các nhà kinh doanh chuyên nghiệp sẽ nói: "Thời kỳ khủng hoảng đã qua, nhưng cổ phiếu khó lòng lên giá được trong tình hình không mấy triển vọng như hiện nay." Thế nhưng điều đó hoàn toàn có thể và cổ phiếu đang thực sự đi lên, bởi vì chính họ đang lấy lại trạng thái mà họ đã phải từ bỏ trước đây – bị buộc phải "bán tháo" cổ phiếu mình đang nắm giữ đi.

Có lẽ từ "sợ hãi" đã bị lạm dụng quá nhiều trong khi phân tích thị trường chứng khoán. Nó chỉ bao hàm một số ít những người đã thực sự bán cổ phiếu đi dưới tác động trực tiếp của cảm giác "sợ hãi." Thế nhưng một cảm giác thận trọng đủ mạnh mẽ khiến người ta bán ra, hay một niềm tin cứng nhắc rằng giá phải giảm cũng sẽ tạo ra một dạng biến thể khác của sự sợ hãi, và cũng đem lại kết quả tương tự.

Tác động của sự sợ hãi hay thận trọng trong một đợt khủng hoảng không chỉ dừng lại ở việc người ta đem bán cổ phiếu, mà quan trọng hơn nó còn ngăn người ta mua vào. Ngăn cản một nhà đầu tư trì hoãn mua vào dễ dàng hơn nhiều so với việc khiến anh ta bán ra. Chính vì vậy, chỉ một khối lượng nhỏ cổ phiếu bị đẩy ra thị trường đang hoảng loạn cũng có thể gây ra sự sụt giá mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì nó làm được trong một hoàn cảnh khác. Lệnh bán có thể rất nhỏ, nhưng vấn đề là không ai muốn nó cả.

Cũng chính vì yếu tố này mà sự hồi phục sau khủng hoảng thường diễn ra nhanh hơn. Các nhà đầu tư thận trọng, biết chờ đợi rất sợ phải đối mặt với một thị trường còn đầy rẫy

những vết tích của khủng hoảng, xong một khi những dấu hiệu đi lên đã xuất hiện, họ sẽ lũ lượt kéo nhau mua vào.

Bởi vậy mà sự bùng nổ, theo rất nhiều nghĩa, chỉ là sự đảo chiều của khủng hoảng. Cũng giống như nỗi sợ hãi cứ lớn dần và lan tỏa khắp nơi, sự tự tin và niềm hứng khởi cũng sinh sôi nảy nở ngày càng rộng cho tới khi nó ngự trị trong tâm trí hàng nghìn người, rất nhiều trong số họ còn tương đối trẻ và thiếu kinh nghiệm nhưng đã kiếm cả đống tiền trong suốt thời kỳ giá lên.

Những nhà triệu phú hoang tưởng này xuất hiện rất nhiều trong những thời kỳ hưng phấn kéo dài của thị trường, nhưng rồi sau đó rơi rụng gần hết ngay khi giá cả đi xuống. Những kẻ đầu cơ này, thực tế chỉ là những kẻ vô trách nhiệm. Chính sự vô trách nhiệm của họ đã giúp họ kiếm tiền nhanh chóng nhờ giá cổ phiếu lên cao. Những người cẩn trọng thường chỉ kiếm được những khoản lợi nhuận khiêm tốn khi giá lên – nhưng chính họ cuối cùng lại là những người được lợi nhiều nhất.

Khi những khoản lợi nhuận khiêm tốn đó đã được tích lũy đủ, thị trường đôi khi tạm thời rơi vào tay những kẻ hoang tưởng liều lĩnh trên. Chính việc mua vào một cách táo bạo đã khiến giá cả tăng lên nữa sau khi nó đã ở mức đủ cao – cũng giống như việc nó tiếp tục hạ xuống sau khi đã đủ thấp.

Khi giá cả vượt khỏi ngưỡng bình thường, những người muốn bán khống để khai thác thị trường sau khi nó đạt đỉnh xuất hiện. Ý tưởng của họ thật đúng, chỉ là quá sớm mà thôi. Và trong khi thị trường vẫn tiếp tục đi lên, họ thường phải mua lại với giá cao hơn, một điều thật bất hợp lý xét từ mọi khía cạnh. Xu hướng này khiến những kẻ tính toán vội vàng này phải tạm thời ẩn nấp ở nơi an toàn và chờ đợi cơ hội tốt hơn.

Tác động tâm lý trên diện rộng hơn cũng góp phần làm cho thị trường giá lên đạt tới những mức cao đến vô lý. Một thị trường như vậy thường đi kèm với sự tăng giá ở tất cả các ngành kinh doanh, và sự tăng giá như vậy thường khiến các nhà kinh doanh nghĩ rằng công ty của họ đang có lãi hơn so với thực tế.

Nguyên do của ấn tượng sai lầm này có thể được khám phá thông qua thị trường hàng hóa. Ví dụ, một người buôn hàng tạp phẩm đang có trong tay lượng hàng hóa trị giá 10.000 đô-la vào tháng 1/1909. Vào thời điểm đó, chỉ số giá hàng hóa của Bradstreet đứng ở mức 8,26. Tháng 1/1910, chỉ số này là 9,23. Nếu giá của rất nhiều loại hàng hóa trong kho hàng của anh ta tăng với tỷ lệ bằng tỷ lệ của Bradstreet và anh ta vẫn giữ nguyên mức dự trữ như vậy thì anh ta đang có trong tay tài sản trị giá 11.168 đô-la vào tháng 1/1910.

Vậy là anh ta đã có một khoản lợi nhuận 1.168 đô-la trong vòng một năm mà không cần phải làm gì, và có lẽ cũng chẳng phải tính toán gì? Nhưng khoản lợi nhuận này không hề có thật bởi với số tiền chênh lệch 1.168 đô-la vào tháng 1/1910 đó, những gì anh ta mua được không nhiều hơn so với thời điểm anh ta có thể mua với 10.000 đô-la vào tháng 1/1909. Anh ta đã tự lừa dối khi cho rằng mình đang giàu có hơn, và ý tưởng sai lầm này đã kích thích nhu cầu tiêu dùng trong đời sống và đầu cơ kinh doanh.

Hậu quả gián tiếp của ảo tưởng rằng mình đang trở nên giàu có hơn bởi giá cả tăng cao thậm chí còn nghiêm trọng hơn cả hậu quả trực tiếp của nó. Chẳng hạn, anh chàng buôn hàng tạp phẩm của chúng ta quyết định dùng 1.168 đô-la này để mua một chiếc ô tô. Quyết định này quả rất có lợi cho ngành xe hơi. Nhiều đơn đặt hàng đến sẽ khiến các công ty mở

rộng nhà máy sản xuất. Điều đó có nghĩa là họ sẽ mua thêm nhiều nguyên vật liệu và thuê thêm lao động. Nhu cầu tăng khiến giá cả tăng cao ở khắp mọi ngành nghề kinh doanh; và bởi vậy, đến hết năm tiếp theo, có thể anh chàng buôn hàng tạp phẩm của chúng ta lại có thêm một khoản lợi nhuận tưởng tượng nữa, và lần này anh ta dùng nó để mua nhà hay sắm thêm nội thất chẳng hạn.

Thị trường chứng khoán đương nhiên sẽ ngay lập tức cảm nhận được những biến động tăng giá này. Nhưng do toàn bộ câu chuyện giàu có ở trên chỉ là trò lừa tâm lý nên sớm hay muộn anh chàng buôn hàng tạp phẩm của chúng ta cũng sẽ phải kiếm tiền thực sự bằng cách lao động chăm chỉ, sống tiết kiệm và tính toán để bù đắp lại khoản chi phí thực sự cho ô tô và đồ nội thất mới của mình.

Một lần nữa, giá cổ phiếu và giá hàng hóa lại tương tác với nhau. Nếu anh chàng bán tạp phẩm của chúng ta, thêm vào khoản lợi nhuận tưởng tượng 1.168 đô-la, lại thấy giá của mấy cổ phiếu mà anh ta mua để đầu tư tăng thêm khoảng 10%, chắc anh ta sẽ còn tiêu xài nhiều hơn nữa; và cũng như vậy, nếu các nhà tư bản nhận thấy thị trường đã đi lên khoảng 10%, có thể họ sẽ thuê thêm người làm, nhu cầu của gia đình họ giờ đây tăng lên và bởi vậy họ cần phải mua nhiều hàng tạp phẩm hơn. Cứ như vậy, cảm giác tự tin và hứng khởi cứ lan rộng ra mãi giống như những con sóng được tạo ra trên mặt nước khi ta ném một hòn đá xuống. Và tất cả những diễn biến này đều được phản ánh trung thực trên chiếc phong vũ biểu là thị trường chứng khoán.

Kết quả là, trong những năm 1902 hay 1906, giá cổ phiếu cao cũng như sự sôi động trong các hoạt động thương mại hoàn toàn dựa trên những cảm nhận sai lầm bắt nguồn trực tiếp hay gián tiếp từ việc chúng ta đo đạc mọi thứ bằng tiền. Chúng ta cho rằng thước đo này là cố định và không bao giờ thay đổi bất chấp thực tế là giá trị của tiền cũng biến động giống như sắt thép hay khoai tây trên thị trường hàng hóa. Chúng ta đã quen với việc xác định giá trị của bột mì bằng tiền, nhưng lại luôn gặp vấn đề lớn khi phải xác định giá trị của tiền bằng bột mì.

Nhưng khi mọi chuyện vỡ lở, thị trường chứng khoán, với vai trò là chiếc phong vũ biểu của nền kinh tế, lại sụt giảm đầu tiên trong khi các ngành kinh doanh khác nhìn chung vẫn hoạt động tốt. Công chúng giờ đây lại quay sang "nguyền rủa" những "con cá mập khát máu của phố Wall" và tất cả chỉ muốn quét sạch chúng nhanh gọn nhất theo cách nào đó. Thị trường chứng khoán, nếu không đi lên thì sẽ chẳng bao giờ được ưa chuộng; song về lâu dài, việc nó đi xuống sẽ làm lợi cho quốc gia hơn rất nhiều bởi những gì xảy đến với nó sẽ làm dịu đi những gì chắc chắn sẽ đến với toàn bộ nền kinh tế, nó cũng cảnh báo trước cho chúng ta những vấn đề cần đối mặt, giúp chúng ta chuẩn bị sẵn sàng cho nó.

Nhìn chung, xác định thời điểm kết thúc của một đợt bùng nổ trên thị trường thường khó hơn nhiều so với việc xác định khi nào, một cuộc khủng hoảng đã hoàn toàn đi qua. Tuy nhiên, nguyên tắc cho cả hai việc này lại rất đơn giản. Chính sự dư thừa nguồn cung vốn là điều sẽ khiến thị trường bắt đầu đi lên sau khi khủng hoảng kết thúc. Tương tự, cạn kiệt vốn cũng chính là điều khiến xu hướng đi lên của thị trường chấm dứt. Sự cạn kiệt này có thể được nhận thấy nhờ lãi suất vay đầu tư ngắn hạn tăng, số dư tiền gửi so với tổng nợ vay tại các ngân hàng ở New York, lãi suất chiết khấu các giấy tờ có giá thương mại và phi thương mại cũng tăng dần.

VII -TÂM LÝ NHỮNG NGƯỜI ĐẶT LỆNH THEO TỶ LỆ

Các quan sát viên của thị trường chứng khoán có lẽ sẽ sớm nhận ra rằng nhìn chung có hai kiểu tâm lý cơ bản sẽ ảnh hưởng tới giá cả thị trường. Ta có thể tạm gọi chúng là "bốc đồng" và "lạnh lùng".

Ví dụ, một người "bốc đồng" sẽ cho rằng: "Cả các yếu tố cơ bản lẫn kỹ thuật đều đang có lợi cho giá cả. Cổ phiếu đang được mua vào." Một khi đã có được kết luận này, anh ta sẽ tiến hành mua vào. Anh ta không hề cố gắng hay kỳ vọng rằng mình sẽ dò được đáy. Ngược lại, anh ta còn sẵn sàng mua ở đỉnh miễn là còn nhận thấy triển vọng đi lên của thị trường. Còn một khi anh ta đã kết luận rằng thị trường giờ đang có xu hướng quay đầu đi xuống hay sự tăng giá đã vượt quá những gì điều kiện thực tế cho phép, anh ta sẽ bán ra.

Ngược lại, tuýp nhà đầu tư "lạnh lùng" sẽ không bao giờ chịu mua vào khi giá cả đang lên. Anh ta lý luận rằng: "Giá thường sẽ đi ngược lại một vài điểm so với xu thế chung, hoặc ít nhất là so với xu thế mà tôi nhận thấy. Vậy thì điều khôn ngoan nhất mà tôi có thể làm là tận dụng biến động trái chiều này."

Bởi vậy, khi tin rằng nên mua cổ phiếu vào, anh ta sẽ đặt các lệnh mua với giá giảm dần theo bậc thang. Suy luận của anh ta như sau:

"Với tôi, dường như giá sẽ bắt đầu tăng khi nó đã giảm xuống những mức giá này, nhưng tôi không phải là nhà tiên tri, và giá thường sẽ giảm thêm khoảng ba điểm nữa khi tôi cảm thấy thị trường đã bắt đầu đảo chiều đi lên, như tôi đang thấy lúc này đây. Vậy thì tôi sẽ đặt các lệnh mua khác nhau với các mức giá thấp dần nửa điểm một trong một khoảng cách là ba điểm." Những tay đầu cơ này quả là điên rồ và không ai có thể hiểu nổi điều kỳ quặc gì khiến họ nghĩ ra cái ngưỡng giảm tạm thời là ba điểm đó.

Thế nhưng, những nhà tư bản lớn, đặc biệt là những nhân vật trong giới ngân hàng lại thường là những tay tư duy "lạnh lùng" kiểu như vậy. Họ không có đủ thời gian lẫn lòng kiên nhẫn để theo dõi sâu sát bảng giá và không thừa nhận khả năng một ai đó có thể dự báo được những đợt biến động nhỏ của giá cả trên thị trường. Tuy nhiên, họ lại luôn sẵn sàng tận dụng chúng khi có thể và vì sở hữu rất nhiều tiền, họ có thể dễ dàng đạt được mục đích của mình bằng cách đặt các lệnh mua và bán theo nhiều mức giá khác nhau.

Thực tế là trên thị trường luôn tràn ngập các lệnh mua và bán kiểu như vậy, hiểu được chúng và cách chúng được thực hiện sẽ rất hữu ích trong việc đánh giá các điều kiện kỹ thuật cũng như xu hướng của thị trường trong ngắn hạn.

Những người thuộc hai kiểu tư duy mà ta đã đề cập đến ở trên thực ra luôn hành động trái ngược nhau. Việc mua và bán của những kẻ "bốc đồng" thường khiến giá cả lên hay xuống, trong khi các lệnh đặt ở nhiều mức giá khác nhau của những kẻ ở nhóm bên kia lại giúp đảo ngược những chiều hướng biến động thông thường này.

Giả dụ, các nhân vật trong ngành ngân hàng của chúng ta cho rằng tình hình thị trường hiện tại khá rõ ràng và xu hướng chung của nó trong thời gian tới sẽ là đi lên. Các lệnh mua

vì thế được rất nhiều người đặt ở các mức giá giảm dần, thường là 1 điểm hoặc có khi chỉ là nửa điểm, ¼ hay ⅛ mỗi lần.

Mặt khác, những người kinh doanh trực tiếp trên sàn lại cho rằng, với những diễn biến tạm thời không mấy có lợi, theo đuổi chiều hướng giá xuống sẽ là khôn ngoan hơn. Họ cũng hiểu rằng các lệnh mua ở nhiều mức giá khác nhau đã được đưa ra, song họ tin rằng cổ phiếu cũng sẽ được bán ra với giá giảm dần để lấp đầy các lệnh mua đó và mức giá hiện tại sẽ không thể được duy trì nữa.

Nói một cách khác, lượng cung cổ phiếu lưu động trên thị trường hiện đã lớn hơn rất nhiều so với khối lượng mà các tay buôn bán cổ phiếu trên sàn vẫn quay vòng cho nhau. Bởi vậy, thị trường sẽ giảm cho đến khi lượng cổ phiếu đó được hấp thụ hết bởi các lệnh mua với các mức giá khác nhau nhưng thấp hơn so với giá hiện tại.

Tình trạng này dẫn đến cái mà ta thường gọi là "sự kháng cự". Một khi lượng cung lưu động đã được hấp thụ hết, thị trường sẽ lại tăng trở lại. Nếu xu hướng chung của nó đang là đi lên, nó sẽ ít gặp sự kháng cự hơn rất nhiều; giá cả sẽ tăng lên một mức cao mới. Và sau đó các lệnh bán chốt lời với các mức giá khác nhau lại được tung ra, và song hành với sự đi lên của thị trường, lượng cung lưu động lại tăng dần cho đến khi nó trở nên quá tải và thị trường lại cần một sự kháng cự khác.

Cuối cùng, thị trường đạt được một mức cân bằng, hoặc một vài yếu tố vĩ mô thay đổi khiến cho một phần hoặc toàn bộ các lệnh mua bị rút lại, thay vào đó là các lệnh bán. Kịch bản của thị trường giá lên không thể tiếp diễn nữa. Giờ đây tạo ra thị trường giá giảm đã trở nên dễ dàng hơn nhiều so với tạo ra thị trường giá tăng. Tình hình lại trở nên hoàn toàn trái ngược với những gì chúng ta vừa mô tả ở trên, một xu hướng đi xuống của thị trường sẽ là điều không thể tránh khỏi.

Thông thường, xung quanh đỉnh của một đợt bùng nổ sẽ vẫn có những đợt giảm giá nhẹ do các lệnh đặt mua theo tỷ lệ, song các lệnh bán chốt lời với giá cao vẫn được hấp thụ hết khiến thị trường tiếp tục biến động trong khoảng hẹp trong vòng một tháng hoặc hơn. Thực tế, thị trường sẽ vẫn còn đứng ở mức đỉnh đó chừng nào lượng cổ phiếu mà công chúng muốn mua vào vẫn còn lớn hơn lượng bán ra. Đôi khi hiện tượng này còn được gọi là "phân phối". Một giai đoạn tương tự được gọi là "tích lũy" cũng thường xảy ra sau khi một giai đoạn giảm giá của thị trường đã hoàn toàn biến mất nhưng xu hướng đi lên thì vẫn chưa xuất hiện.

Nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình giao dịch cũng như tin tức được đăng tải liên tục trên các mặt báo thường sẽ cho phép các chuyên viên kinh doanh dày dặn kinh nghiệm biết được khi nào những lệnh bán hay mua theo tỷ lệ đó bị rút ra hay chuyển biến theo chiều ngược lại.

Một thị trường giá lên đang tràn ngập các lệnh mua theo tỷ lệ sẽ được sự "ủng hộ" của những người đang tin tưởng vào chiều hướng ngược lại. Những người tin rằng thị trường sẽ đi xuống rất dè dặt trong việc đẩy giá xuống bởi với những lệnh đặt theo tỷ lệ của phía bên kia, cổ phiếu của họ vẫn liên tục rơi vào tay người khác. Họ cho rằng "rất ít cổ phiếu giá thấp được tung ra"; bởi vậy họ sẽ bắt đầu cảnh giác hơn với cách thị trường đi xuống. Ngược lại, trong trường hợp thị trường đang đi xuống, nó có được sự ủng hộ của những người ở tin vào chiều hướng đi lên và giao dịch trở nên sôi động một cách nhanh chóng.

Càng gần đến cuối một đợt tăng giá, sự thay đổi càng dễ nhận biết. Giá giảm nhanh

chóng với khối lượng giao dịch lớn, trong khi sự phục hồi tỏ ra rất chậm chạp và luôn vấp phải sức kháng cự lớn do các lệnh bán chốt lời gây ra. Đến lúc này, thời điểm các lệnh mua theo tỷ lệ bị rút lại hàng loạt sẽ rất dễ nhận ra.

Trong một thị trường đang đi xuống, "áp lực" bán sẽ xuất hiện để hỗ trợ xu hướng chung của thị trường. Các lệnh theo tỷ lệ phần lớn được đặt nhằm chốt lời khi thị trường lên giá. Chỉ có một lượng nhỏ nhà đầu tư là đang mua vào thực sự, bởi vậy giao dịch càng trở nên ảm đạm mỗi khi giá nhích lên. Giai đoạn cuối của một đợt suy giảm, "sự hỗ trợ" tăng lên và "áp lực" dần tan biến, giá cả sẽ hồi phục nhanh và mạnh từ những mức rất thấp.

Giả thuyết mà ta vẫn thường gặp lại là "lực hỗ trợ" cũng như "áp lực" đều là do những kẻ muốn thao túng thị trường gây ra. Nhưng trên thực tế, đó có vẻ như là kết quả của hoạt động đặt lệnh mua bán theo tỷ lệ của hàng trăm người khác nhau, những người mà tâm lý của họ với thị trường thường xuyên ngăn họ không mua hay bán một cách "bốc đồng."

Trong những chương trước, chúng ta đã thấy rằng rất nhiều, nếu không nói là phần lớn, những diễn biến lệch lạc trên các thị trường đầu cơ đều bị quy kết là những âm mưu thao túng thị trường, song thực tế đó lại là kết quả của những diễn biến tâm lý bất thường diễn ra trên các thị trường ấy. Đặc biệt, những biến động bất thường thường là kết quả của việc những người kinh doanh cổ phiếu cố gắng hành động không dựa trên dữ liệu thực tế hay những đánh giá của riêng mình về tác động của các yếu tố bên ngoài lên giá cả. Họ chỉ dựa trên những tác động mà họ tin là thực tế hoặc các tin đồn có thể gây ra đối với suy luận của những người khác. Thái độ này đối với thị trường đã mở ra một khoảng trống hoàn toàn mới mẻ, đó là sự phỏng đoán, thứ vượt ra khỏi mọi giới hạn thông thường của hiểu biết hay thực tế.

Nhưng cũng sẽ thật là ngốc nghếch khi khẳng định rằng suy luận dựa trên những gì người khác đang làm trên thị trường là một phương pháp sai lầm. Nó thường làm cho những người chưa có nhiều kinh nghiệm cảm thấy rối trí; nhưng với những tay lão luyện thì đó đôi khi lại là chìa khóa thành công, tuy không phải lúc nào cũng là một phương pháp cho ra những kết quả chắc chắn. Một đứa trẻ lần đầu tập sử dụng một con dao sẽ có thể tự làm nó bị thương, nhưng con dao đó lại là một công cụ vô cùng hữu hiệu trong tay một đầu bếp tài ba.

Vậy thì một người thông minh sẽ phải có thái độ như thế nào khi tham gia thị trường chứng khoán?

"Một nhà đầu tư đơn thuần", tức là mua vào bằng tiền của mình và nắm giữ cổ phiếu một cách tự phát không cần một giới hạn thời gian hay mục tiêu lợi nhuận nào. Anh ta chỉ cần xem xét những vấn đề này ở mức đủ để không khiến bản thân cảm thấy lúng túng trước những diễn biến thất thường trong tâm lý của đám đông hay trước chính những suy luận ngược của mình. Anh ta sẽ có được thành quả tốt đẹp nhất bằng cách dành hết tâm trí vào hai thứ quan trọng nhất: thực tế thị trường và giá cả. Tỷ lệ lãi suất hiện thời, khả năng kiếm lời của công ty mà anh ta đang nắm cổ phiếu, những diễn biến của tình hình chính trị có tác động tới thị trường vốn và sự thay đổi của giá cả trước những thực tế đó – đây chính là những dữ liệu quan trọng nhất cho sự đánh giá của anh ta.

Khi thấy mình đang lạc quá sâu vào việc đánh giá xem "HỌ" sẽ làm gì tiếp theo, hay những tác động của các sự kiện lên tâm lý của các nhà đầu cơ ra sao, anh ta không thể làm gì khôn ngoan hơn là quay lại với những dữ liệu và lối tư duy thông thường.

Nhưng với một chuyên viên kinh doanh chứng khoán, mọi việc lại hoàn toàn khác. Anh ta không cần phải quên hết thực tế đang bày ra trước mắt, song mục tiêu của anh ta là phải "cưỡi cùng con sóng." Điều đó có nghĩa là hành động phần lớn dựa trên những điều những người khác sẽ nghĩ và làm. Và cũng chính bởi vậy, thái độ của anh ta sẽ là công cụ quan trọng nhất tạo nên thành công.

Đầu tiên, anh ta phải là một người lạc quan một cách có lý lẽ. Bởi số phận dù có nghiệt ngã đến đâu thì có lẽ cũng không tồi tệ bằng sự bi quan của những người chỉ vì không thể nắm bắt được những động lực đằng sau những biến động của giá cả đã đánh mất đi niềm tin vào rất nhiều thứ quý giá khác trong cuộc sống.

Tuy nhiên, do bản chất của ngành kinh doanh đặc biệt này, niềm lạc quan ở đây cần có một chút khác biệt so với niềm lạc quan truyền thống vốn vẫn đem lại thành công cho con người trong những ngành kinh doanh khác. Xét một cách chung nhất thì tính cách lạc quan có nghĩa là luôn luôn nuôi dưỡng hy vọng, luôn luôn tin tưởng vào bản thân, có một niềm tin chắc chắn rằng bản thân đang làm những điều đúng đắn và kiên định với mục tiêu đã đặt ra. Thế nhưng, bạn sẽ không thể khiến thị trường chứng khoán đi theo con đường bạn đã chọn chỉ bằng cách tin tưởng chắc chắn vào con đường đó. Đây là hoàn cảnh điển hình trong đó phương pháp tư duy mới mẻ không phải lúc nào cũng có thể được áp dụng một cách trực tiếp.

Trong thị trường chứng khoán, bạn chẳng là gì ngoài một giọt nước trong vô số các con sóng sự kiện lớn nhỏ. Vì thế, lạc quan ở đây không có nghĩ là niềm tin rằng những con sóng sẽ cập bờ đúng lúc và đúng cách bạn muốn, mà là niềm tin rằng bạn có thể lướt cùng với chúng mà không để bị rớt lại đằng sau. Sự lạc quan này mang màu sắc của trí tuệ hơn là lý trí. Còn sự lạc quan chỉ dựa trên lòng quyết tâm chỉ là sự ngoan cố mà thôi.

Một phẩm chất khác sẽ giúp bạn làm nên thành công trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống đó là lòng nhiệt huyết. Nhưng phẩm chất đó hoàn toàn vô dụng trên thị trường chứng khoán. Thời điểm bạn cho phép bản thân trở nên nhiệt tình và hứng khởi cũng là lúc bạn để cho năng lực suy luận của mình đầu hàng trước niềm tin và sự kỳ vọng.

Lòng nhiệt huyết sẽ giúp bạn gây ảnh hưởng lên những người khác, nhưng trên thị trường, đó không phải là điều bạn muốn làm (trừ khi bạn là một nhân vật lớn, có khả năng dẫn dắt cả xu hướng đi lên của thị trường). Bạn chỉ muốn đầu óc mình được tỉnh táo, khách quan và điềm tĩnh như nước mặt hồ một ngày lặng gió. Bất cứ thứ cảm xúc gì – hứng khởi, sợ hãi, giận dữ hay u buồn – đều là những đám mây che mờ tâm trí.

Cảnh báo những chuyên viên giao dịch chứng khoán rằng không nên ngoan cố là điều hiển nhiên đúng. Bởi không phải ai cũng đủ tỉnh táo tới mức có thể luôn tự động ngăn cản được mình không trở nên như vậy. Vấn đề là ở chỗ làm sao phân biệt một cách rạch ròi giữa một bên là kiên định và nhất quán theo đuổi một kế hoạch nào đó cho đến khi hoàn cảnh trở nên thuận lợi hơn; và một bên là ngoan cố bám lấy quan điểm của mình trong khi nhiều sự kiện sau đó đã chứng minh điều ngược lại.

Nếu một ngày nào đó người ta có thể tạm quên đi thị trường chứng khoán, hay đẩy nó ra khỏi suy nghĩ của mọi người, thì ngày đó các chuyên viên kinh doanh của chúng ta sẽ có được tư duy hoàn toàn sáng rõ để nhìn nhận lại sự ngoan cố đến vô lý của họ. Chính bởi giả thuyết này mà đôi khi chúng ta cần tạm thời cắt đứt mọi hợp đồng hay cam kết và tránh xa khỏi thị trường trong vòng một vài ngày.

Sai lầm thường gặp nhất của những người kinh doanh chứng khoán có lẽ là "sự thiển cận." Người ta thường mắc phải điều này khi không có được cái nhìn toàn diện về những điều đang xảy ra. Một vài sự kiện nào đó khiến cho đầu óc chúng ta choáng ngợp và chúng ta quá quan tâm đến nó, tới mức nghĩ rằng chính nó đang ảnh hưởng đến giá cả thị trường. Và chúng ta chỉ hành động dựa trên cách hiểu này của chính mình. Có thể bản thân quan điểm đó không sai, chỉ có điều là các yếu tố khác có thể khiến cho tác động của sự kiện mà chúng ta quan tâm không còn như trước nữa.

Trên thực tế bạn sẽ luôn gặp phải vấn đề này. Bạn gặp một người khá bảo thủ và hỏi xem quan điểm của anh ta về tình hình hiện thời. Anh ta sẽ đáp rằng: "Tôi rất lo lắng về sự lan tràn của các quan điểm cấp tiến. Làm sao chúng ta có thể hy vọng rằng dòng vốn sẽ chảy

vào các công ty mới một khi lợi nhuận của nó có thể bị cuốn đi bất cứ lúc nào do các quan điểm về pháp chế xã hội chủ nghĩa đang chiếm ưu thế.”

Bạn nhẹ nhàng gợi cho anh ta nhớ về vụ mùa bội thu của ngành nông nghiệp trong năm nay, về tình hình kinh doanh tốt đẹp của các ngân hàng, về sự sôi động của ngành thương mại. Nhưng tất cả những thứ đó không gây được bất cứ ấn tượng nào tới anh bạn đáng kính đó cả. Anh ta đã bán hết cổ phiếu của mình và giờ đang cất tiền ở nơi an toàn là ngân hàng. (Anh ta cũng bán khống luôn một lượng cổ phiếu kha khá nhưng không hề nói cho bạn điều đó). Và anh ta sẽ không mua lại cho đến khi công chúng “có quan điểm lành mạnh hơn.”

Người tiếp theo mà bạn hỏi thăm sẽ nói: “Thị trường sẽ không thể xuống sâu với tình hình mùa vụ thuận lợi như thế này đâu. Sản lượng nông nghiệp là cơ sở của mọi thứ. Với hơn chín tỷ đô-la gặt hái được từ các nông trại và được chảy thẳng vào các ngành kinh tế khác, chúng ta chắc chắn sẽ có một viễn cảnh tốt đẹp trong thời gian tới.”

Lúc này bạn sẽ lại đề cập đến thuyết cấp tiến, về mối nguy đến từ những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội, về giá cả đời sống tăng cao… nhưng anh ta sẽ nghĩ những điều này chẳng hề quan trọng so với chín tỷ đô-la. Và tất nhiên là anh ta đang mua dần cổ phiếu vào.

Hãy cảnh giác với câu nói: “Đây là yếu tố quan trọng nhất hiện nay”, trừ khi diễn biến của thị trường cho thấy mọi người cũng đang đồng ý với bạn. Mỗi người đều suy nghĩ theo cách riêng của mình, vậy thì hãy cứ cho rằng bạn có suy nghĩ khác với mọi người cho dù không phải lúc nào bạn cũng thấy như thế. Thị trường chứng khoán là sự kết hợp của rất nhiều cách nghĩ, với rất nhiều điểm khác biệt nhau. Bởi vậy dù bạn có một yếu tố nào có quan trọng đến đâu thì nó cũng sẽ không thể điều khiển được diễn biến của giá cả bất chấp mọi yếu tố khác.

Một ví dụ điển hình của việc áp đặt quan điểm cá nhân là câu chuyện về “linh cảm”. Nếu đôi khi danh từ này thực sự mang một ý nghĩa nào đó thì nó cũng chỉ là một sự dâng trào đột ngột và mạnh mẽ của bản năng trước một ý tưởng nào đó khiến các nhà kinh doanh quyết định theo đuổi nó bất chấp mọi lý do. Trong rất nhiều trường hợp, “linh cảm” không là gì khác ngoài một sự thôi thúc mạnh mẽ.

Hầu hết các nhà kinh doanh đều đã nhiều lần phát biểu rằng: “Tôi có cảm giác là chúng ta phải làm việc này” hoặc “Không hiểu sao tôi không thích đề nghị này lắm” nhưng lại không thể đưa ra một lời giải thích rõ ràng cho những quan điểm đó. “Linh cảm” của một người đã theo dõi thị trường chứng khoán đến nửa đời người cũng vậy. Chắc chắn đó là kết quả của sự tích tụ của rất nhiều những dấu hiệu nhỏ mà mỗi dấu hiệu đều quá mờ nhạt đến nỗi đầu óc của bản thân các chủ thể cũng không thể xem xét một cách rõ ràng được.

Chỉ những nhà kinh doanh có kinh nghiệm mới có được “linh cảm.” Những tay mới vào nghề, hay những kẻ không hề theo dõi sát sao những yếu tố kỹ thuật của thị trường chắc chắn chỉ đang làm trò cười khi nói về “linh cảm” của bản thân.

Một nhà kinh doanh thành công sẽ dần học được những diễn biến tâm lý của bản thân và làm quen với những sai lầm mà anh ta thường gặp phải trong khi đánh giá thị trường. Nếu thấy bản thân đang quá vội vã đưa ra kết luận, anh ta sẽ học được cách chờ đợi. Sau khi đã đưa ra quyết định, anh ta sẽ ngâm ngợi quyết định đó trong một thời gian nhất định cho tới khi cảm thấy nó đã chín muồi. Kể cả khi cảm thấy tự tin nhất, anh ta cũng sẽ không dồn hết quyết tâm vào một động thái nào đó mà sẽ để dành lại chút khoảng trống.

Nếu cảm thấy mình đang quá thận trọng, anh ta sẽ học cách mạo hiểm hơn một chút, mua vào một ít cổ phiếu trong khi tâm trí vẫn bị bao phủ bởi màn sương của sự nghi ngờ.

Hầu hết các gợi ý hữu dụng có thể được nêu ra ở đây đều sẽ ở dạng phủ định. Việc chỉ ra sai lầm sẽ có ích hơn nhiều so với việc đưa ra những hành động đúng đắn để rập khuôn theo. Nhưng một vài điểm tóm tắt sau đây có thể sẽ có lợi cho các nhà kinh doanh:

1. Mục đích chính của bạn là phải luôn giữ cho đầu óc minh mẫn và tỉnh táo. Do đó, đừng hành động vội vã dựa trên những thông tin cảm tính bề ngoài, đừng mua hay bán với khối lượng quá lớn đến nỗi phải lo lắng vì nó và đừng để bị ảnh hưởng bởi trạng thái của chính mình trên thị trường.

2. Hãy hành động dựa trên đánh giá của bản thân hoặc dựa hoàn toàn vào đánh giá của người khác.

3. Khi còn nghi ngờ, hãy rời xa thị trường. Trì hoãn sẽ đỡ tốn kém hơn là thua lỗ.

4. Hãy cố gắng nắm bắt xu hướng cảm xúc. Dù nó có thể tạm thời đi ngược lại những gì các yếu tố cơ bản đang chỉ ra nhưng đi ngược lại nó không phải là một phương cách hiệu quả.

5. Sai lầm lớn nhất của chín mươi chín trong số một trăm nhà kinh doanh đó là tin tưởng rằng thị trường sẽ còn đi lên khi nó đã ở đỉnh và còn đi xuống khi đã ở đáy. Vì vậy, đừng theo đuổi những gì bạn cho là không còn hợp lý, cho dù lợi nhuận mà bạn mất đi nếu không làm như thế có lớn đến đâu.

Những gì vừa được nhắc đến trong những chương này đều còn khá mới mẻ. Khi được nghiên cứu một cách kỹ càng hơn chúng ta sẽ có thể nói về nó một cách chắc chắn hơn. Còn lúc này, tác giả hy vọng rằng những nhận xét và đề xuất của mình có thể giúp ích phần nào cho bạn đọc trong việc tránh những rủi ro không đáng có và áp dụng các nguyên tắc phân tích rõ ràng trong đầu tư và đầu cơ trên thị trường chứng khoán.

Diêu Minh: Ngôi sao bóng rổ người Trung Quốc.
Du Mẫn Hồng: Giảng viên tiếng Anh kiêm chuyên gia trong lĩnh vực quản lí. Năm 2012 được bình chọn là 1 trong 50 chuyên gia kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất Trung Quốc.
1. Nhà đầu tư thiên thần là những người giàu có, có khả năng cấp vốn cho một doanh nghiệp mới thành lập, đổi lại, họ có quyền sở hữu một phần công ty.
Han Geng: nam ca sĩ, vũ công, diễn viên, thành viên của nhóm nhạc Hàn Quốc Super Junior.
Nghĩa là con chim yến bay nhanh.
Ý nói một người bình thường không có biểu hiện gì đặc biệt, nhưng khi làm thì có thành tích khiến mọi người kinh ngạc.
Tên một phố đi bộ chuyên bán quần áo, phụ trang ở Trung Quốc.
Diễn viên khá nổi tiếng người Đài Loan.
Thẻ sử dụng cho những người định cư ở nước ngoài.
Cách gọi trong chơi phỏm của Trung Quốc, nghĩa là có 3 cây cùng quân bài (ví dụ cùng là quân K).
Trích trong bài thơ Vịnh liễu của nhà thơ Hạ Tri Chương, thời Đường, Trung Quốc. Ý nói: "Ngọc biếc điểm nên một cây cao" hoặc "Cây cao tựa ngọc điểm trang".
Ý nói dòng sông trong xanh như thể nhuộm lên mình một tấm áo tràn đầy sắc xuân.
Giải vô địch bóng đá Ý.
National Basketball Association, giải bóng rổ nhà nghề dành cho nam tại Bắc Mỹ.
Formula One, môn thể thao đua ô tô do Liên đoàn Ô tô Quốc tế tổ chức.
Trong tiếng Trung, từ "con ngỗng" và "Hằng Nga" đọc hơi giống nhau.
Trong tiếng Trung, từ "con rết" và "không công" đọc giống nhau.
Loại rượu trắng nổi tiếng ở Tứ xuyên làm bằng năm loại lương thực.
Hình ảnh ẩn dụ chỉ việc muốn trốn tránh thực tế.
Hai nhân vật trong Tam quốc diễn nghĩa. Để lừa được Tào Tháo, Hoàng Cái và Chu Du đã phải dụng tâm làm khổ nhục kế. Biết Sái Trung, Sái Hòa (hai nhân vật hư cấu, là em của Sái Mạo) sang Đông Ngô trá hàng, Chu Du và Hoàng Cái cố ý giả vờ cãi nhau, rồi Chu Du đánh đòn Hoàng Cái trước mặt hai tên họ Sái, để hai gián điệp của Tào Tháo đưa tin tức sai. Hoàng Cái giả cách oán hận Chu Du, cử Hám Trạch sang đưa thư trá hàng. Do tin của Sái Trung, Sái Hòa đưa về, cộng với tài ăn nói của Hám Trạch, Tào Tháo tin việc Hoàng Cái sang hàng là thật.
Có nghĩa là: Trong lòng có thơ ca thì tinh thần rạng rỡ.
Nay ta chôn hoa, người cười ta cuồng si.
Từ xuất phát trong cách nói của dân gian, chỉ người đàn ông độc thân.
Có nghĩa là: đệ nhất nghìn cân. "Thiên kim" hay còn gọi là "nghìn vàng". Trong tiếng Trung, "nghìn vàng" và "nghìn cân" đọc giống nhau. Tác giả muốn chơi chữ, ý nói là rất béo.
Nghĩa là người đàn ông độc thân giàu có.
Ca sĩ, ngôi sao điện ảnh Hồng Kông, nổi tiếng từ thập niên 1980.
Những con số rất lớn từ hàng trăm triệu trở lên, ví dụ khoảng cách giữa các hành tinh trong vũ trụ.
Đạo diễn, diễn viên hài Hồng Kông, được đánh giá là diễn viên hài xuất sắc nhất của điện ảnh châu Á với biệt danh Vua hài.
Món ăn nổi tiếng của Trung Quốc, làm từ thịt lợn, hơi giống món thịt kho tàu nhưng làm cầu kỳ hơn và có vị ngon hơn.
Diễn viên nổi tiếng của Trung Quốc.
Thương hiệu cà phê nổi tiếng của Trung Quốc.
Tiếng Quảng Đông có nghĩa là kết hôn, tìm được một nửa còn lại.
Ngày kỷ niệm phong trào Ngũ Tứ của Trung Quốc, mùng Bốn tháng Năm.
Câu thành ngữ, ý nói ngựa khôn không gặm cỏ cũ, không ngoái đầu lại bãi cỏ đã chạy qua. Nói rộng ra là người khôn ngoan không mãi luyến tiếc cái đã mất.
Trong tiếng Trung, từ "醋" vừa có nghĩa là "giấm" vừa có nghĩa là "ghen tuông". Ở đây tác giả muốn chơi chữ.
Một câu thành ngữ, ý nói gặp được chuyện tốt lành. Ở đây tác giả muốn chơi chữ, Lâm và Bảo là hai nhân vật trong Hồng lâu mộng.
Có nghĩa là giữ chặt.
Gần bằng 1/3 mét.

Phiên Phi nghĩa là bay nhanh, Phiên Phiên Phi là bay lượn tung tăng.
Có nghĩa là: qua năm cửa ải, chém sáu tướng, chỉ một việc vô cùng khó khăn.
Nguyên khúc: một hình thức văn nghệ đời Nguyên gồm tạp kịch và tản khúc.
* Quẻ Khiêm (quẻ kép): Quẻ khôn trên chỉ đất,Quẻ khôn dưới chỉ núi
1\. 225 ghế trong số 450 ghế Duma quốc gia chia cho các đảng phái tham gia tranh cử theo tỉ lệ số phiếu bầu ở các khu vực bỏ phiếu trên toàn liên bang, 225 ghế còn lại tính theo nguyên tắc đa số tương đối ở các khu vực bầu cử đề cử cá nhân.
2\. Căn cứ theo Luật trưng cầu dân ý Duma quốc gia Nga thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2004, quy định hàng loạt những hạn chế về vấn đề đề nghị trưng cầu dân ý, trong đó quy định rõ: các vấn đề như "sửa đổi nhiệm kì tổng thống và Duma quốc gia Nga, và tổ chức bầu cử sớm hoặc trì hoãn bầu cử tổng thống và Duma quốc gia Nga" đều không được tiến hành trưng cầu dân ý. Tham khảo "Luật trưng cầu dân ý Liên bang Nga".
1. Theo quy định của điều 99 "Hiến pháp Nga", 30 ngày sau khi bầu ra Duma quốc gia sẽ tổ chức hội nghị lần thứ nhất, nhưng tổng thống Liên bang Nga có thể triệu tập hội nghị Duma quốc gia trước thời hạn thông qua Lệnh tổng thống.
1\. Báo nước Nga mới: http//www. rusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - neizheng/2007/211/41986301.html
2\. Báo nước Nga mới: http://www.nusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - nenzheng/ 2007/211/41986908.html
1\. Cuối năm 1999 đến đầu năm 2000, từ khi Putin lên cầm quyền, thương mại song phương giữa Nga và Liên minh Châu Âu tăng trưởng tương đối nhanh, tổng kim ngạch thương mại song phương tăng từ khoảng 52,7 tỷ Euro năm 1999 lên khoảng 213,3 tỷ Euro năm 2006, tổng kim ngạch thương mại tăng gấp 4 lần, tăng bình quân năm 23,4%. European Union. Eurostat.
2\. Là khu vực tiêu thụ năng lượng lớn thứ hai thế giới, 30% dầu mỏ của liên minh châu Âu nhập khẩu từ Nga, mà khí đốt của Nga lại chiếm đến 50% lượng khí đốt nhập khẩu của liên minh châu Âu. Christian Cleutinx, The EU – Russian Energy Dialogue, October 2005
3\. _Trụ cột thứ nhất_: bảo hiểm dưỡng lão xã hội, chỉ dành cho những người đặc biệt khó khăn không có khả năng đóng phí bảo hiểm dưỡng lão; _trụ cột thứ hai_: bảo hiểm dưỡng lão bắt buộc, nó là bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống bảo hiểm dưỡng lão, lập tài khoản cá nhân cho tất cả những người làm việc, cung cấp bảo đảm dưỡng lão, tiền của nó do doanh nghiệp và công nhân viên chức nộp và lợi nhuận quỹ; _trụ cột thứ ba_: bổ sung bảo hiểm dưỡng lão, còn gọi là kế hoạch quỹ năm ngành nghề hay kế hoạch quỹ năm doanh nghiệp, nó là kế hoạch nghỉ hưu của tư nhân quản lý, do chủ lao động tự nguyện thành lập, tất cả những người lao động đều có thể tự nguyện tham gia.
4\. Số liệu của Bộ y tế và xã hội Nga
5\. Là một trong "Bốn dự án lớn được ưu tiên của quốc gia" được nhắc tới ở trên.
6\. Năm 1999, tại Bologna, Italia, 29 quốc gia Châu Âu đã đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục đại học Châu Âu, mục tiêu là đến năm 2010, xây dựng được chế độ công nhận giáo dục đại học thống nhất toàn Châu Âu, công nhận bằng tốt nghiệp và bảng điểm của sinh viên tốt nghiệp đại học giữa các nước thành viên.
7\. Trước đó quy định là 50%
1\. Lấy lĩnh vực dầu khí làm ví dụ, mặc dù Mỹ là nước nhập khẩu dầu lớn nhất trên thế giới và Nga chiếm vị trí thứ hai trong các nước xuất khẩu dầu nhưng lượng dầu nhập khẩu của Mỹ từ Nga chỉ chiếm 2% - 3% tổng lượng dầu nhập khẩu của Mỹ.
2\. Hứa Chí Tân: "Chiến lược đối ngoại của Nga xuất hiện những biến đổi mới" trích trong "Văn kiện Nga - Đông Âu - Trung Á năm 2007", ấn bản thường niên năm 2008 của NXB Khoa học Xã hội Văn hiến.
3\. Trong 3 năm từ 2004 -2006, chính quyền Bush đã tài trợ cho những hoạt động dân chủ tại Nga với số tiền cụ thể là: 6 triệu đô la; 6,295 triệu đô la và 7,859 triệu đô la.
4\. Không gian chung bao gồm: kinh tế; tự do, an toàn và tư pháp; an ninh khu vực; khoa học, giáo dục văn hoá.
5\. Cách gọi "Tân châu Âu' do cựu bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld đề xướng, ông coi các nước ủng hộ cuộc chiến tại Irắc của Mỹ thuộc khối "Tân châu Âu", các quốc gia phản đối cuộc chiến này thuộc khối 'Cựu châu Âu".

6\. Ngày 20/5/2005, quan chức của Bộ ngoại giao, Bộ quốc phòng và giới học giả Nga đã tổ chức hội nghị bàn tròn "Hoàn thiện các vấn đề của tổ chức hợp tác Thượng Hải ở viện nghiên cứu Viễn Đông và viện khoa học Nga, các đại biểu tham dự hội nghị đã thống nhất về mục đích và hậu quả "Cách mạng sắc tộc do Mỹ ủng hộ".
7\. Hội nghị phi chính thức tại Vladivostok là hội nghị ngoại trưởng ba bên không chính thức lần thứ 4 được tổ chức. Điểm khác biệt so với 3 kỳ hội nghị trước đó là không tận dụng thời gian của các hội nghị quốc tế như trước kia mà hội nghị lần này do 3 nước nhất trí cùng chuyển bị, điều này thể hiện quan hệ hợp tác chiến lược giữa 3 quốc gia đã bắt đầu bước vào một giai đoạn mới.
Hai câu thơ trong tác phẩm Bạch tuyết ca tống Vũ phán quan quy kinh của tác giả Sầm Tham đời Đường. Hai câu trên lấy từ bản dịch của Hải Đà trên thivien.net.
Hương tuyết, chỉ cây hoa mai.
Trong Tam quốc diễn nghĩa có ghi: Thời Tam Quốc, đại tướng Hoàng Cái của Đông Ngô nhận lệnh đến doanh trại của Tào Tháo giả hàng, để Tào Tháo tin, Chu Du cố ý mượn cớ đánh Hoàng Cái một trận, Hoàng Cái giả vờ giận dữ rồi đầu hàng địch.
Tên một bộ tiểu thuyết của Johann Wolfgang von Goethe, tên tiếng Anh là The Sorrows of Young Werther, tên gốc là Die Leiden des jungen Werther.
Một câu nói lưu truyền trong dân gian Trung Quốc, ý nói một vài phương diện tính cách xuất hiện ở trẻ con ba, bốn tuổi sẽ mãi theo nó suốt cả cuộc đời, nên nhìn một đứa trẻ ba tuổi cũng có thể đoán được con người nó khi đã trưởng thành.
Một câu trong bài từ nổi tiếng của Giá Hiên cư sĩ (Tân Khí Tật) thời Nam Tống. Ý nghĩa của bài từ đó là: Thời thiếu niên, bởi vì không hiểu được dư vị của sầu khổ, viết ra được bài từ mới hay, thường xuyên đăng cao vọng viễn, không sầu khổ mà miễn cưỡng nói có sầu khổ. Nhưng giờ ta đã đến tuổi trung niên, mang nỗi khổ hoạn nạn khốn khó, cuộc sống trải qua gian nan. Những sầu khổ này, có cái không thể nói, có cái không tiện nói, mà nói cũng nói không hết, thôi thì chẳng nói nữa vậy, chỉ đành thở dài, nói trời lạnh rồi, mùa thu đẹp thay.
Một ca sĩ nổi tiếng của Trung Quốc.
Câu nói trong Khổng Tử ngữ lục, có nghĩa là thứ không hợp lễ thì không nhìn, điều không hợp lễ thì không nghe.
Ý nói bệnh đến bất ngờ, đột ngột nhưng lúc bình phục thì từ từ mới khỏi.
Trúc ngoại đào hoa tam lưỡng chi. Đây là câu thơ đầu trong bài Huệ Sùng xuân giang vãn cảnh của tác giả Tô Thức thời Bắc Tống.
Thành ngữ, ý chỉ sự việc đã trải qua, rắc rối phức tạp nhưng cuối cùng đã có được kết quả.
Câu này xuất xứ từ Quyết biệt thư của Trác Văn Quân gửi cho Tư Mã Tương Như.
Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: "Oh my God!", nghĩa là: "Lạy Chúa tôi!"
Trường trung học số một của Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông.
傅: Chữ này có hai âm đọc là "phó" và "phụ".
SOHO: tức Small office home office, làm việc ở nhà, phần lớn là chỉ những người làm việc tự do.
Kế vườn không nhà trống.
Cờ đỏ trong nhà là chỉ vợ, cờ màu bên ngoài là chỉ tình nhân. Câu này ám chỉ quan hệ với vợ và tình nhân được xử lý hài hòa.
Trường trung học xếp thứ 6.
2. Andrew William Mellon: bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ giai đoạn 1921 – 1932.
3. Franklin Delano Roosevelt: tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ, đắc cử bốn lần giai đoạn 1933-1945.
4. George M. Humphrey: Bộ trưởng Bộ tài chính Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953 - 1957
5. Dwight David "Ike" Eisenhower: tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953–1961.
6. Trái phiếu đô thị: trái phiếu do các chính quyền địa phương phát hành nhằm huy động vốn cho các công trình phúc lợi, thu nhập từ trái phiếu loại này được miễn thuế.
1. Uncle Sam (US): Tên lóng của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.
2. Nguyên văn: "E Pluribus Unum" – Khẩu hiệu của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, được in trên đồng đôla từ 1776-1956.
1. Adelphia Communications Corporation: được xếp hạng là công ty cáp lớn thứ 5 của Mỹ trước khi bị phá sản năm 2002 do tham nhũng nội bộ.
2. Nội chiến Mỹ: nổ ra ngày 12/4/1861 và kết thúc ngày 9/4/1865 giữa Liên bang miền Bắc và Liên

minh miền Nam, địa điểm: phía Nam nước Mỹ. Nguyên nhân: do quân miền Nam phá đồn Sumter. Kết quả: quân miền Bắc chiến thắng, kết thúc chính sách nô lệ và xây dựng lại nước Mỹ.
3. Rhett Buttler: Tên nhân vật nam chính nổi tiếng trong cuốn tiểu thuyết kinh điển Cuốn theo chiều gió, Rhett Buttler là kẻ giàu lên nhanh chóng nhờ vào những mánh khóe gian thương, đầu cơ tích trữ.
4. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856-1939) nguyên là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học. Chính ông là người phát hiện ra công dụng tuyệt vời của cocain trong chữa bệnh.
5. Caramel là đường nấu chảy (không nên nhầm với loại kẹo màu nâu có cùng tên) được sử dụng rộng rãi làm chất tạo màu trong các loại thuốc. Ngoài ra, nó còn có tác dụng giấu những yếu tố có thể bị lẫn vào hợp chất trong khi pha chế.
20. Ngày 22/11/1963, trong một chuyến công du tới Dallas, Tổng thống Kennedy bị ám sát.
6. Dope: là một tên khác chỉ cần sa.
7. Ralph Nader: Là luật sư và nhà hoạt động chính trị người Mỹ. Ông là người ủng hộ rất nhiệt thành các vấn đề về bảo vệ người tiêu dùng và nữ quyền.
8. John Davison Rockefeller Cha (1839 – 1937) là một nhà công nghiệp người Mỹ, người đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập tập đoàn Standard Oil.
9. Sử dụng một mục báo trên tờ Good Housekeeping làm diễn đàn, Wiley tiếp tục tấn công công ty. Tháng 5/1922, trong mục "Trò chuyện cùng Dr. Wiley," ông khẳng định là uống ba đến bốn lon Coca-Cola một ngày liên tục trong vài năm sẽ có tác động "rất xấu" tới sức khoẻ. "Đối với một đứa trẻ đang lớn", ông nói thêm, "nó sẽ có thể hủy hoại sức khoẻ cả đời."
10. Lời phát biểu công khai duy nhất của Candler trong bài phỏng vấn trên tờ Kansas City Times hơn một năm sau đó đã góp phần tạo nên sự mập mờ của vụ giao dịch này. "Tôi có năm người con tuyệt vời, nhưng chúng chỉ là những đứa trẻ. Khi tôi giao cho chúng công việc kinh doanh, nó là của chúng. Chúng đã bán một phần rất lớn cổ phần với mức giá quá hời. Nếu là tôi, tôi sẽ không làm như vậy nhưng các con tôi đã làm và đứng trên quan điểm của người bán, đây là một vụ mua bán có lợi." Thực ra, Candler hẳn không phản đối việc bán công ty bởi vì đây là dự định từ lâu của ông. Giá cả cũng không phải vấn đề vì ông đã đặt ra mức giá này trong các cuộc thương lượng trước đây. Nguyên nhân dẫn đến sự thất vọng của Candler chỉ có thể là danh tính người mua.
11. Một lần, Robert sai tài xế của mình, Lawrence Calhoun, đến sân ga đón và chở đồ đạc của cha ông về. Sau khi về nhà, Ernest bỏ hành lý ra và lục tìm trong túi và nói: "Rõ ràng là ta đã để 25 xu đâu đó mà!" Lúc đó, Calhoun vội vàng đáp lại: "Thưa ngài Woodruff, nếu quả thực ngài có 25 xu thì tôi dám chắc rằng ngài vẫn đang giữ đấy!" Vào thời đó, không một người hầu da đen nào dám cả gan nói xấc xược như vậy với một người có địa vị cao như Ernest Woodruff. Lời kể lại của Robert sau này chính là những điều Calhoun thực sự muốn nói. Và câu chuyện này bị lộ ra là do Robert kể lại – thường là để nhấn mạnh cha mình là một người keo kiệt.
12. Một năm sau vụ kiện rùm beng từng lên trang nhất các tờ báo ở Atlanta suốt một tuần này, một thẩm phán tìm ra bằng chứng có lợi cho Asa Candler. Người ta phát hiện ra rằng bà de Bouchel chưa chính thức ly hôn với người chồng trước, và như vậy bà này không được phép kết hôn với bất kỳ người nào khác.
13. Tháng 1/1929, tình cảnh của Woodruff trở nên dễ chịu hơn khi hội đồng quản trị đồng ý chia 1 triệu số cổ phiếu loại A cho các cổ đông, mỗi cổ phiếu trị giá 50 đô-la. Các cổ đông có thể bán hoặc giữ lại tùy thích. Điều này đã ngăn được việc đánh thuế vào nguồn lợi nhuận thu được. Nó đem lại nguồn lợi tức hàng năm là 3 đô-la hay 6 %.
14. Dấu hiệu thành công là Pepsi cũng bị làm giả. J. C. Mayfield, đối tác cũ của Dược sỹ Pemberton và là người đã gây nguy hại cho Coca-Cola với sản phẩm Koke, cũng tạo ra sản phẩm có tên Pepsi-Nola.
15. Đó là nguồn gốc của câu nói "Không Coke! Pepsi" mà sau này trở thành chủ đề trong một vở kịch châm biếm được trình diễn liên tục trên chương trình truyền hình Saturday Night Live trong đó John Belushi đóng vai nhân viên thu ngân của một quán ăn rẻ tiền luôn mồm dùng cụm từ đó quát tháo khách hàng với giọng lè nhè.
16. Nhiều năm sau khi Woodruff bắt đầu dùng tài sản của mình làm từ thiện và trở thành nhà từ thiện vĩ đại nhất Atlanta, người môi giới chứng khoán của ông vô cùng kinh ngạc trước tình trạng của cổ phiếu: "Những mảnh giấy cũ bụi bặm, bẩn thỉu và quăn queo." Chúng không bị xáo trộn gần nửa thế

kỷ nay.
17. Do hoa màu đang nằm trong tay kẻ thù nên công ty phải tạm thời sử dụng nguyên liệu thay thế dầu cây cassia. Theo những tài liệu mật của Ralph Hayes, dầu cây cassia đóng vai trò quan trọng trong thành phần Merchandise 7X tuyệt mật. Sau khi chiến tranh kết thúc, nguồn cung cấp cho loại dầu này ổn định trở lại và nó được sử dụng tiếp cho sản phẩm Merchandise No.12.
18. Biệt danh này được đặt theo tên của Simon Legree, tay buôn nô lệ độc ác trong tác phẩm Túp lều bác Tom của Harriet Beecher Stowe.
19. Quyết định gỡ bỏ quy định chỉ có người da trắng mới được phép tham gia Đảng Dân Chủ.
1. Đây có thể là một bằng chứng cho thấy sự ngây thơ của Ladas: ông đã quên không hủy các lá thư, bản ghi nhớ và các bức điện tín mật trong đó cho thấy một cách chi tiết các thủ đoạn mang tính nhạy cảm cao mà công ty đã sử dụng trong vụ việc tại Pháp. Các tài liệu của Ladas về sau đã được phát hiện trong các hồ sơ lưu trữ tại Phòng Xuất Khẩu của Coca-Cola vào cuối những năm 1980 và sau đó đã được nộp lại cho nhà chức trách.
Trong thần thoại Hy Lạp, Paris là con trai vua Priam của thành Troy. Paris lén lút quan hệ với hoàng hậu của thành Sparta là Helen và chính điều này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thành Troy. (Tất cả các chú thích trong sách đều là của người dịch.)
Zeus (được phiên âm trong một số sách tiếng Việt là thần Dớt) là thần trị vì các vị thần, đồng thời là thần cai quản bầu trời và thần sấm sét trong thần thoại Hy Lạp.
Hera là vợ của thần tối cao Zeus, đồng thời là nữ thần bảo trợ phụ nữ và hôn nhân.
Athena là nữ thần của nghề thủ công mỹ nghệ, trí tuệ đồng thời cũng là vị thần chiến tranh chính nghĩa. Athena là thần bảo hộ của thủ đô Athens, Hy Lạp.
Aphrodite là nữ thần tình yêu, sắc đẹp và sự sinh nở (cũng có thể là nữ thần của dục vọng) và cũng là thần hộ mệnh của thủy thủ.
American Idol là một cuộc thi âm nhạc và chương trình truyền hình thực tế của nước Mỹ. Cuộc thi bắt đầu được tổ chức từ ngày 11 tháng 6 năm 2002 và là một trong những chương trình truyền hình thu hút đông khán giả nhất nước Mỹ. American Idol được mua bản quyền từ chương trình Pop Idol của Anh do nhà sản xuất Simon Fuller sáng lập.
Simon Phillip Cowell (sinh ngày 7/10/1959) là một doanh nhân và nhà sản xuất chương trình truyền hình nổi tiếng người Anh. Ông nổi tiếng trên truyền hình với vai trò là giám khảo của nhiều cuộc thi âm nhạc lớn như Pop Idol, American Idol, The X Factor hay Britain's Got Talent. Ông cũng nổi tiếng với những lời nhận xét khá khắc nghiệt đối với thí sinh trong các cuộc thi âm nhạc.
Biểu đồ ngày sinh (birth chart hay còn gọi là natal chart) là biểu đồ diễn tả vị trí của các hành tinh và các cung dựa trên ngày tháng năm sinh của bạn. Các bạn có thể dựa vào biểu đồ ngày sinh để xem tính cách một người ra sao, tương lai người đó thế nào hay cả việc xem hai người có hợp nhau không, có kết quả gì khi đến với nhau không.
Carl Gustav Jung (1875 - 1961) là bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng nhờ việc thành lập nên một trường phái tâm lý học mới có tên là "Tâm lý học Phân tích" (analytical psychology) nhằm phân biệt với trường phái "Phân tâm học" (psychanalysis) của Sigmund Freud. Ngày nay có rất nhiều nhà tâm lý trị liệu chữa trị bệnh nhân theo phương pháp của ông.
'Buffy – Khắc tinh Ma cà rồng' (Buffy the Vampire Slayer) là sê-ri phim truyền hình của Mỹ lên sóng từ 10/3/1997 đến 20/5/2003. Câu chuyện kể về người được lựa chọn trong các thế hệ Khắc tinh Ma cà rồng – Buffy. Cô gái trẻ với định mệnh trở thành kẻ tiêu diệt Ma cà rồng. Cùng những người bạn ở Sunnydale, Buffy đương đầu với thế lực đen tối.
Jason là một anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nổi tiếng là nhà lãnh đạo của các anh hùng trên con thuyền Argo với sứ mệnh giành lấy Bộ lông cừu vàng. Bằng kì tích đoạt lại Bộ lông cừu vàng – một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, chàng chứng minh rằng mình có đủ khả năng để ngồi trên ngai vàng, chứ không cần dựa vào quyền thừa kế.
Trong thần thoại Hy Lạp, Minos là vua xứ Crete, con của thần Zeus và Europa, công chúa xứ Tyre. Sau khi mất, Minos trở thành người phán xét ở địa ngục. Nền văn minh Minos thời tiền Hy Lạp của đảo Crete được đặt theo tên ông.
Poseidon là vị thần của biển cả, ngựa và "người rung chuyển Trái đất", của những trận động đất.
Minotaur hay nhân ngưu là con quái vật nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp.
Audrey Hepburn (1929 – 1993) là diễn viên điện ảnh huyền thoại trong hai thập niên 1950, 1960. Qua

các cuộc bầu chọn, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế kỷ XX. Audrey Hepburn cũng là biểu tượng của thời trang và còn được biết tới với vai trò nhà hoạt động nhân đạo, Đại sứ thiện chí của UNICEF.
Cher tên thật là Cherilyn Sarkisian, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1946 tại California, Mỹ, là một diễn viên, ca sĩ, nhạc sĩ và nhà hoạt động giải trí.
Theo thần thoại Hy Lạp, Castor và Pollux là hai anh em sinh đôi cùng mẹ (Leda) nhưng khác cha. Castor là con của Tyndareus, vua thành Sparta còn Pollux là con của thần Zeus. Đó là hai chàng trai trung hậu, rất dũng cảm và cùng nhau nổi danh khi lập được nhiều chiến công hiển hách trong hành trình đi tìm Bộ lông cừu vàng của nhóm thủy thủ tàu Argo và trong biết bao cuộc phiêu lưu khác. Lúc nào hai anh em cũng luôn luôn tìm cách giúp đỡ lẫn nhau.
Địa ngục trong thần thoại Hy Lạp, được đặt theo tên của vị thần cai quản nó – thần Hades.
Khalil Gibran (1883-1931), còn được biết đến với tên Kahlil Gibran, là nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ người Liban.
Trong thần thoại Hy Lạp, Achilles là nhân vật trung tâm và là chiến binh vĩ đại nhất của sử thi Iliad. Những tích truyện về sau mô tả Achilles có một cơ thể không thể bị thương ngoại trừ gót chân của anh ta. Anh ta đã chết vì một vết thương nhỏ ở nơi gót chân.
Thetis là nữ thần biển cả vô cùng xinh đẹp. Đáng lẽ thần Zeus đã cưới Thetis làm vợ, nhưng có lời tiên tri rằng nếu Zeus lấy Thetis thì đứa con sinh ra từ cuộc hôn nhân này sẽ giành quyền cai trị thế gian, nên Zeus ban Thetis cho anh hùng Peleus (cháu mình).
Peleus là cháu thần Zeus và là cha đẻ của dũng tướng Achilles.
Nguyên gốc Tiếng Anh – oxymoron – phép nghịch hợp là một thuật ngữ trong ngôn ngữ học, ý chỉ hai từ đi cùng nhau mà trái nghĩa nhau (ví dụ: “pretty” và “ugly”).
Tên tiếng Anh là Venus, cũng có nghĩa là thần Vệ Nữ (nữ thần Sắc đẹp và Ái tình) trong thần thoại La Mã, mẹ của Aeneas và Cupid, tương ứng với nữ thần Aphrodite trong thần thoại Hy Lạp.
Tâm lý học nghịch đảo (reverse psychology): Khi bạn muốn đối phương làm việc gì đó bằng cách yêu cầu họ làm điều ngược lại.
Trong thần thoại Hy Lạp, Medusa là một con quỷ trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon gồm Stheno, Euryale và Medusa. Trước kia Medusa đã từng là một người phụ nữ xinh đẹp, có mái tóc bồng bềnh, cực kì quyến rũ. Vì thế, Medusa tự mãn cho rằng mình còn đẹp hơn nữ thần Athena. Sắc đẹp của Medusa đã thu hút Poseidon. Khi Poseidon theo đuổi, Medusa chạy đến đền thờ Athena và nghĩ rằng nữ thần sẽ bảo vệ cô, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Poseidon đã hãm hiếp Medusa trong đền thờ của nữ thần (các phiên bản khác cho là Medusa tự nguyện). Và để chắc chắn chuyện tương tự không tái diễn, Athena biến Medusa thành nữ quỷ với cái nhìn có thể biến tất cả các sinh vật sống thành đá, đồng thời biến mái tóc tuyệt đẹp của Medusa thành rắn.
Perseus là người anh hùng đầu tiên trong thần thoại Hy Lạp đã đánh bại những con quái vật cổ xưa được tạo ra bởi các vị thần trên đỉnh Olympus. Perseus đã giết Medusa Gorgon (Quái vật tóc rắn) và giải cứu Andromeda (công chúa Hy Lạp thời đó) khỏi con quái vật biển được thần Poseidon phái đến để trừng phạt nữ hoàng Cassiopeia vì bà dám tự nhận mình là người phụ nữ xinh đẹp nhất thế gian, còn đẹp hơn cả những nàng công chúa của biển.
Trong thần thoại La Mã, vị anh hùng này được gọi là Hercules (tương ứng trong thần thoại Hy Lạp là Heracles), tên chàng được đặt cho chòm sao Hercules. Những chiến công của Hercules vang dội khắp bốn phương, tượng trưng cho sức mạnh chinh phục thiên nhiên của con người thời xưa.
Chiron là một nhân mã xuất sắc nhất trong loài của mình, ông đã đào tạo nhiều anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, ông không những hiểu biết nhiều lĩnh vực mà còn có kỹ năng chiến đấu tuyệt vời, đặc biệt là khả năng sử dụng cung tên. Vì lẽ đó người ta thường thấy chòm sao Nhân Mã đang giương cung lên ngắm bắn nên còn gọi là chòm sao Xạ Thủ.
Prometheus là vị thần khổng lồ, nổi tiếng với trí thông minh, là người đã ăn cắp ngọn lửa từ thần Zeus và trao nó cho nhân loại. Zeus đã trừng phạt ông bằng cách buộc ông vào một tảng đá để một con đại bàng ăn gan của ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ ban ngày bị ăn thì ban đêm lại tái sinh (điều này khá đúng với thực tế: Gan là nội tạng duy nhất trong cơ thể người có khả năng tái sinh).
Kronos (còn gọi là Cronos) là con út của thần Uranus (bầu trời) và nữ thần Gaia (đất mẹ) và là một trong 12 Titan (thần khổng lồ).
Rhea – con gái của thần Uranus và nữ thần Gaia – là nữ thần của sự sinh sản, màu mỡ. Ngoài Gaia,

Rhea cũng thường được coi như "mẹ của các vị thần" trên đỉnh Olympus. Cùng với Cronus, người chồng và đồng thời cũng là người em ruột, Rhea đã sinh ra: Hestia, Demeter, Hera, Hades, Poseidon và Zeus.
Russell Ira Crowe (sinh ngày 07 tháng 4 năm 1964) là diễn viên, nhà sản xuất phim và nhạc sĩ người New Zealand. Ông nhận được sự chú ý của quốc tế đối với vai diễn Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius trong phim sử thi cổ trang năm 2000 'Võ sĩ giác đấu' của đạo diễn Ridley Scott.
'Võ sĩ giác đấu' (Gladiator) là một bộ phim sử thi cổ trang của Mỹ phát hành năm 2000 của đạo diễn Ridley Scott, với sự tham gia của Russell Crowe vào vai nhân vật hư cấu và trung thành: Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius, người bị phản bội khi Commodus, người con trai đầy tham vọng của hoàng đế, giết cha mình để chiếm lấy ngai vàng và biến Maximus thành nô lệ. Để thoát khỏi thân phận nô lệ, Maximus tăng cấp bậc đấu trong đấu trường và giết Commodus, trả thù cho cái chết của gia đình và hoàng đế của mình.
Lucy Law Les (sinh ngày 29 tháng 3 năm 1968) là diễn viên người New Zealand được biết đến nhiều nhất qua vai diễn Xena trong bộ phim hài kịch tình huống nổi tiếng 'Xena: Nữ chúa chiến binh'.
'Xena: Nữ chúa chiến binh' (Xena: Warrior princess) là bộ phim truyền hình thuộc thể loại siêu nhiên, kỳ ảo kết hợp phiêu lưu mạo hiểm do Mỹ và New Zealand hợp tác sản xuất.
Nguyên văn: ADHD – Attention-deficit hyperactivity disorder – Rối loạn tăng động giảm chú ý.
Nguyên văn: make-up sex, ám chỉ việc thực hiện "chuyện yêu" bằng cách khác lạ với đối tác. Điều này rất hữu ích khi bạn muốn tạo ra một ấn tượng lâu dài cho vợ/chồng mình, để người ấy cảm thấy không thể thiếu bạn khi muốn có những màn yêu mặn nồng và ý nghĩa.
Sao Diêm vương (Pluto) là chòm sao chủ quản của Thiên Yết.
Rosie O'Donnell (21/3/1962) là nữ diễn viên hài kịch người Mỹ.
Donald John Trump (14/6/1946) là nhà kinh doanh bất động sản, tác giả người Mỹ. Ngoài tư cách doanh nhân, Donald Trump cũng là một nhân vật truyền thông có tiếng, ông hiện đang là người dẫn chương trình kiêm nhà sản xuất của show truyền hình thực tế 'The Apprentice' trên đài Star World.
Tên một hãng chăn ga gối đệm cao cấp.
'Người đẹp và Quái thú' (Beauty and the Beast) là một câu chuyện cổ tích trong nhiều nền văn hóa châu Âu được dựng thành nhiều bộ phim và vở kịch, trong số đó có bộ phim hoạt hình của hãng phim Walt Disney Picture vào năm 1991.
Tên một hãng nội thất nổi tiếng ở Mỹ.
Thành phố Venice (Ý) được biết đến là thành phố trên sông nổi tiếng thế giới với những con kênh và những chiếc thuyền truyền thống gondola. Với cấu trúc không cân xứng, một bên cong ra nhiều hơn bên kia, chiếc gondola có chiều dài trung bình khoảng 11 mét và chiều ngang khoảng 1,5 mét, được cấu tạo gồm 280 mảnh gỗ rời khép kín vào nhau, thường là bằng gỗ pak, trừ bộ phận tựa mái chèo bằng gỗ walnit rất cứng rắn, và chiếc mái chèo nhẹ nhàng bằng gỗ beech cho dễ sử dụng.
Bệnh Alzheimer là một dạng sa sút trí tuệ phổ biến nhất hiện nay. Người mắc bệnh này sẽ mất khả năng về trí lực và giao tiếp xã hội ở mức độ gây khó khăn cho cuộc sống hàng ngày.
'Hài kịch tình huống' hay sitcom (viết tắt của từ tiếng Anh: situation comedy) là một thể loại hài kịch, lúc đầu được sản xuất cho radio nhưng hiện nay được trình chiếu chủ yếu trên ti vi. Sitcom có nhiều tập với những tình huống hài hước được lồng ghép vào nội dung câu chuyện phim và được thực hiện hầu hết trong trường quay, thu thanh đồng bộ, sử dụng cùng lúc ba đến bốn máy quay phim ghi hình và bắt buộc phải dựng hình ngay tại trường quay để bảo đảm thời gian thực hiện một tập phim (khoảng 50 phút) chỉ trong thời gian từ ba đến bốn ngày.
Phần mảnh dẻ, mềm mại kéo ra từ thân một số động vật dùng để sờ mó, nắm giữ hoặc di chuyển. Ví dụ như sên, bạch tuộc.
Hermes là một trong các vị thần trên đỉnh Olympus của thần thoại Hy Lạp, thần đã tạo ra đàn lia (lyre). Hermes là con của Zeus và Maia. Hermes là thần bảo hộ cho kẻ trộm, người du lịch, các sứ thần, mục đồng và chăn nuôi, người thuyết trình, thương nghiệp, khoa học kỹ thuật, văn chương và thơ ca, các đơn vị đo lường, điền kinh, thể thao, sự khôn ngoan, lanh trí và các phát minh, sáng chế, ngôn ngữ. Ngoài ra, Hermes còn là vị thần đưa, truyền tin của đỉnh Olympus và là người dẫn đường cho các linh hồn đến cửa địa ngục. Hermes còn được biết như vị thần hộ mạng của cung Song Tử.
Còn gọi là cá răng dao hay cá cọp, là một loại cá ăn thịt nguy hiểm.
Mẹ Teresa còn được gọi là Mẹ Teresa Calcutta (1910-1997) là nữ tu Công giáo Rôma người Albania

và là nhà sáng lập Dòng Thừa sai Bác Ái ở Calcutta, Ấn Độ năm 1950. Trong hơn 40 năm, bà chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ, và đến các quốc gia khác. Bà được trao Giải Nobel Hòa bình năm 1979.
Bài hát nổi tiếng của nữ ca sỹ Olivia Newton-John viết về chuyện ân ái.
Olivia Newton-John (26/9/1948 –) sinh ra tại Cambridge (Anh) nhưng lại lớn lên ở Melbourne (Úc). Cô được coi là một trong những giọng ca country-pop và soft rock thành công nhất của thập niên 70 thuộc loại.
William Tell là tên một anh hùng dân gian của Thụy Sĩ.
Vua Arthur là một thủ lĩnh huyền thoại tại Anh, theo lịch sử thời Trung Cổ thì Ngài là người bảo vệ nước Anh chống lại sự xâm lăng của người Saxon vào đầu thế kỷ thứ VI. Chi tiết câu chuyện về vua Arthur phần lớn được tổng hợp từ văn học dân gian và việc ông có thực sự tồn tại trong lịch sử hay không vẫn là một vấn đề gây tranh cãi giữa các sử gia hiện đại.
Victoria (Victorian style) là một trường phái kiến trúc thịnh hành ở Anh và các nước thuộc địa trong thời kỳ trị vì của nữ hoàng Victoria (1837 – 1901) và còn kéo dài đến sau này, ngay cả khi Chủ nghĩa Hiện đại đã lên ngôi. Có thể coi đây là kết quả của sự hôn phối giữa hình thái Gothic cổ điển ở châu Âu với nền Cách mạng Công nghiệp đang trong thời kỳ cực thịnh, trường phái này bắt đầu chịu nhiều ảnh hưởng của máy móc và xây dựng công nghiệp với hình khối đồ sộ, nhưng đường nét trang trí lại khá tinh vi và nhiều màu sắc rực rỡ.
Andy Warhol (6/8/1928 – 22/2/1987) là một họa sĩ người Mỹ gốc Rusyn nổi tiếng về nghệ thuật đại chúng (Pop Art).
Claude Monet (14/11/1840 – 5/12/1926) là họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng.
Leonardo di ser Piero da Vinci (1452 – 1519) là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà sáng tạo và triết học tự nhiên người Ý.
Người Etruria (Estrucan) đã tạo dựng một nền văn minh có ảnh hưởng lớn ở miền Bắc nước Ý thời cổ đại. Nghệ thuật Estrucan là nghệ thuật hữu hình, gắn bó mật thiết với tôn giáo, chẳng hạn như cuộc sống sau khi chết. Tiêu biểu cho nghệ thuật này là những điêu khắc gốm, tranh trên bình gốm, tranh tường, tượng đồng đúc và chạm khắc đồng.
'Điên cuồng' (Mad) là tên một tạp chí hài hước của Mỹ được sáng lập bởi biên tập viên Harvey Kurtzman và chủ báo William Gaines vào năm 1952.
'Tôi yêu Lucy' (I love Lucy) là tên một chương trình sitcom truyền hình của Mỹ được trình chiếu những năm 1950 với sự tham gia diễn xuất của Lucille Ball, Desi Arnaz, Vivian Vance và William Frawley.
'Ánh trăng' là bộ phim hài lãng mạn của Mỹ, được ra mắt vào năm 1987 của đạo diễn Norman Jewison.
Nicolas Cage (1964 –) là một nam diễn viên, nhà sản xuất và đạo diễn người Mỹ.
Adolf Hitler (1889-1945) là "Lãnh tụ và Thủ tướng đế quốc" (kiêm nguyên thủ quốc gia nắm quyền Đế quốc Đức, kể từ năm 1934. Ông thiết lập chế độ độc quyền quốc gia xã hội của Đệ tam Đế quốc. Ông đã gây ra Đệ nhị thế chiến, thúc đẩy một cách có hệ thống quá trình tước đoạt quyền lợi và sát hại khoảng sáu triệu người Do Thái châu Âu cùng một số nhóm chủng tộc, tôn giáo, chính trị khác, được gọi là cuộc Đại đồ sát dân Do Thái (Holocaust).
1. Đơn vị đo lường tương đương 4,54 lít ở Anh, 3,78 lít ở Mỹ.
1. Một lãnh tụ tôn giáo người Do Thái trong Kinh Thánh.
2. 1 dặm = 1,6 km
1. William Howard Taft: Tổng thống Mỹ thứ 27.
1. Thomas Woodrow Wilson: Tổng thống Mỹ thứ 28.
1. Thomas Edward Lawrence (1888 - 1935): Sĩ quan quân đội Anh, nổi tiếng từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đóng vai trò nổi bật trong cuộc nổi dậy của Arập năm 1916-1918. Ông là tác giả của cuốn tự truyện Seven Pillars of Wisdom (Bảy trụ cột của sự khôn ngoan).
1. Tham khảo câu chuyện về kỳ bầu cử Harding trong cuốn Trong chớp mắt (Blink) của Gladwell, do Alpha Books xuất bản.
2. 1 feet = 0.3 m
1. Herbert Clark Hoover (10/8/1874 – 20/10/1964), tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933).

(1) Chữ Geshe có thể tạm dịch là Hòa thượng, một chức vị rất được tôn kính; còn Rinpoche có nghĩa là Sư trưởng, người đứng đầu một tu viện.
(2) Một thành phố ở Sikkim, bang Tây Bengal, Ấn Độ, thuộc khu vực địa lý tự nhiên phía Đông dãy Himalaya. Thành phố này nằm trong vùng biên giới giữa Ấn Độ với các nước Nepal, miền Nam Tây Tạng, Bhutan và Bangladesh.
(3) Tức prayer wheels, dạng hình con suốt hay con quay, có thể được làm từ kim loại, gỗ,…
(4) Căn cứ theo ngày tháng năm sinh và các mốc công trình nghiên cứu, chúng tôi cho rằng học giả này chính là bá tước Alexander Staël von Holstein (1877–1937) người Estonia.
(5) Ngôn ngữ thiêng của Phật giáo Nguyên Thủy
(6) Chính là thành phố có tu viện Yi Gah Cholin này.
(7) Lưu ý là hành trình này của tác giả diễn ra vào giai đoạn đầu thế kỷ 20 nên xin tránh lầm lẫn giai đoạn lịch sử này của Tây Tạng với những giai đoạn khác.
(8) Nguyên văn tiếng Anh: "Alone I wander a thousand miles… And I ask my way from the white clouds". Do đây là câu nói của vị Phật Di Lặc tương lai theo quan niệm Tiểu Thừa nên độc giả cần tránh sự đồng nhất với vị Phật Di Lặc quen thuộc trong văn hóa Phật giáo Việt Nam.
(9) Mahapandit Rahul Sankrityayan (1893–1963) là học giả Ấn Độ. Được xem là cha đẻ của chủ nghĩa văn học xê dịch Ấn Độ. Ông đã đến rất nhiều vùng lãnh thổ trong khu vực Nam Á và quanh rặng Himalaya.
(10) Karakoram hay Karakorum, là rặng núi lớn trải qua Pakistan, Ấn Độ (Ladak) và Tân Cương. Trong bản tiếng Anh và ấn bản cũ của dịch giả Nguyên Phong đều dùng Karakorum. Song, trong quá trình tìm kiếm và xác nhận tư liệu, First News phát hiện thêm địa danh Karakorum – cố đô Mông Cổ vào thế kỷ 13. Vì thế, để tránh nhầm lẫn, chúng tôi dùng Karakoram.
(11) Các chorten này có nguồn gốc từ các stupa của Ấn Độ, tức tháp chứa hài cốt các vị tăng sư. Các tháp này có thể có dạng một tháp lớn hay nhiều tháp nhỏ. Ở đây có lẽ tác giả đang nói tới các tháp nhỏ.
(12) Danh hiệu chỉ những vị tu khổ hạnh đã đạt được phép thần thông.
(13) Bảo tàng nổi tiếng ở Ấn Độ, nơi lưu trữ nhiều tác phẩm nghệ thuật độc đáo.
(14) Một trong hai khu vực tranh chấp biên giới chính, ở giữa Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay. Có lẽ khu vực này trước đây cũng từng thuộc tiểu quốc Guge xưa.
(15) Sven Anders Hedin (1865–1952) là nhà thám hiểm người Thụy Điển. Ông đồng thời tự minh họa trong những tác phẩm kể lại những hành trình của mình. Ông đã có nhiều khám phá quan trọng về mặt địa chất và địa lý khu vực Trung Á.
(16) Alexandra David–Néel (1868–1969) là một học giả và nhà thám hiểm người Pháp– Bỉ. Bà nổi tiếng với những hành trình khám phá thế giới của mình, trong đó có chuyến đi đến Tây Tạng năm 1924, khi vùng đất này vẫn là vùng cấm với nhiều người nước ngoài. Cuốn "Huyền thuật và các đạo sĩ Tây Tạng" của bà cũng là một trong những cuốn sách được tác giả Nguyên Phong dịch sang tiếng Việt.
(17) Đây là một ngọn núi thuộc rặng Transhimalaya – dài 1.600 km và chạy song song theo suốt chiều dài rặng Himalaya chính. Nó ở gần nơi bắt đầu của nhiều con sông lớn ở châu Á.
(18) Ngày nay là vùng Sikkim của Ấn Độ, nằm ở mặt nam của Tây Tạng. Hành trình của tác giả cho đến lúc này đúng là theo dọc hệ thống rặng Tuyết Sơn.
(19) Tức hư không không có biên giới, là một cấp độ trong khái niệm định của tu hành bậc cao, lấy yếu tố không trong sáu đại định là địa, thủy, hỏa, phong, không và thức làm đối tượng nghiên cứu và tu tập.
(20) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn "Ngọc sáng trong hoa sen" (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyên Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011.
(21) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn "Ngọc sáng trong hoa sen" (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyên Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011.
(22) Ngày nay là công viên hươu nai quốc gia Ấn Độ. Tương truyền khi xưa, đức Phật đã truyền dạy Phật pháp cho vị Lạt Ma đầu tiên tại đây.
(23) Bộ kinh được cho là nền tảng của Bà La Môn giáo, có ảnh hưởng đến nhiều tôn giáo trên thế giới, trong đó có Phật giáo.

(24) Hiện tượng xác các Lạt Ma Tây Tạng tự bảo quản và không bị hư hại hiện vẫn là một trong những bí ẩn đối với giới khoa học.
(25) Nyanatiloka Mahathera (1878–1957), ông là một trong những người châu Âu tiên phong đi theo tu đạo Phật giáo.
(26) Shanti Devi (1926–1987). Câu chuyện kỳ lạ của bà còn thu hút cả sự chú ý của Mahatma Gandhi và chính ông cũng đã giúp điều tra lại sự việc.
(27) Lãnh thổ của Vương quốc Thổ Phồn xưa giờ bị xé lẻ, phân tán trong lãnh thổ các nước Ấn Độ, Afghanistan, Pakistan, Bangladesh, Bhutan, Nepal. Trung Quốc, Myanmar,… Từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 9, vương quốc này gần như thống lĩnh toàn bộ con đường tơ lụa.
Từng là nơi ở của các Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng, hiện tại là một viện bảo tàng lớn và là một trong những di sản văn hóa thế giới.
(29) Còn được gọi là Ninh Mã, Mũ Đỏ hay Cựu Dịch.
(30) Ông trở thành đế vương cuối cùng của vương triều Thổ Phồn.
(31) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ.
(32) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ.
(33) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ.
(34) Reting Rinpoche là một tước vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng, là người có nhiệm vụ tìm kiếm những Hóa Thân của các Đạt Lai Lạt Ma.
(35) Đây cũng là một chức vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng.
(36) Đây là một trong những hồ nước ngọt ở cao nguyên Tây Tạng, rộng 410 km2 và nơi sâu nhất là 90m. Ở phía tây của hồ này là hồ nước ngọt Rakshastal và hai hồ được nối với nhau bởi kênh Ganga Chhu tự nhiên.
(37) Đồng nhất với hình tượng la sát trong văn hóa Trung Quốc và Đông Nam Á.
(38) Đây là một trong ba vị thần lớn nhất trong tín ngưỡng và tôn giáo Ấn Độ cùng các thần Brahma và Vishnu.
(39) Trong bản tiếng Anh là May they be happy
(40) Ghi chú của tác giả: Những bức ảnh hiện được lưu trữ tại thư viện Dharamsala và Đông Kinh. Giáo sư Ono, một học giả nổi tiếng của Nhật đã khởi xướng những nghiên cứu những lời chú giải kinh điển bằng tranh ảnh này.
(41) Tuy gọi là “hỏa xà” nhưng thực tế chỉ là danh xưng nhằm ví von đường chuyển động của luồng khí trong cơ thể tựa như hình thể con rắn, chứ không phải là dùng một con rắn thật để luyện. Ngoài ra, phương pháp dùng “hỏa xà” kundalini khác với phương pháp Tummo (lửa Tam Muội) đã đề cập ở những phần trước, dù rằng mục đích cuối cùng của cả hai là như nhau.
(42) Tức Dhyyani Buddha, gồm Đại Phật Như Lai (Vairocana) ở chính giữa, A Di Đà Như Lai (Amitabha) ở phía tây, A Súc Bệ Như Lai (Aksobhya) ở phía đông, Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava) ở phía nam và Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi) ở phía bắc.
(43) Jawaharla Nehru (1889–1964): nhà lãnh đạo phong trào giành độc lập cho Ấn Độ từ các nước đế quốc. Ông trở thành thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Ấn Độ độc lập ngày nay.
Tiếng Nga: Михаил Сергеевич Горбачёв, tiếng Anh thường viết là Gorbachev (BT).
Cựu Tổng thống Nam Phi, nhiệm kỳ1989-1994, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1993 (BT).
Các nhà kinh tế học cổ điển tin vào quyền lực của sức mạnh thị trường và bản chất tự điều chỉnh của

nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng giảm, tiền lương và lãi suất ngân hàng hiển nhiên cũng giảm sút đến mức kích thích phải có đầu tư mới. Có đầu tư mới sẽ xuất hiện thêm công ăn việc làm, thu nhập tăng và kinh tế lại phát triển cho đến khi giá cả tăng khiến nền kinh tế lại lâm vào tình trạng suy thoái.
Quan niệm về"người có quyền hành động tự do" là cả một câu chuyện dài. Một nhân vật phê bình sáng suốt là Jean Michelet, nhà sử học xuất chúng người Pháp về lịch sử Cách mạng Pháp. Người ủng hộ khác là Thomas Jefferson, người cổ vũ cho Cách mạng Pháp, do vậy là kẻ thù của chế độ quân chủ. Theo ông, áp đặt chủ nghĩa cộng hòa lên người Anh là hợp lý. Điều này có thể xảy ra sau khi quân đội Pháp xâm chiếm nước Anh, có điều gì ông đã tiếp thu.
Francis Galton, anh em họ của Charles Darwin, người đã đưa ra khái niệm hồi quy về giá trị trung bình khi đang nghiên cứu các thế hệ của dòng đậu ngọt Hà Lan (BT).
Thời kỳ này Thủ tướng được gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, có thể sử dụng cả hai cách gọi này (BT).
Archie Brown: Giáo sưChính trị học thuộc trường Đại học Tổng hợp Oxford, viện sĩ đầu tiên của phương Tây nhận ra Gorbachev là một người cộng sản có đầu óc cải tổ. Trong các bài bình luận đầu tiên của mình về Gorbachev, ông coi đó là vị tổng bí thư tương lai ưa chuộng cải tổ. Trong cuốn The Gorbachev Factor(Nhân tố Gorbachev), (Oxford, Oxford University Press, 1996), một công trình nghiên cứu uyên bác nhất về Gorbachev và thời đại của ông, tác giả đã đặc biệt dành thiện cảm cho Gorbachev.
Theo tài liệu Nga, Gorbachev là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị từ năm 1979, ủy viên Bộ Chính trị từ năm 1980 (BT).
Là Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp toàn Liên bang trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền (BT).
Aleksandr Yakovlev đưa ra sự đánh giá không tâng bốc về kỷ nguyên Andropov. Rốt cuộc đó chỉ là "phủi bụi khi mức độ vượt quá tiêu chuẩn vệ sinh tối thiểu". A. N. Yakovlev, Predislovie, Obval, Posleslovie (Moskva, Novosti, 1992), tr. 102.
Người phụ tá của Andropov dính líu nhiều nhất là Arkady Volsky và ông ta đã đưa ra nhiều lời giải thích khác nhau về tình tiết. Angus Roxburgh, The Second Russian Revolution (London, BBC Books, 1991), tr. 17; Brown, The Gorbachev Factor, tr. 67-69
Tác giả đã tổ chức một hội nghị về Gorbachev và các nhà lãnh đạo Liên Xô tại trường Đại học London, có mời các đại biểu nước ngoài và Văn phòng Khối Thịnh vượng chung tham dự. Họ từ chối và sau đó giải thích rằng nếu báo chí viết là các viện sĩ và các nhà ngoại giao tỏ ra thiên vị với Gorbachev thì điều này có thể bị những kẻ trong Điện Kremlin lợi dụng để gièm pha chống lại ông ta. Một người hợp với phương Tây hẳn là không hợp với Điện Kremlin.
Một dấu hiệu nghiêm trọng của vấn đề có thể được phát hiện từ thực tế là năm 1979 và 1980, sau khi các thanh tra thanh sát 20 nghìn loại máy móc và các dụng cụ chế tạo máy móc tại Liên bang Xô viết, khoảng 1/3 số máy móc đó đã không còn được sản xuất và về cơ bản được hiện đại hóa.
Gorbachev tuyên bố trong một bài diễn văn trước phiên họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng về khoa học và văn hóa ngày 6/1/1988. Bài này được đăng trên tờ Literaturnaya gazeta ngày 11/1/1988.
Gorbachev tự vệ trước sự chỉ trích cuộc cải cách mà ông chủ trương không được phiên họp Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 thông qua suôn sẻ.
Mối quan hệ giữa Gorbachev và Shevardnadze rất hòa hợp và sự gần gũi giữa hai cá nhân này dường như ngày càng phát triển. Lần đầu họ gặp nhau tại Hội nghị Đoàn Thanh niên Kosomol vào cuối năm 1950 và nhanh chóng trở nên thân thiết. Từ Georgia đến Stavropol chỉ một quãng đường ngắn và hai người này liên tục gặp gỡ trao đổi, thảo luận chính trị. Nhà nghỉ của Bộ Chính trị của Gorbachev ở vùng Pitsunda, một địa điểm khá đẹp và thơ mộng trên bờ Biển Đen thuộc Georgia, hai người luôn gặp gỡ trao đổi tại đây. Shevardnadze sau này trở thành Chủ tịch Đảng ủy của Georgia. Cả hai đều phản đối việc đưa quân vào Afghanistan. Khi giữ cương vị Bí thư phụ trách nông nghiệp trong Ban Chấp hành Trung ương, ông đã bảo vệ các cuộc thí nghiệm của Shevardnadze trong các khu vực nông nghiệp thuộc Georgia. Cả Gorbachev và Shevardnadze đều sử dụng tài liệu từ hàng loạt các bài báo theo chỉ dẫn của Andropov, đồng thời tin rằng muốn xây dựng và duy trì chủ nghĩa cộng sản thì cần phải cải cách. Họ đã bị dao động trước nạn tham nhũng và suốt mùa đông 1984-1985, ở Pitsunda, Gorbachev đã nhất trí với cách đánh giá của Shevardnadze rằng mọi việc đều đang ở tình trạng hỗn độn. Carolyn McGiffert Ekedahl và Melvin A. Goodman, The Wars of Eduard Shevardnadze (Các

cuộc chiến tranh của Eduard Shevardnadze), (London, Hurst, 1997), tr.29-33.
Năm 1985, Gorbachev coi nhiệm vụ chính là cải thiện tình hình trì trệ trong xã hội và điều chỉnh các "khuyết tật" của chủ nghĩa xã hội.
Sự thiếu nhận thức của Gorbachev về tác động của chiến lược tăng tốc đi kèm với quyết định của các nhà chức trách trung niên, với nhiều lý do không thể hiểu nổi, để tăng tốc trong khu vực luyện kim năm 1985. Một phóng viên đã tức giận viết: ″Tôi thật sự lo lắng như một người mẹ, một người phụ nữ khi những đứa con gái của mình chấp nhận rủi ro để đi tìm người bạn đời. Con gái tôi thích đi sàn nhảy, nhưng khi trở về gương mặt lại ngấn nước mắt. Thử tưởng tượng, những chàng trai đến đây gào thét, hò hét cùng tiếng nhạc và rồi đánh nhau.″Ngày 9/3/1997, Financial Times (Thời báo Tài chính) đã trích dẫn một bản tin trên thông tấn xã Itar-Tass năm 1988. Việc này cho thấy chủ trương công khai được truyền tải bằng các hình ảnh âm nhạc năm 1988 và các ban nhạc này đã trở thành hiện tượng nổi tiếng. Một ngày sau, một trong những nhạc công Nga giải thích thành công của thể loại nhạc này như sau: ″Với âm nhạc của chúng tôi, người hâm mộ có thể gào thét, nhảy múa, văng tục và làm nhiều hành động khác với ngày thường để thoát khỏi những áp lực mà họ phải chịu đựng. Chỉ khi nào làm được như vậy họ mới chịu về nhà và ngủ ngon.″
Khu vực chế tạo máy là một lĩnh vực có thế mạnh truyền thống nhưng khu vực chế tạo thiết bị điện và điện tử lại đang trong tình trạng tụt hậu, vẫn còn là một điểm yếu nghiêm trọng.
Tatyana Zaslavskaya, Kommunist (Chủ nghĩa cộng sản), tập 13, 1985. Cuốn sách này được Ban Bí thư Trung ương xuất bản, trong đó tác giả nói về sự lãnh đạo của Đảng và đã đưa ra hai cách diễn đạt, nhân tố con người và sự công bằng xã hội, nhận được sự ủng hộ rộng rãi của Gorbachev. Đầu tư vào khu vực chế tạo máy đã tăng lên 80%.
Mikhail Gorbachev, Perestroika: New Thinking for Our Country and the World (Perestroika: Một tư duy mới đối với đất nước và thế giới), (London, Collins, 1987), tr.19. Vào tháng 11/1988, ông thậm chí đã biết thu nhập quốc gia đang có chiều hướng suy giảm trong giai đoạn đầu những năm 1980. Trong cuốn Memoirs (Hồi ký), Gorbachev viết sự tăng trưởng kinh tế đã chấm dứt hoàn toàn cho đến đầu những năm 1980 (London, Doubleday, 1996), tr.216.
Chương trình dự thảo, đăng trên tờ Pravda, ngày 7/3/1986, nhấn mạnh giai đoạn hiện tại của sự phát triển chủ nghĩa cộng sản như một phần không thể tách rời trong quá trình phát triển chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, giai đoạn này đã không được đề cập trong văn bản cuối cùng nói tới thời đại của những cải cách. Thuật ngữ chủ nghĩa xã hội căn bản là do Lenin khởi xướng nhưng các tác giả đã không thể hiểu nổi ý nghĩa thật sự của thuật ngữ này. Lenin đã sử dụng nó để miêu tả sự kết nối giữa bộ máy kinh tế thời chiến của Đức trong giai đoạn đó với chính quyền cách mạng Xô viết. V. I. Lenin, Polnoe Sobranie Sochinenii (Moskva, Gosizpollit, 1963), tập 36, tr.300; Mau,Political History (Lịch sử chính trị), tr.119
Một chương trình Đảng được điều chỉnh, áp dụng năm 1961, do Đại hội Đảng lần thứ 27 thông qua và như người ta mong đợi, đây sẽ là một chương trình cải cách hiệu quả trong tương lai. Một trong những khó khăn đã vượt qua là việc cấp cho mỗi hộ gia đình một căn hộ cho đến năm 2000. Tuy nhiên, không ai tính tới việc cam kết vội vàng này khiến đất nước phải chịu phí tổn bao nhiêu. Trong một lúc nóng vội dẫn đến hậu quả Nhà nước không đủ sức chi trả cho gánh nặng đó. Điều này thông thường chẳng có vấn đề gì nhưng lời hứa bị lãng quên mới là chỗ nảy sinh vấn đề.
Boldin, Ten Years That Shook the World (Mười năm làm chấn động thế giới), tr.69-70. Gorbachev đã đến trong chiếc xe sang trọng của Bộ Chính trị. Khi còn là bí thư thứ nhất của Moskva, Yeltsin chỉ đi bằng phương tiện công cộng và điều này đã giúp ông thêm nổi tiếng về sau.
Boldin, sách cùng tên, tác giả nói rằng sau này ông đã thông báo với Raisa về chương trình chuyến viếng thăm của họ. Raisa đã không chú ý và nói cứ để mọi việc tự nhiên, bà đã tỏ ra rất tốt khi các quan khách tới nhà.
Gorbachev, Hồi ký, tr.201, viết Ligachev (sau này trở thành cánh tay phải của ông) và Zimyaning (nhà tư tưởng hàng đầu) đã lần đầu đề nghị bài diễn văn được phát trực tiếp trên vô tuyến và ông đã nghe theo lời khuyên của họ.
Một đoạn bí mật trong Nghị quyết Đảng — Chính quyền về việc điều chỉnh số lượng rượu mạnh hàng năm giảm xuống. Nó là nét đặc trưng của thời kỳ mà những nghị quyết kiểu như vậy được coi là tối mật.
Boldin, sách cùng tên, tr.110, đưa ra các bình luận sắc sảo của Yakovlev. Boldin cũng cho rằng

Gorbachev thay đổi cà vạt hàng ngày và cả áo sơ mi nữa. Một ví dụ khác trong tính cách cá nhân của ông là việc tẩy cái bớt trên trán trong các bức ảnh chụp chính thức. Chỉkhi Gorbachev trở nên nổi tiếng thì ông mới để lại mà thôi. Diễn viên hài kịch Anh Bob Monkhouse từng nói: "Gorbachev liệu có phải là một tên đế quốc?" "Tất nhiên rồi!" "Tại sao?" "Ông ta có cả một bản đồ trên trán".
Mức độ của nhiệm vụ này có thể cảm nhận được từ sự thật Ligachev thông báo với Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 ngắn gọn trước khi triển khai chiến dịch, rằng năm 1984, 199 nghìn đảng viên và 370 nghìn đoàn viên đã bị chính quyền khiển trách vì sử dụng rượu mạnh. Stephen White, Russia Goes Dry: Alcohol, State and Society (Nước Nga sẽ cạn kiệt: Rượu mạnh, Nhà nước và Xã hội), (NXB Đại học Cambridge, 1996), tr.67. Người quan tâm nhất đến chiến dịch chống rượu mạnh là Ligachev, một người kiêng rượu, và Mikhail Solomentsev, một người nghiện rượu có tư tưởng cải cách. Một trong những sản phẩm phụ của chiến dịch này là Gorbachevka, một chất men khiến người ta nói không ngừng đến perestroika!
Thất bại của cuộc cải cách trong việc cải thiện mức sống của nhân dân đã dẫn tới sự các cuộc xung đột trong giới lãnh đạo, vào tháng 10/1987 tại Ban Chấp hành Trung ương, Boris Yeltsin đã lên tiếng chỉ trích gay gắt Gorbachev về tiến trình cải cách và một số vấn đề khác. Hai bên đã không còn chung tư tưởng và phương thức thực hiện, Yeltsin đã bị thôi giữ chức bí thư thứnhất trong ủy ban đảng Moskva ngay tháng sau đó.
Voprosy ekonomiki, số7, 1987, đã cung cấp nhiều chi tiết về tiền lệ này. Alec Nove, trong cuốn An Economic History of the USSR 1917-1991 (Lịch sử kinh tế của Liên bang Nga 1917-1991), (London, NXB Penguin, 1992), tr.397. Các nguồn thu nhập có được từ buôn bán tiếp tục bị cấm. Luật đối với hoạt động cá thể, tháng 11/1986, đã hợp pháp hóa các hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, chính thức vào năm 1989, người có liên quan chỉ ở con số 300 nghìn. Bước đột phá đối với hoạt động hợp tác xã xuất hiện tháng 5/1988, với việc thông qua luật hợp tác xã. Các HTX có thể thuê lao động ngoài biên chế không hạn chế số lượng thông qua việc ký hợp đồng. Do vậy, họ đã phát triển nhanh chóng thành các công ty tư nhân. Luật về thuê mướn bất động sản, 1989, và luật đất đai, 1990, mở rộng các hoạt động kinh tế của khu vực phi Nhà nước.
Một ước tính về chi phí nhập khẩu thực phẩm, các thực phẩm khác và các hàng hóa tiêu dùng từ các nước phương Tây trong suốt những năm 1970 là 180 tỷ USD. E. hevardnadze, Moi vybor, Vzhashchitu demokratiii svobody (Moskva, Novosti, 1992), tr.107.
Brown, The Gorbachev Factor, tr.123, coi phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 1/1987 như bước khởi đầu quan trọng cho cải cách chính trị.
Gorbachev, Hồi ký, tr.230. Ông hiểu cần phải dũng cảm đương đầu với những khó khăn nhưng Bộ Chính trị lại quyết định tách việc cải cách giá cả và việc này sẽ hoãn lại cho tới khi có quyết định cuối cùng. Nó tương tự như việc châm một mớ bùi nhùi đang cháy leo lét âm ỉ.
Gorbachev, Hồi ký, tr.244, người chỉ ra khát vọng lớn lao của ông và ham muốn quyền lực không có gì là sai trái. Tr.245, Gorbachev cho rằng kết luận cuối cùng mà người nào đó rút ra là sự thật Yeltsin không phải là một nhà cải cách. Nếu Gorbachev tin điều này vào thời điểm đó, nó đã là một đánh giá sai lầm nghiêm trọng.
Matlock, Autopsy on an Empire(Xem xét về một đế chế), tr.115. Thuật ngữ"tôn sùng cá nhân" là thuật ngữ dựng cho cách lãnh đạo của Stalin.
Sách cùng tên, tr.115. Ngày tiếp theo, George Shultz, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã gặp Gorbachev nhưng ông dường như không chú ý. Shultz phàn nàn với Matlock rằng Gorbachev đã gợi lại cho ông hình ảnh một đấu sĩ không bao giờ biết bị đánh bại là gì, một con người tự tin và biết đánh giá. Lúc đó ông hành động như một người đang giương buồm đẩy con thuyền ra khơi.
Tại Đại hội Đảng lần thứ 27 (6/3/1986), người ta tự hào tuyên bố: vấn đề dân tộc, vấn đề còn sót lại từ quá khứ, đã được Liên bang Xô viết giải quyết trọn vẹn và thành công
Cuộc chiến tranh tại Afghanistan đã khiến Liên bang Xô viết phải gánh chịu chi phí 3-4 tỷ rúp hàng năm (tương đương với 4-6 tỷ đô la). N. I. Ryzhkov, Perestroika, Istoriya predatelstv (Moskva, Novosti, 1992), tr.232.
Casey biết CIA đang để rò rỉ thông tin mật nhưng không biết Aldrich Ames, một nhân viên CIA đầy kinh nghiệm đã tiếp cận với KGB. Ames cung cấp cho Moskva rất nhiều thông tin quý giá trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền, cho phép KGB làm nhiễu các nguồn tin của CIA vềLiên bang Xô viết và cũng đã phản công ngược lại với các cơ quan tình báo Mỹ. Kryuchkov có nhiều bằng chứng cho

Gorbachev thấy mạng lưới tình báo của người Mỹ. Người ta nghi ngờ Shevardnadze là người để lộ thông tin này.
Shultz đã thấy ở Shevardnadze sự nồng nhiệt, trung thành và thân thiện. Shultz đã tổ chức một chuyến du thuyền tới Potomac, tấu lên khúc nhạc của vùng Giorgia với tiêu đề“Giorgia trong tâm trí tôi” và sắp xếp cho dàn hợp xướng Nga hát những bài đơn ca truyền thống của vùng Giorgia cho đoàn của Shevardnadze thưởng thức. ỞMoskva, khi các cuộc hượng lượng căng thẳng và khó khăn đang diễn ra, Shultz cùng ba người Nga ở đại sứ quán Mỹ biểu diễn khúc nhạc “Giorgia trong tâm trí tôi”. Việc này làm dịu bầu không khí căng thẳng. Ekedahl và Goodman, Wars of Eduard Shevardnadze, tr.106-107.
Tháng 7/1987, Gorbachev phát biểu trước một đám đông: Chính sách công khai là một quá trình học tập lẫn nhau. Chúng ta không có truyền thống văn hóa thảo luận và luận chiến, ở đây con người tôn trọng ý kiến quan điểm của đối phương. Chúng ta là con người bằng xương bằng thịt, có tình cảm, có lý trí. Tôi không giả đò biết sự thật; chúng ta phải cùng nhau tìm hiểu sự thật. Doder và Branson, Gorbachev, tr.77.
Ý nói đến chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc tại Stalingrad, nay đổi là Volgagrad, năm 1942-1943.
Ước tính mức lương hàng năm của các nhà chức trách là 40 tỷ rúp (tương đương 60 triệu đô la), chiếm khoảng 10% ngân sách nhà nước, trước lúc lên tới đỉnh điểm được xem xét đánh giá. Alexander A. Danilov, The History of Russia: The Twentieth Century (Lịch sử nước Nga: Thế kỷ XX), (New York, NXB Heron, 1996), tr.327.
Tuy nhiên, ông cắt giảm bộ máy Ban Chấp hành Trung ương còn 3 nghìn người. Mục đích là giảm số này xuống một nửa.
Raisa bị chỉ trích tại các cuộc họp. Sau cuộc họp thượng đỉnh Reykjavik, một phát ngôn của Đảng được hỏi: “Có phải bà đã tự trả tiền vé không?” Các câu chuyện cười thời gian này nhằm vào Raisa và Mikhail Sergeevich. Các cuộc công kích vào Raisa đều nhằm vào Mikhail Sergeevich, người không thể công kích công khai trước năm 1989.
Matlock, Autopsy on an Empire, tr.264-265. Năm 1992, Starkov cảnh báo với đại sứ: “Nếu ông công nhận chính sách công khai của Gorbachev, ông sẽ xúc phạm tất cả chúng tôi — những người đấu tranh để có nó. Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn đứng sau chúng tôi chỉ đến 8/1991. Gorbachev không để chúng tôi thực hiện chủ trương công khai nhưng chúng tôi đã thực hiện nó.”
Một trong những sản phẩm của nỗ lực này là các giáo sư trường Đại học Pedagogical thuộc Đại học Quốc gia Moskva có viết lại lịch sử nước Nga từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn hiện đại. Một trong những thành quả của việc này là nó được Danilov dịch sang tiếng Anh, với tiêu đề The History of Russia (Lịch sử nước Nga). Đây là một cuốn sách hay chứa đựng nhiều tư liệu quý giá. Nó phản ánh một thực tế là các học giả đáng kính này đã viết chân thực về lịch sử thời Marxist trước năm 1988 và cũng chính họ viết về giai đoạn lịch sử phi Marxist sau năm 1988.
Alec Nove, An Economic History of the USSR 1917-1991 (Lịch sử kinh tế của Liên bang Xô viết 1917-1991), (London, NXB Penguin, 1992), tr.404. Tháng 3/1989, Boris Gostev, Bộ trưởng Tài chính, tuyên bố chính phủ cần vay 63,8 tỷ rúp. Sự thâm hụt 100 triệu rúp năm 1989 tương đương với 11,7% tổng sản phẩm quốc nội (Izvestiya, ngày 30/3/1989).
Gorbachev, Hồi ký, thừa nhận Moskva đã mất quyền kiểm soát ở hai nước cộng hòa này.
Hiến pháp Estonia được sửa đổi và công nhận quyền tư hữu. Đất đai, không khí, khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên và các phương tiện sản xuất cơ bản đều được công nhận là tài sản của Estonia. Đây là quyền của người Xô viết trong Hiến pháp Liên bang Xô viết (1977).
Gamsakhurdia bị lật đổ năm 1992 và Eduard Shevardnadze lên nắm quyền với sự giúp đỡ của người Nga.
Boris Yeltsin, The Struggle for Russia (Cuộc đấu tranh vì nước Nga), New York, NXB Random, 1994), tr.39. Khi Yeltsin cho rằng căn phòng có thể bị nghe trộm, những người khác đã phá lên cười.
Gorbachev, Hồi ký, tr.642. Chỉ có ba Bí thư Ban Chấp hành Trung ương là Galina Semenova, Andrei Girenko và Egor Stroev ủng hộ Gorbachev. Đa số trong Ban Bí thư và các cơ quan Đảng ở địa phương đều muốn phế bỏ vị Tổng Bí thư.
Vadim Bakatin, Izbavlenie ot KGB (Moskva, Novosti, 1992), tác giả phát hiện có 250 nghìn nhân viên KGB và người làm việc cho tổ chức
Tháng 7/1990, ở Jurmala, Nga đồng ý dự thảo các hiệp ước với mỗi nước cộng hòa thuộc vùng Baltic,

công nhận chủ quyền. Hiệp ước với Latvia và Estonia được ký vào tháng 1/1991. Hiệp ước với Lithuania bị hoãn vì các sự kiện tháng 2 và được ký ở Moskva ngày 29/7/1991, được Hội đồng Tối cao Lithuania phê chuẩn ngày 19/8/1991.
Matlock, Autopsy on an Empire, tr.802. Sự trì hoãn của Gorbachev về các hoạt động của Đảng vào ngày 24/8 không được thực hiện bằng một lệnh cấm hợp pháp. Ông đã phản đối việc cấm đoán Đảng nhưng không vui vì việc cấm đoán các cơ quan Đảng.
Matlock, sách cùng tên, tr.622. Vị đại sứ cũ cho biết người Mỹ đã vạch ra kế hoạch đặt các thiết bị nghe trộm ở đâu.
Hãn (khan) là nhà cầm quyền của đế chế Mông Cổ, thống trị nước Nga giai đoạn 1240-1480. Sa hoàng Boris, tức Boris Godunov, người được tôn làm Sa hoàng năm 1598, không thuộc dòng dõi quý tộc và thất bại trong việc giải quyết nạn đói và bệnh truyền nhiễm năm 1601-1603. Sau đó, nước Nga rơi vào nội chiến và phải chịu sự can thiệp của nước ngoài, đây được coi là thời kỳ hỗn độn. Việc này chấm dứt với sự nắm quyền của triều đình Romanov vào năm 1613. Do vậy, trong tư tưởng người Nga, Sa hoàng Boris được gắn với chế độ quân chủ và sự hỗn loạn.
Một tuần sau, năm mới được tổ chức và phát trên truyền hình với buổi lễ kéo dài khoảng ba tiếng tại một nhà thờ lớn ở Leningrad.
Tức tên riêng của Brazauskas (BT).
Pravada, ngày 26/12/1989. Ông chấp nhận logic của một Đảng Liên bang trong một quốc gia liên bang vào năm 1991, nhưng sau đó đã quá muộn. Trong bài diễn văn của mình, Gorbachev đã lấy cớ viện các mối quan hệ của Lithunia với đại sứ quán Mỹ ở Moskva, kết tội họ có âm mưu "quốc tế hóa" vấn đề. Đây là một sự chỉ trích kỳ quặc. Đại sứ Mỹ đã gặp gỡ thường xuyên các nhóm đến từ ba nước cộng hòa Baltic. Matlock. Autopsy on an Empire.
Trong một cuộc phỏng vấn với cựu đại sứ Mỹ ngày 14/3/1992, Ryzhkov phát biểu ông đã không giữ lòng trung thành với Gorbachev nữa, một điều mà sau này ông cảm thấy hối tiếc, đồng thời bày tỏ ông có thể thắng cử nếu ông có lập trường kiên định. Matlock, sách đã dẫn.
Gorbachev, Hồi ký, tr.346. Một lý do chính để ước tính sự ủng hộ chính trị dành cho Yeltsin là cuộc cạnh tranh cá nhân gay gắt giữa hai chính trị gia.
Lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ, không một đoàn đại biểu nước ngoài nào được mời. Không có gì ở Đại hội về phong trào cộng sản thế giới và các bộ máy Đảng mới đã bỏ qua tuyên bố rằng Liên bang Xô viết là một phần của phong trào này.
Gorbachev, Hồi ký, tr.369. Đây là một ví dụ khác về khả năng đánh giá tình hình của Gorbachev.
Đầu năm 1990, Abalkin — chủ tịch ủy ban nhà nước về cải cách kinh tế và Maslyukov — chủ tịch Đoàn Thanh niên Cộng sản, đã soạn thảo một bản ghi nhớ về việc giải quyết khủng hoảng kinh tế. Ngày 17/2/1990, họ trình lên Ryzhkov hai hướng giải quyết: chuyển đổi hệ thống hành chính mệnh lệnh hay tăng cường chuyển đổi sang một nền kinh tế thị trường có kế hoạch. L. Abalkin, Neispolzovanny shans (Moskva, NXB Politizdat, 1991), tr.123.
Manfred Wilke, "Hard facts" (Sự thật khó chịu), German Comments (Bình luận của người Đức), số 42, 4/1996, tr24-25. Tình hình nghiêm trọng là Bộ Chính trị đã không thông báo cho các thành viên của Ủy ban Trung ương SED về bản báo cáo này. Các cuộc thương lượng với Tây Đức bắt đầu yêu cầu những người Tây Đức tài trợ 3 tỷ Đê-mác hàng năm.
Tác giả đã tham gia một cuộc hội thảo ở Reichstag về "40 năm nước Đức chia rẽ" khi Bức tường sụp đổ, bật tín hiệu cho việc bắt đầu chấm dứt sự chia rẽ nước Đức. Thời gian này, Gorbachev là một trong những vị anh hùng. Những người tham gia nhận thấy ngày đáng ghi nhớ này là một trong những kết quả về đường lối chính trị mới của ông.
Senn, Gorbachev's Failure (Sự thất bại của Gorbachev), tr.130. Gorbachev đã ký một nghị định và nghị định này được gửi tới Vilnius dưới dạng một bức điện tín.
Tư lệnh không quân Xô viết là Tướng Dzhokhar Dudaev, sau này là Tổng thống Chechnya. Ông này không cho phép có thêm quân Xô viết đổ bộ vào Estonia, do vậy không có bạo động ở Tallinn.
Gorbachev, Hồi ký, tr.579. Gorbachev nói thêm rằng lúc đó ông vẫn rất tin Yazov. Chernyaev gọi các bài diễn văn của Pugo và Yazov tại phiên họp của Xô viết tối cao là "đần độn, hỗn láo và đầy giả dối". Tschernajew, Die letzten Jahre einer Weltmacht, tr.344.
Một số người Nga thân Xô viết quá thất vọng trước sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc ở Lithuania bắt đầu rời khỏi Lithuania. Năm 1990, dòng người khoảng 6.221 người rời đi nhưng năm 1991, con số này

giảm xuống 5.504. Năm 1992, con số này là khoảng 13.672 người.
Lính mũ nồi đen thuộc Bộ Nội vụ. OMON đại diện cho đơn vị bán quân sự, có nhiệm vụ đặc biệt.
Matlock, Autopsy on an Empire, tr.795. Sau này, ông thông báo với đại sứ Mỹ rằng lúc đó ông không có lòng tin tôn giáo. Song, ông dần dần tin vào Chúa và giá trị của những lơi cầu nguyện sau khi ông có cuộc sống an nhàn sau cuộc đảo chính tháng 8/1991.
Tschernajew, Die letzten Jahre einer Weltmacht, tr. 373. Kohl nói với Gorbachev rằng nếu ông tham gia cuộc gặp London với tư cách quan sát viên, ông sẽ trở thành thành viên chính thức trong cuộc gặp năm 1992 tại Munich.
Matlock, Autopsy on an Empire, tr.538. Niềm tin của bà Thatcher vào Mikhail Gorbachev bị lung lay sau khi hai bên rời khỏi văn phòng. Năm 1992, Vladimir Bukovsky chỉ cho Thatcher bản sao một tài liệu có chữ ký của Gorbachev, cam kết chi 1 triệu đôla cho Hiệp hội Công nhân mỏ do Arthur Scargill lãnh đạo, trong khi thợ mỏ đang tiếp tục đình công chống lại chính phủ của bà. Gorbachev đã thú nhận với bà không hề có bất cứ một quỹ nào của Xô viết tài trợ cho công nhân mỏ Anh chống lại bà. Không chắc chắn quỹ này có số tiền đó hay không.
Một số tác giả băn khoăn liệu Gorbachev có đóng góp một phần trong nỗ lực khôi phục luật và trật tự bằng cách tách riêng văn phòng tổng thống với nội các của mình. Nội các của ông, được trao một số đặc quyền, sẽ đưa ra một vài cách thức mạnh mẽ để cứu lấy nhà nước Xô viết. Michael Urban, Vyacheslav Igrunov và Sergei Mitrokhin, The Rebirth of Politics in Russia (Sự tái sinh các nền chính trị ở nước Nga), (Cambridge, NXB ĐH Cambridge, 1997), tr.247; Yu. Burtin, Demokraticheskaya Rossiya (Nước Nga dân chủ hóa), 3/11/1991.
1. Elizabeth I (1533-1603): là Nữ hoàng Anh và Nữ hoàng Ireland từ 1558 cho đến khi băng hà. Bà trở nên bất tử với tên Faerie Queen trong thiên sử thi cùng tên của Edmund Spenser.
2. Hồng Y Richelieu (1585-1642): không là vua, mà là thủ tướng trong thời kỳ làm vua của người con trai bất tài của vua Henri IV là vua Louis 13. Từ năm 1624-1642, Hồng y Richelieu đã cai trị nước Pháp theo ý mình và muốn củng cố vương quyền trung ương và bành trướng các ảnh hưởng của nước Pháp qua khắp châu Âu.
3. David Lloyd George (1916-1922): là Thủ tướng Anh nhiệm kỳ 1916-1922.
4. Henri VIII (1491-1547): là một trong số những ông vua lớn nhất trong Lịch sử nước Anh.
5. Abraham Lincoln (1809-1865), (còn được biết đến với tên Abe Lincoln, tên hiệu Honest Abe, Rail Splitter, Người giải phóng vĩ đại): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 16, người đã dẫn dắt nước Mỹ qua cuộc khủng hoảng lớn nhất, cuộc Nội chiến Hoa Kỳ và chấm dứt chế độ nô lệ tại quốc gia này.
6. Lord George Gordon Noel Byron (1788-1824): là nhà thơ lãng mạn Anh, một trong những nhà thơ lớn của thế giới thế kỷ XIX.
7. Josephine de Beauharnais (1763-1814): là hoàng hậu nước Pháp, vợ đầu tiên của Napoleon.
8. Marie Walewska: người tình xứ Ba Lan, rất được Napoleon yêu chuộng.
9. Joe McCarthy: là thượng nghị sỹ Mỹ, đã từng phát động chiến dịch "săn lùng phù thủy" nhằm chống đảng cộng sản hồi những năm 1950.
10. Joseph P. Kennedy (1888-1969): rời bỏ làng New Ross ở hạt Wexford, Ireland đến Mỹ lập nghiệp. Ông trở thành một tay làm thùng phuy chứa dầu hỏa chuyên nghiệp và lập một cơ sở thương mại vững chắc. Ông kết hôn và có ba người con gái, một con trai − một Patrick mới. Patrick cha nằm xuống. Patrick con lớn lên kết hôn với May Hiker và hạ sinh một trai cũng đặt tên Patrick. Đứa con trở thành Joseph Patrick Kennedy và tạo nên một đại gia đình Hoa Kỳ danh tiếng sau này...
11. Harry S. Truman (1884-1972): là Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1945-1953.
12. Herbert Clark Hoover (1874-1964): tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933), là một kỹ sư mỏ nổi tiếng thế giới và là một nhà cầm quyền theo chủ nghĩa nhân đạo.
13. Dwight David "Ike" Eisenhower (1890-1969): là Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-1961). Trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai, ông là Tổng tư lệnh quân Đồng minh ở châu Âu với quân hàm Thống tướng, và năm 1949 ông trở thành Tổng tư lệnh đầu tiên của NATO.
14. Là hệ thống lý luận kinh tế vĩ mô lấy tác phẩm Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ của nhà kinh tế học người Anh John Maynard Keynes (1883-1948) làm trung tâm và lấy nguyên lý cầu hữu hiệu làm nền tảng.
15. Kho dự trữ vàng quốc gia của Mỹ.
16. Adlai Stevenson: đảng viên Đảng Cộng hòa, từng thất bại trong cuộc chạy đua giành ghế tổng

thống năm 1952 và 1956.
17. Nelson Aldrich Rockefeller (1908-1979): là cháu nội của nhà tỷ phú đầu tiên, John D. Rockefeller. Ông làm thống đốc tiểu bang New York gần bốn nhiệm kỳ (10 năm) rồi ra tranh cử ứng viên tổng thống sơ tuyển trong Đảng Cộng Hòa. Năm 1974 ông là Phó Tổng thống dưới thời Tổng Thống Gerald Ford.
18. James Earl "Jimmy" Carter, Jr (sinh năm 1924) là chính khách và là Tổng thống thứ 39 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1977-1981, đồng thời là quán quân Giải Nobel Hòa bình năm 2002.
19. Chủ nghĩa này quan niệm các công dân sinh ra ở địa phương trội hơn những người nhập cư.
20. Carey Estes Kefauver (1903-1963): là đảng viên Đảng Dân chủ, được chọn làm ứng viên Phó Tổng thống trong cuộc bầu cử năm 1956.
21. Hành trình danh dự.
22. Martin Van Buren (1782-1862): là Tổng thống thứ 8 Hoa Kỳ (1837-1841), đảng viên Đảng Dân chủ.
23. James Buchanan (1791-1868): là Tổng thống thứ 15 của Hoa Kỳ (1857-1861).
24. Ulysses Simpson Grant, tên khai sinh Hiram Ulysses Grant (1822-1885): là tướng của quân đội Liên bang miền Bắc trong Nội chiến Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 18 (1869-1877).
25. James Knox Polk (1795-1849): là Tổng thống thứ 11 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1845-1849.
26. Stephen Grover Cleveland (1837-1908): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 22 và 24, và là tổng thống duy nhất phục vụ hai nhiệm kỳ không liên tục nhau 1885- 1889 và 1893-1897.
27. Vào cuối thế kỷ XVIII, Đảng Whig đại diện cho quyền lợi của những người theo đuổi tư tưởng cải cách về bầu cử, nghị viện và công tác từ thiện ở Anh. Từ giữa thế kỷ XIX, Đảng Tự do (Liberal Party) nổi lên với tư cách là đảng kế tục Đảng Whig.
28. Arthur Neville Chamberlain (1869-1940), nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao Anh. Từ 1918, là Hạ nghị sĩ; từ 1924-1929, nhiều lần tham gia chính phủ, giữ chức Bộ trưởng. Những năm 1937-1940 là Thủ tướng và thủ lĩnh Đảng Bảo thủ.
29. John Kenneth Galbraith: giáo sư kinh tế của trường Harvard, trước đây từng là Đại sứ tại Ấn Độ, được nhận huy chương của Tổng thống Hoa Kỳ.
30. Felix Frankfurter: nguyên Thẩm phán Tòa án Tối cao Hoa Kỳ.
31. John Quincy Adams (1767-1845): là tổng thống Hoa Kỳ thứ 6 (1826-1829), là con trai đầu và là con thứ hai của vị tổng thống Hoa Kỳ thứ 2, John Adams (nhiệm kỳ 1797-1801) và Abigail Adams. tiêu chuẩn mà với tư cách một chính khách, Jack luôn cố gắng noi theo để hình thành phương pháp quản lý (Sự gắn bó về mặt tình cảm với đất nước Ailen xưa kia chưa bao giờ làm giảm thái độ này). Jack nhanh chóng hoàn thành bước quá độ sang tuổi trưởng thành dưới áp lực của những ngày Hitler đẩy cả châu Âu và thế giới vào cuộc chiến tranh.
32. Tức là Đại Tây Dương, Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
33. Douglas MacArthur (1880-1964): là Tham mưu trưởng Quân đội Hoa Kỳ trong suốt thập niên 1930 và sau đó đóng vai trò quan trọng trên mặt trận Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Trái lại điều này càng tăng thêm sự tự tin vốn có của ông.
34. Bobby Kennedy, còn được gọi tên tắt là RFK: là một trong hai người em trai của tổng thống Hoa Kỳ John F. Kenneydy, với chức vụ tổng trưởng ngành luật pháp Hoa Kỳ từ 1961-1964. Ông là một trong những người cố vấn mà tổng thống Kennedy tin cậy nhất, và làm việc kề cận với tổng thống trong thời kỳ khủng hoảng vũ khí hỏa tiễn của Cuba.
35. Henry Cabot Lodge, Jr. (1902-1985): là một Thượng nghị sỹ Mỹ của bang Massachusetts, một Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa, và là một ứng cử viên Phó Tổng thống Hoa Kỳ. năm 1956 không hề khôn ngoan. Nhưng Jack Kennedy phớt lờ tất cả những sự đắn đo đó. Ông không chắc mình còn sống được bao lâu nên đối với ông, liều lĩnh là điều duy nhất có ý nghĩa.
36. Lý thuyết gia chính trị xuất sắc, tác giả cuốn Quân Vương đã được Alpha Books xuất bản.
37. Đạo luật về các quan hệ quản lý lao động của Mỹ được Quốc hội thông qua năm 1947, bất chấp sự phủ quyết của Tổng thống Truman.
38. Hội nghị Postdam: từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 năm 1945, tại cung điện Cecilienhof - Postdam, của các nhà lãnh đạo của phe Đồng minh là Harry S. Truman, Winston Churchill, Clement Attlee và Stalin để quyết định tương lai của nước Đức và châu Âu thời hậu chiến.
39. Robert Alphonso Taft II (sinh năm 1942): là thống đốc của tiểu bang Ohio thuộc Đảng Cộng hòa

từ năm 1999 đến tháng 1/2007.
40. Henry Clay (1777-1852): là nhà hùng biện Mỹ thế kỷ XIX, người đại diện cho cả Nhà Trắng lẫn Thượng nghị viện.
41. Edmund Gibson Ross (1826-1907): là một chính khách biểu trưng cho bang Kansas sau Nội nước chiến Mỹ và sau trở thành thống đốc của New Mexico.
42. Liên Xô đã bắn hạ máy bay do thám U2 bay vào lãnh thổ của mình và tận dụng triệt để cơ hội vô giá này cho việc tuyên truyền.
43. Lúc đó, Martin Luther đang biểu tình ngồi ở một nhà hàng phân biệt chủng tộc.
44. George Catlett Marshall, Jr. (1880-1959): là một nhà lãnh đạo quân đội Hoa Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng. Marshall là tổng tham mưu trưởng của quân đội và là một cố vấn quân sự cấp cao cho Tổng thống Franklin D. Roosevelt.
45. Dean Acheson (1893-1971): Cựu ngoại trưởng Mỹ.
46. Henry Alfred Kissinger (tên khai sinh: Heinz Alfred Kissinger sinh năm 1923) là một nhà ngoại giao người Mỹ-Đức gốc Do Thái, giành giải Nobel Hòa bình năm 1973.
47. Otto Eduard Leopold von Bismarck là thủ tướng nước Đức và Vương quốc Phổ thế kỷ XIX, được nhiều người gọi là "Thủ tướng thép" do đường lối quân chủ bảo thủ cũng như chính sách chính trị thực dụng.
48. Tháng 9 năm 1938, Hiệp ước Munich được ký kết giữa Anh, Đức, Pháp và Ý. Qua đó Anh Pháp đã chấp nhận để Đức đưa quân vào đồng minh của mình là Tiệp Khắc nhằm tránh chiến tranh với Đức.
49. Mùa xuân năm 1961, Liên Xô phóng tàu Sputnik và nhà du hành vũ trụ Gagarin trở thành người đầu tiên du hành trong không gian.
50. Walter Ulbricht là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước của Đông Đức.
51. Năm 1960, nước Pháp trở thành quốc gia thứ tư có kho vũ khí nguyên tử. Tổng Thống de Gaulle đã tuyên bố nước Pháp là một lực lượng nguyên tử độc lập thứ ba, sau Hoa Kỳ và Liên Xô. Ông cũng muốn phát triển nguyên tử thành một lực lượng đánh trả (force de frappe).
52. Từ của Harry Truman.
53. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vào tháng 7 năm 1944, tại hội nghị ở Bretton Wood, 44 nước tham dự (có cả Liên Xô cũ) đã thống nhất thông qua hệ thống tiền tệ Bretton Wood dùng đồng đô-la Mỹ làm tiêu chuẩn tiền tệ của thế giới.
54. Một trong những người chủ trương nổi tiếng nhất của Thuyết hội tụ – thuyết xã hội học tư sản, cho rằng chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đang phát triển theo những con đường ngày càng xích lại gần nhau và cuối cùng sẽ hòa nhập vào nhau, hình thành nên một xã hội mới, trong đó kết hợp những tính chất tích cực của chế độ tư bản và của chế độ xã hội chủ nghĩa.
55. Ủy ban chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, xã hội và phúc lợi khác của Quốc hội
56. Kế hoạch xâm lược Cuba do Cục Hành động (hay còn gọi là Cục Mật vụ) của CIA vạch ra. Cục trưởng Cục Hành động của CIA lúc đó chính là Richard Bissell. Thất bại của vụ Vịnh Con Lợn mà Bissell là tác giả chính đã hủy hoại thanh danh của ông ta.
57. Mongoose là tên được mã hóa của kế hoạch bí mật nhằm lật đổ Castro.
58. Tổng thống, nhân vật tai tiếng, nhà độc tài quá khích của nước Cộng hòa Dominique từ năm 1930-1939 và từ 1942-1961. Bị một toán vũ trang lạ mặt ở khu ngoại ô Lachaise ám sát vào chiều tối ngày 30 tháng 5 năm 1961.
59. Richard Helms được đề cử làm Phó Giám đốc CIA vào tháng 4 năm 1965 và lên nắm quyền lãnh đạo CIA từ tháng 6 năm 1966 đến đầu năm 1973. Helms được coi là vị tổng giám đốc tài ba nhất.
60. Học thuyết là cơ sở của chủ nghĩa toàn Mỹ, tuyên bố ảnh hưởng của Hoa Kỳ tới các nước thuộc khu vực Trung Nam Mỹ.
61. Từ lóng mà người Cuba dùng để chỉ người Mỹ.
62. Coretta Scott King: vợ của mục sư da đen Martin Luther King, người từ nhiều năm qua đã tiếp nối sự nghiệp đấu tranh của chồng cho quyền tự do và bình đẳng của con người.
63. Mahatma Gandhi (1869-1948), còn gọi là ông thánh Cam Địa: người chủ trương chống đối không bạo động.
64. Đảng 3 K, đảng cực đoan phân biệt chủng tộc.
65. Thước Anh, bằng 0,914 mét.
66. Một cách gọi khác của Đại học Mississippi.

67. Thành viên tích cực của Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu, bị một kẻ lạ mặt bắn chết vào ngày 12 tháng 6 năm 1963 ngay trước cửa nhà riêng tại thành phố Jackson, bang Mississippi.
68. Mục sư, một thần tượng của phong trào chống phân biệt chủng tộc ở Birmingham, người cùng hoạt động rất tích cực với Martin Luther King.
69. Nhà sử học nổi tiếng, tác giả nhiều cuốn sách về cuộc đời của Martin Luther King.
70. Chủ tịch NAACP (Hiệp hội các quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu)
71. Trung tá bộ binh làm cố vấn sư đoàn 7BB tại vùng IV chiến thuật (miền Nam Việt Nam) từ năm 1962-1963.
72. Được hiểu là mối nguy về chủ nghĩa cộng sản.
1. Chiến tranh Bảy năm (1756-1763): Cuộc chiến xảy ra giữa hai thế lực gồm có Vương quốc Anh, Vương quốc Phổ và Hannover ở một phía và Pháp, Áo, Nga, Thụy Điển và Saxony ở phía kia. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sau này cũng bị cuốn vào chiến tranh, trong khi một lực lượng của nước trung lập Hà Lan bị tấn công tại Ấn Độ. Tại Bắc Mỹ, cuộc chiến được gọi là Chiến tranh Pháp và người Da đỏ.
2 Frederick North: Thủ tướng Anh giai đoạn 1770 1782.
3 Đảng Whig: Nay là Đảng Dân chủ Tự do, vẫn duy trì vị thế chính trị quan trọng cho đến thế kỷ XX. Đảng Whig ủng hộ việc khai trừ Công tước xứ York theo đức tin Công giáo khỏi quyền kế thừa ngai vàng của xứ Anh, Ireland và Scotland. Tên gọi được dùng để biểu thị sự khinh miệt: “whiggamor” là “đồ chăn bò” (cattle driver). Đảng này gần gũi với giới nghiệp đoàn, tài chính và chủ đất.
4 Nguyên văn: Glorious Revolution, một cuộc cách mạng không đổ máu nhằm lật đổ Vua James II, do Vua William III (1652-1702) lãnh đạo.
5 Hiệp hội thuộc Hội đồng địa phương, thường tổ chức các cuộc họp thường niên bàn về luật.
6 Chiến tranh Hoa Kỳ: Từ năm 1763, Anh trở thành đế chế thực dân lớn, kiểm soát rất nhiều thuộc địa. Cần chi phí cho cuộc Chiến tranh Pháp – người Da đỏ (1756-1763), chính phủ Anh và Vua George III đã áp đặt thuế cao ở 13 thuộc địa Bắc Mỹ, dẫn tới Cách mạng Hoa Kỳ (1775-1783) – cuộc cách mạng giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
7 Công ty Đông Ấn là tên gọi chung một số công ty của châu Âu được phép độc quyền buôn bán với châu Á, đặc biệt là với Ấn Độ.
1. Cách mạng Pháp: Diễn ra từ 1789-1799, lực lượng dân chủ và cộng hòa đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và cả Giáo hội Công giáo Roma tại Pháp cũng phải trải qua nhiều thay đổi. Cuộc cách mạng này đã xóa bỏ chế độ phong kiến trong xã hội Pháp và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, nhất là đối với các quốc gia theo chế độ phong kiến lúc bấy giờ.
2. Trung tâm hành chính của thành phố Canterbury, Tổng Giám mục của toàn Anh, nơi đứng đầu Giáo hội Anh và các nhóm đạo Anglican trên toàn thế giới.
3. Khủng hoảng Nootka là cuộc tranh chấp chính trị giữa Anh và Tây Ban Nha, do những sự kiện diễn ra trong mùa hè năm 1789 tại Eo biển Nootka, đảo Vancover, tỉnh Canada khi đó thuộc Anh.
4. Ngày 1/6 Huy hoàng, còn được gọi là Trận chiến Ushant thứ Ba, là trận đánh hạm đội lớn nhất và là cuộc xung đột đầu tiên giữa Anh và Pháp trong giai đoạn Cách mạng Pháp.
5. Hội Tam điểm: Chính thức được mục sư Anderson thành lập ở Anh quốc năm 1717, ban đầu chỉ gồm những người thợ, những người trong cùng một ngành nghề, nhưng sau mở rộng và có đủ các thành phần xã hội tham gia: từ tiểu thương, học giả, giới bình dân, trí thức đến quý tộc và các quan chức nắm giữ những địa vị cao trong xã hội. Vì vậy, tư tưởng và đường lối rất phức tạp, nhiều biến tướng.
1. Prime Minister tức là Bộ trưởng thứ nhất và thường được gọi là Thủ tướng.
2. Một chức vụ cao trong chính phủ Anh giai đoạn từ giữa thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX, là người chịu trách nhiệm về nguồn tài chính của Hải quân Hoàng gia Anh. Chức vụ này bị bãi bỏ năm 1836.
1. Các cuộc chiến tranh của Napoleon là một loạt các cuộc chiến xảy ra tại châu Âu, dưới thời hoàng đế Napoleon Bonaparte cai trị nước Pháp. Các cuộc chiến này tiếp nối các cuộc chiến do cuộc Cách mạng Pháp phát sinh, kéo dài suốt thời Đệ nhất Đế chế ở Pháp (một chế độ chính trị do Napoleon lập ra).
1. Isle of Dogs (Đảo Chó): Tên gọi này chính thức được dùng vào năm 1588, nguyên là một hòn đảo ở khu Đông London
1. Toma Paine (29/1/1737-8/6/1809): Sinh ở Anh, nhập cư Mỹ trong thời gian nổ ra Cách mạng Hoa

Kỳ, là nhà triết học, nhà cách mạng, người theo trường phái chủ nghĩa tự do cổ điển, một nhân vật nổi bật trong Phong trào Khai sáng. Ông ủng hộ sự độc lập của các thuộc địa Mỹ khỏi Đế quốc Anh và là người có ảnh hưởng lớn đến Cách mạng Pháp.
2. Nghệ thuật biếm họa: Một phát kiến của châu Âu có từ thời cổ đại, là thể loại thích hợp nhất cho việc thể hiện các diễn biến văn hóa và chính trị trong một hình thức cô đọng.
3. Sự phân liệt lần thứ hai của đạo Kitô vào đầu thế kỷ XVI dẫn đến sự ra đời của đạo Tin Lành. Cuộc cải cách này gắn liền với tên tuổi hai đại biểu là Martin Luther (1483-1546) và Jean Calvin (1509 1546). Thế kỷ XVI là thế kỷ mở đầu cho các cuộc cách mạng tư sản châu Âu. Martin Luther chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do tư sản, phản kháng lại những quy định khắc nghiệt của của Công giáo. Những tư tưởng cải cách đó đã dẫn tới xung đột gay gắt quyết liệt với Tòa thánh Vatican và sự ra đời của đạo Tin Lành.
4. Thuế thập phân: một loại thuế do Giáo hội Thiên Chúa ở Tây Âu thời trung đại đặt và thu của các tín đồ bằng một phần mười sản phẩm hàng năm của trang trại để ủng hộ giáo sĩ và nhà thờ.
5. Royal Exchange ở London: Được Thomas Gresham thành lập năm 1565, hoạt động như một trung tâm giao dịch của thành phố; đến năm 1576, được Elizabeth I chính thức đặt tên này.
6. Gọi tắt là Lloyd's, một bộ phận của Royal Exchange ở London, là khu vực riêng của những người ký nhận trách nhiệm thanh toán các hợp đồng bảo hiểm (nhất là về tàu thủy) và những người môi giới hợp đồng bảo hiểm.
7. Có nguồn gốc từ Đức, mở đầu bởi George Louis – cử tri của Hanover, người lên ngôi vua Vương quốc Anh với tước vị George I năm 1714. Triều đại này được tiếp tục với George II, George III, George IV và kết thúc vào năm 1901, khi William IV qua đời.
1. Nguyên văn: United Provinces, là tên gọi khác của Cộng hòa Hà Lan (1581-1795), nay là Hà Lan.
2. Còn gọi là Hội nghị Quốc gia Pháp (French National Convention), họp từ ngày 20/9/1792 đến ngày 26/10/1795.
Cuốn sách đã được Thái Hà Books xuất bản.
HÌNH 12-5 Cookie thứ nhất được đọc bởi vòng lặp.
HÌNH 6-3 Chạy ví dụ với hàm `isNaN()` trong câu điều kiện ghép.
Hình 10-8 Tạo mới và thêm các phần tử bằng vòng lặp `for` và DOM.
1. Key West: Một thành phố nằm ở cực Nam của Hoa Kỳ, còn có tên Mile O, tức là điểm bắt đầu của dặm Anh, tính theo chiều dọc của nước Mỹ.
1. Nhà Ronald McDonald (Ronald McDonald House): Chương trình từ thiện của thương hiệu thức ăn nhanh McDonald's, xây dựng những ngôi nhà gần các bệnh viện để cho trẻ em bị bệnh hiểm nghèo và thân nhân các em ở trong thời gian điều trị tại bệnh viện. Ngôi nhà Ronald McDonald đầu tiên được mở ở Philadelphia năm 1974 và hiện nay trên thế giới đã có khoảng 200 ngôi nhà như thế.
1. Stevie Wonder (tên thật Stevland Hardaway Judkins, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1950, sau đổi tên thành Stevland Hardaway Morris): Ca sĩ, nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc và nghệ sĩ chơi đa nhạc cụ người Mỹ. Ông là nghệ sĩ tiêu biểu cho âm nhạc đại chúng Hoa Kỳ nửa sau thế kỷ XX với 22 giải Grammy (nhiều nhất cho một nghệ sĩ solo). Bị mù từ nhỏ, Wonder ký hợp đồng trở thành ca sĩ chuyên nghiệp từ khi mới 11 tuổi.
1. Lourdes: Một thành phố nhỏ thuộc miền Nam nước Pháp, gần biên giới Pháp - Tây Ban Nha.
1. Puerto Vallarta: Một thành phố nổi tiếng về du lịch của Mexico, trải dài theo vịnh Banderas bên bờ Thái Bình Dương. này sang ngày khác.
Quốc gia khởi nghiệp – Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel (tác giả: Saul Singer và Dan Senor) giới thiệu bức tranh toàn cảnh về những gì dân tộc Do Thái đã làm để nuôi dưỡng và vun đắp cho các doanh nhân khởi nghiệp, thông qua việc thu hút dòng tiền từ các nhà đầu tư mạo hiểm của phương Tây. Bản tiếng Việt đã được Công ty Cổ phần Sách Alpha (AlphaBooks) xuất bản và tái bản nhiều lần.
IPL là một dự án giáo dục phi chính phủ, phi lợi nhuận và phi tôn giáo do các doanh nhân, trí thức tâm huyết và Trường Doanh Nhân PACE phối hợp sáng lập, triển khai thực hiện từ năm 2007.
Jack Ma (Mã Vân, sinh ngày 10/9/1964) là tỷ phú, doanh nhân thương mại điện tử người Trung Quốc. Ông là nhà sáng lập và là Chủ tịch điều hành Tập đoàn Alibaba. Ông cũng là doanh nhân Trung Quốc đại lục đầu tiên xuất hiện trên trang bìa của Forbes.
1. Diệp U Đàm: phiên âm tiếng Trung là Ye You Tan.

2. Đại phong cầm: loại đàn organ lớn với hệ thống nhiều ống sáo khổng lồ liên kết với đàn, thường chỉ sử dụng trong nhà thờ.
3. Mượn ý thơ của Lý Bạch. Ý muốn miêu tả lúc này là thời điểm đẹp nhất, hưng vượng nhất của mùa xuân, nhưng thời khắc tươi đẹp này cũng ngắn ngủi như hoa khói, nó chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian rất ngắn.
4. Chữ 色 (sắc): trên chữ này chính là chữ “đao”刀, nghĩa là con dao.
(*) SUV: Kiểu xe thể thao đa chức năng, được thiết kế để có thể vượt qua những địa hình xấu.
(1) Trường phái ấn tượng: Một trào lưu nghệ thuật bắt đầu tại Paris vào cuối thế kỷ 19, đánh dấu một bước tiến quan trọng của hội họa. Cái tên 'ấn tượng' do các nhà phê bình gọi theo một bức tranh nổi tiếng của Claude Monet: Impression soleil levant (Ấn tượng mặt trời mọc).
(2) Hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System - GPS): Là hệ thống xác định vị trí dựa trên vị trí của các vệ tinh nhân tạo. Trong cùng một thời điểm, ở một vị trí trên mặt đất nếu xác định được khoảng cách đến ba vệ tinh (tối thiểu) thì sẽ tính được tọa độ của vị trí đó. Hệ thống định vị toàn cầu của Mỹ là hệ dẫn đường dựa trên một mạng lưới 24 vệ tinh được Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đặt trên quỹ đạo không gian.
(4) DJ: Viết tắt của Disc Jockey, có nghĩa là người chỉnh nhạc trên đài phát thanh, trong vũ trường hay quán bar. Với các thiết bị và kỹ năng phối trộn biến hóa, DJ ráp nhịp một cách tài tình các loại nhạc tạo thành mạch giai điệu đặc biệt sáng tạo.
(5) Home run: Thuật ngữ dùng trong môn bóng chày, chỉ cú đánh cho phép người đánh chạy quanh sân ghi một lúc nhiều điểm mà không phải dừng lại.
(6) Steve Jobs: Giám đốc điều hành của hãng máy tính Apple, hãng đi đầu trong ngành công nghiệp máy tính ở Mỹ với hàng loạt các sáng chế như hệ điều hành OSX, máy tính và sổ tay điện tử MAC, bàn phím. Hãng đã bán ra hơn 50 triệu máy nghe nhạc cầm tay Ipod trên toàn thế giới. Đây là một sản phẩm cách mạng trong kỷ nguyên âm nhạc kỹ thuật số.
(7) Vince Lombardi: Huấn luyện viên bóng bầu dục huyền thoại trong các giải vô địch quốc gia Mỹ thế kỷ 20. Ông đã dẫn dắt đội Green Bay Packers đăng quang ngôi vô địch thế giới.
(8)Tiger Woods: sinh năm 1975, là vận động viên đánh golf chuyên nghiệp số 1 thế giới người Mỹ. Với danh hiệu này, Woods trở thành tay golf chuyên nghiệp có mức thu nhập cao nhất thế giới (năm 2005 là 87 triệu đô-la).
(3) Robert Frost (1874-1963) là nhà thơ nổi tiếng người Mỹ, được xem là một trong những nhà thơ sáng tác về đề tài thôn quê hay nhất trong thế kỷ 20. Ông đã bốn lần đoạt giải Pulitzer, từng được đề cử giải Nobel văn học năm 1953 và nhận được nhiều giải thưởng vinh dự và cao quý khác trong sự nghiệp thơ ca của mình.
3. Thuật ngữ Moat do Warren Buffett sáng tạo ra, ngụ ý một công ty có lợi thế cạnh tranh và tạo ra “hàng rào” ngăn cản sự cạnh tranh của các công ty khác.
1. Ở Việt Nam lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình khoảng 8%/năm. 2 Nơi có sàn giao dịch chứng khoán New York.
Hình tượng rắn trên chùa Thái.
Khổ.
Vùng đầm lầy.
Tượng.
Cúng cơm.
Loại bánh mì dẹt tròn.
Núi.
Hình tròn mang tính biểu tượng cao quý dùng làm đối tượng thiền trong Phật giáo Đại thừa.
Tranh vẽ tượng, đề tài tôn giáo.
Hiện thân, hóa thân.
Phật thiền.
Bơ lọc dùng làm dầu ăn.
Cây chùy biểu tượng.
Một loại rượu ở Nepal, Tây Tạng.
Dạ xoa.
Thuốc lá làm từ lá thuốc non và đọt gai dầu.

Chùa, tu viện ở Tây Tạng.
Hoàng phái, phái mũ vàng.
Nghĩa là bạn đạo, là một học vị Phật giáo Tây Tạng dành cho tăng ni.
Ấn.
Ni sư.
Chất gây ảo giác, ma túy.
Niết Bàn.
Hành vi lễ bái hay tụng niệm.
Pháp, phận sự.
Binh sĩ Nepal trong quân đội Anh hoặc Ấn.
Người Anh (1570-1606) thành viên nhóm tín đồ Công giáo có âm mưu ám sát vua James I của Anh.
Khu vực ở đông nam Bangladesh và biên giới Ấn Độ với Miễn Điện, là một quận của Bangladesh, cho đến năm 1984 thì bị chia thành ba quận. Trong thập niên 1970 và 1980, cư dân các bộ tộc này đã chống lại những cố gắng của chính phủ nhằm đưa dân Bengal đến đây sinh sống. (N.D)
Vải dệt tay.
Tiền trà nước.
Vâng, được.
Biên nhận.
Thiền minh sát
Xá, hai tay chắp lại để tỏ ý cung kính.
Tiếng Latin, nghĩa là chất liệu Ấn Độ.
Y học Ấn Độ cổ đại, trị bệnh bằng thảo mộc, yoga, chế độ ăn.
Chư thiên
Diện kiến với đạo sư.
Áo cà sa khoác bên ngoài.
Một trong những đường chính dài nhất và xưa nhất châu Á, nối vùng đông và tây tiểu lục địa Ấn và nối Nam Á với Trung Á.
Ảo ảnh.
Một dạng bánh mì của Ấn Độ.
Rau xào.
Đậu lăng.
Kỳ an cư mùa mưa.
Nhà nghỉ.
Bánh mì dẹt chiên trong bơ loãng.
Enthusiasm, từ tiếng Hy Lạp enthousiasmos.
Pháp Tánh Ngữ Kinh, “Chương 1,” 6. [ITP18.]
Tên một loại đá biến chất, đá phiến.
Ống điếu.
Cây gai dầu.
Như cái chén nhỏ xíu để uống trà.
Ghat: bậc thềm dẫn xuống sông Hằng.
Giovanni Antonio Canal (17/10/1697 - 19/4/1768), họa sĩ Ý chuyên vẽ phong cảnh Venice.
Joseph Mallord William Turner (23/4/1775 - 19/12/1851), họa sĩ người Anh, vẽ tranh phong cảnh thuộc trường phái lãng mạn.
Paul Jackson Pollock (28/1/1912 - 11/8/1956), họa sĩ nổi tiếng người Mỹ, là một gương mặt quan trọng trong trào lưu chủ nghĩa biểu hiện trừu tượng.
Pieter Bruegel il Vecchio (1525 - 9/9/1569), họa sĩ Hà Lan.
Điệu nhảy siêu phàm của thần Shiva.
Biểu tượng sùng bái hình dương vật.
Trống vỗ bằng tay.
Bánh mì dẹt chiên phồng lên.
Một dạng kẹo.
1. Ta là chúa tể của thế giới.

2. Hai câu thơ nằm trong bài thơ Hai mươi hai vần dâng tặng quan tả thừa họ Vi của Đỗ Phủ.
3. Trong Tứ tiểu Thiên hậu của dòng văn học lãng mạn hiện đại do độc giả Trung Quốc bình chọn, Phỉ Ngã Tư Tồn được mệnh danh là Thiên hậu bi tình, bởi lẽ bi kịch dường như đã trở thành dấu ấn riêng của chị.
4. Cô chiêu: trong "cậu ấm, cô chiêu", con cái trong những gia đình giàu có, được nuông chiều.
5. Hành cung: cung điện cho vua ở tạm khi ra khỏi hoàng thành ở kinh đô.
6. Tianya: một trong những diễn đàn trực tuyến được yêu thích nhất tại Trung Quốc.
1. Shizuka: một nhân vật phụ trong bộ truyện tranh Hana Yori Dango (Boys Over Flowers) của Nhật.
1. Câu chuyện về người nông dân và con rắn độc là một câu chuyện thuộc tuyển tập Những câu chuyện ngụ ngôn của Aesop.
1. Củ dền: có tên khác là củ cải đường, được trồng nhiều ở vùng Bắc Mỹ, Trung Mỹ và Anh Quốc.
2. Two-tone: hai tông màu.
1. Mỗi một loài hoa đều mang những thông điệp riêng, dạ lan có nhiều màu, nhiều thông điệp. Màu tím của dạ lan tượng trưng cho nỗi buồn và nói thay lời xin lỗi: "Hãy tha thứ cho anh."
1. Căn cứ theo thủ pháp vẽ, tranh Trung Quốc có thể chia thành tranh vẽ chi tiết và tranh tả ý.
2. Cá Napoleon: còn gọi cá hàng chài đầu to, được phát hiện ở các vùng nước Indonesia và Phillipines, rất được ưa chuộng ở Trung Quốc.
1. Olympiad: giải thi đấu mang tính quốc tế, đề thi thường rất khó, được chia làm nhiều lĩnh vực: Toán, Lý, Hóa, Thể dục thể thao, Cờ vua…
2. Ôi, Romeo, Romeo! Sao chàng lại là Romeo chứ?
1. GMAT: viết tắt của Graduate Management Admission Test, là tiêu chuẩn đánh giá được phân phát bằng tiếng Anh, giúp cho các trường thương mại đánh giá khả năng của những người nộp đơn xin học thương mại và quản trị cấp cao.
2. Trần Viên Viên: một danh kỹ ở miền Giang Nam thời Minh mạt - Thanh sơ, là một trong những nhân vật dẫn đến sự sụp đổ của nhà Minh.
3. Một câu thơ trích trong bài Viên Viên khúc của Ngô Vĩ Nghiệp, Nguyễn Thị Bích Hải dịch.
4. Một loại rượu bình dân của Trung Quốc, nấu từ hạt ngũ cốc.
1. Sơn tra: còn có tên là cây chua chát, cây gan hay táo mèo, được dùng làm thuốc ở cả phương Đông và phương Tây hàng chục thế kỷ qua. Hiện nó được dùng rộng rãi tại nhiều nước châu Âu để trị bệnh tim mạch. Còn ở Việt Nam,Trung Quốc, sơn tra là thuốc chữa các chứng về đường tiêu hóa.
1. ICU: viết tắt của cụm từ Intensive Care Unit, khu chăm sóc đặc biệt, khoa hồi sức tích cực.
2. Theo quan niệm của người Đài Loan, sau khi tai qua nạn khỏi nên ăn mì móng giò để xua đuổi vận đen. Còn theo dân gian Trung Quốc lưu truyền bấy lâu nay, lá bưởi có thể mang lại may mắn, xua đuổi tà ma và những điều xấu.
1. Hồng lâu Nhị Vưu: chỉ Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư, hai nhân vật trong Hồng lâu mộng. Cả hai đều là những cô gái sắc nước hương trời.
2. Rukawa Kaede: một trong những nhân vật chính trong bộ truyện tranh Slam Dunk của Nhật.
3. Trương Vô Kỵ: nhân vật nam chính trong bộ tiểu thuyết Ỷ thiên Đồ long ký của nhà văn Kim Dung.
4. Quang Minh đỉnh: sào huyệt của Ma giáo mà Trương Vô Kỵ đã lần mò theo một ông hòa thượng leo lên.
5. Lầu Dật Phu là công trình kiến trúc được đặt theo tên của nhà tài trợ Thiệu Dật Phu. Thiệu Dật Phu được biết đến như một "ông trùm" của làng giải trí Hoa ngữ. Kể từ năm 1985, ông đã quyên tiền xây dựng nhiều công trình kiến trúc phục vụ cho khoa học giáo dục tại Đại lục, các công trình này thường được đặt theo tên của ông.
6. Hoa dạ hợp: hay còn gọi là hoa mộc lan Trung Hoa, có màu trắng hoặc phớt hồng.
1. Diêu Minh: ngôi sao bóng rổ thành công ở Mỹ và được cả Trung Quốc biết đến.
2. Minh Tường: vận động viên điền kinh đầu tiên của Trung Quốc từng giành ba danh hiệu: kỷ lục gia thế giới, vô địch thế giới và vô địch Olympic.
3. Vận động Ngũ tứ (hay còn gọi là Phong trào Ngũ tứ): một phong trào đấu tranh rộng lớn của sinh viên, học sinh, công nhân, thị dân, trí thức Trung Quốc, vì nổ ra đúng vào ngày 4 tháng 5 năm 1919 nên được gọi là phong trào Ngũ tứ.
4. Uống rượu độc chữa khát: ví với giải quyết khó khăn trước mắt mà không tính đến hậu quả về sau.
1. Chúc Doãn Minh (1460-1526): tên chữ là Hy Triết, hiệu Chi Sơn, là một thư pháp gia kiệt xuất

đứng đầu Thư phái vùng Ngô trung, mọi người nhận định ông là thư pháp gia đệ nhất triều Minh.
2. Phê đấu: một thuật ngữ phổ biến trong thời kỳ "đại cách mạng văn hóa của Trung Quốc", viết tắt của "phê phán" và "đấu tranh".
3. Hai câu thơ trích trong Thấm viên xuân - Trường Sa của Mao Trạch Đông.
4. Diệc Thư: tên đầy đủ là Nghê Diệc Thư, sinh năm 1946 tại Thượng Hải, là em gái của tác gia nổi tiếng Nghê Khuông, cùng với Kim Dung và anh trai được xem là "tam đại kỳ tích" của giới văn đàn Hương Cảng.
1. Morphine: một loại thuốc giảm đau gây nghiện.
1. Em Lâm: chỉ Lâm Đại Ngọc, một trong ba nhân vật chính trong tiểu thuyết Hồng lâu mộng.
2. Squash: môn thể thao giống tennis, nhưng chơi trong phòng kín, vợt ngắn hơn và bóng cũng nhẹ hơn. Người chơi đánh bóng vào vách tường có gạch mức để làm chuẩn tính điểm, có thể chơi một mình.
1. Câu thơ trích trong bài thơ Thái tang tử của Tân Khí Tật, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.
2. Từ thời La Mã, người ta vẫn cho rằng đà điểu ngốc nghếch đến nỗi chúng đối phó với hiểm nguy bằng cách giấu đầu trong cát. Hình ảnh này cũng trở thành ẩn dụ cho những ai trốn tránh thực tế, giống như đứa trẻ bịt tai lại và la toáng lên: "Tôi không nghe thấy gì cả".
3. "Đồng Tuyết" phát âm gần giống với từ "bạn học"; 同学(tóngxué/bạn) và 童雪(tóng xuě/Đồng Tuyết).
1. Kaixin: một trong những trang mạng xã hội phổ biến ở Trung Quốc.
2. JP: viết tắt của từ 极品 (jipin) theo nghĩa tiêu cực tức là: người tệ hại không ai chịu nổi.
1. Alibaba Group là tập đoàn thương mại điện tử lớn nhất Trung Quốc, sở hữu công ty Alibaba.com và đồng thời sở hữu Taobao, Alipay, China Yahoo...
2. Taobao là một trong bốn hệ thống mua bán trực tuyến lớn nhất tại Trung Quốc.
3. Tencent: công ty cung cấp dịch vụ tin nhắn QQ cùng nhiều dịch vụ trực tuyến khác, rất phổ biến tại Trung Quốc.
4. Mã Hóa Đằng: chủ tịch kiêm tổng giám đốc điều hành Tencent.
5. Mã Vân: người sáng lập và là tổng giám đốc tập đoàn Thương mại điện tử khổng lồ Alibaba.
Khải Đạt từ năm 2005 bắt đầu cung ứng hộp bọc ngoài iPod cho Apple.
Macintosh (hay Mac): Là một dòng sản phẩm máy tính cá nhân được thiết kế, phát triển và đưa ra thị trường bởi tập đoàn Apple.
C2C (Consumer-to-Consumer): Là hình thức thương mại điện tử giữa những người tiêu dùng với nhau.
Kỉ nguyên hậu PC: The Post-PC era
Cây gậy và củ cà rốt (carrot and stick): Là khái niệm được dùng để chỉ một hành động đồng thời khuyến khích điều tốt (củ cà rốt) và trừng phạt điều xấu (cây gậy). Đây là một chính sách ngoại giao trong quan hệ quốc tế, thường được các nước lớn mạnh sử dụng nhằm thay đổi hành vi của các nước nhỏ hơn. "Cây gậy" tượng trưng cho sự đe dọa trừng phạt, còn "củ cà rốt" tượng trưng cho quyền lợi hay phần thưởng.
Bong bóng Dot-com: ý nói những trang web của các công ty trên mạng lưới toàn cầu với tên miền là.com, là một bong bóng thị trường cổ phiếu khi các cổ phiếu của các công ty công nghệ cao, nhất là các công ty mạng được đầu cơ. Bong bóng này được sinh ra vào ngày 9/8/1995 – khi Netscape Communications bắt đầu niêm yết cổ phiếu của mình và vỡ vào ngày 10/3/2000 – khi chỉ số tổng hợp NASDAQ đạt đỉnh cao nhất. Bong bóng Dot-com đã góp phần cùng các nhân tố khác tạo nên sự thịnh vượng kinh tế của Mĩ cuối thập niên 1990 – thời kì mà nhiều người gọi là "Nền Kinh tế Mới", còn Alan Greenspan gọi là "sự thịnh vượng bất thường".
Personal Digital Assistant: Thiết bị kĩ thuật số hỗ trợ cá nhân
Tên một nhân vật trong truyện cho thiếu nhi có tên là Struwwelpeter.
Rapid eye movements (chuyển động mắt nhanh) để chỉ một giấc ngủ sâu, trái ngược với NREN - giấc ngủ không sâu.
Quasimodo: Anh gù trong tiểu thuyết Nhà thờ Đức Bà Paris, còn được biết đến với tên "Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà".
Hai nữ minh tinh nổi tiếng của thập niên 80, 90 thế kỷ trước.
Hai người phụ nữ được biết đến với gương mặt không mấy xinh đẹp.

Nê và Nghê là hai từ đồng âm.
Nam uống hoócmon và chuyển đổi giới tính thành nữ.
“Ăn dấm” còn có nghĩa bóng là “ghen”.
“Trường hận ca” của Bạch Cư Dị.